



Công ty Dược hàng đầu  
**Với Công Nghệ Hiện Đại**  
**Theo tiêu chuẩn Quốc Tế**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**2017**

**ANNUAL REPORT**

Modern Technology - International Standards

# MỤC LỤC

<b>01. GIỚI THIỆU CÔNG TY</b>	
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	6-7
Tổng quan công ty	10-11
Giới thiệu Ban Lãnh đạo	12-13
Sơ đồ tổ chức	14-15
Sự kiện nổi bật	18-19
Con số nổi bật	20-21
<b>02. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP NĂM 2018</b>	
Khái quát tình hình năm 2017	24-27
Mục tiêu, định hướng, giải pháp 2018	28-29
<b>03. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>30-33</b>
<b>04. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
Thông tin về Công ty	36
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	36
Báo cáo của Kiểm toán độc lập	37
Bảng cân đối kế toán	38-39
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	40
Báo cáo chuyển lưu tiền tệ	41-42
Thuyết minh báo cáo tài chính	43-59
<b>05. HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG</b>	<b>100-103</b>

# CONTENTS

<b>01. COMPANY INTRODUCTION</b>	
Message from the Chairman	8-9
The company's overview	10-11
The leadership	12-13
Organization chart	16-17
Highlights in 2017	18-19
Impressive numbers	20-21
<b>02. BUSINESS PERFORMANCE REPORT FOR 2017 OBJECTIVES, DIRECTIONS AND SOLUTIONS FOR 2018</b>	
Overview of 2017	64-67
Objectives, orientation and solutions for 2018	68-69
<b>03. REPORT OF THE BOARD OF SUPERVISORS</b>	<b>70-73</b>
<b>04. FINANCIAL STATEMENTS</b>	
Corporate information	76
Statement of the Board of Management	76
Independent auditor's report	77
Balance sheet	78-79
Statement of income	80
Statement of cash flows	81-82
Notes to the financial statements	83-99
<b>05. SOCIAL ACTIVITIES</b>	<b>100-103</b>



**Tiếp tục hiện đại hóa các dây chuyền sản xuất theo hướng tự động, giảm sự can thiệp của con người và nâng cao công suất, cùng với việc áp dụng khoa học công nghệ 4.0 vào quy trình sản xuất sẽ tạo ra sự thay đổi cơ bản trong hoạt động của công ty và đó là hướng đi mà Danapha đang thực hiện.**

**Continue to modernize and automate the production lines to reduce the manual work and increase productivity. In addition, the application of the 4.0 technology into production will create essential changes for the company and that is the strategic direction of Danapha.**



# 01

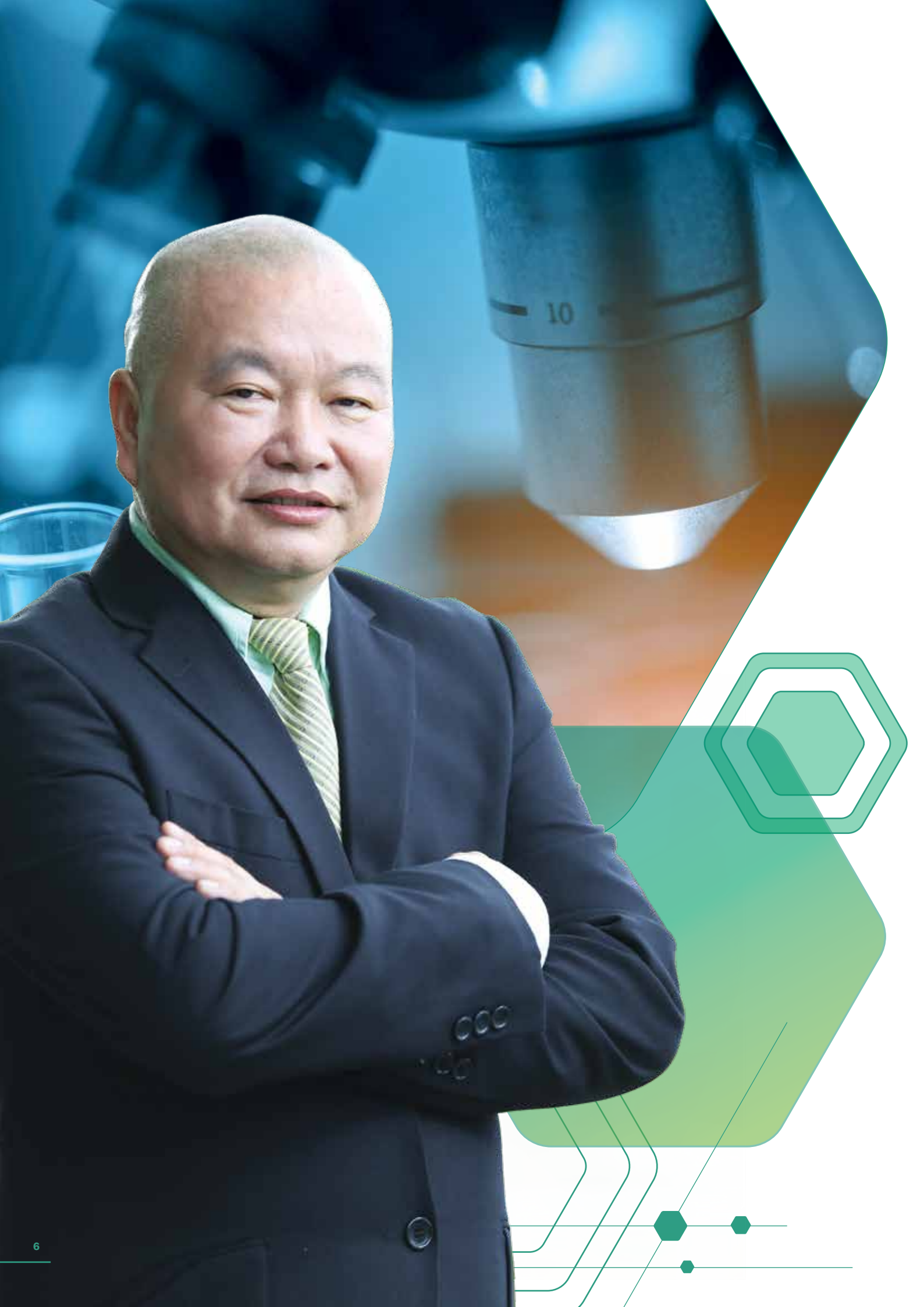
## GIỚI THIỆU CÔNG TY

### COMPANY INTRODUCTION





CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA  
DANAPHA PHARMACEUTICAL JSC.



# Thông điệp

## của Chủ tịch

# Hội đồng quản trị

### Quý vị cổ đông kính mến!

Thị trường dược phẩm Việt Nam đang trên đà tăng trưởng khá lạc quan, năm 2017 doanh thu của thị trường trong nước ước đạt 5,2 tỷ USD (theo BMI), tăng khoảng 10% so với năm trước và được dự đoán sẽ tiếp tục tăng trưởng hai con số trong vòng 5 năm tới. Chỉ tiêu cho dược phẩm bình quân trên đầu người ở Việt Nam vẫn tiếp tục tăng, duy trì ở mức tăng ít nhất 14%/năm cho tới năm 2025. Chính vì sức hấp dẫn đó đã dẫn đến sự thu hút mạnh mẽ đối với các nhà đầu tư nước ngoài, thậm chí những nhà đầu tư trong nước hoạt động ngoài ngành, tạo ra áp lực khá lớn với các doanh nghiệp trong nước.

Trong bối cảnh đó, tuy đã có nhiều nỗ lực trong hoạt động SXKD nhưng kết quả đạt được không như mong muốn. Doanh thu năm 2017 là 467,35 tỷ đồng, đạt 70,81% kế hoạch năm và lợi nhuận trước thuế là 83,01 tỷ đồng, đạt 84,62% so với kế hoạch năm. Có hai nguyên nhân chính lý giải cho việc doanh thu không đạt đó là sự sụt giảm của kế hoạch xuất khẩu liên quan đến các nguyên nhân khách quan về giấy chứng nhận GMP-Nga và sự điều chỉnh của hệ thống kinh doanh nội địa trong việc chia tách, tăng số lượng chi nhánh cũng như sự thay đổi nhân sự chủ chốt trong hệ thống kinh doanh. Tuy vậy, lợi nhuận trước thuế mặc dầu không đạt theo kế hoạch nhưng vẫn tăng trưởng hơn 10% so với cùng kỳ nên các chỉ số sinh lợi của công ty không thay đổi nhiều so với năm 2016. Tỷ suất lợi nhuận gộp và tỷ suất lợi nhuận ròng của công ty tăng nhẹ so với năm trước. Điều đó cho thấy mặc dù doanh thu của công ty tuy chưa đạt như mong muốn nhưng các chính sách quản lý chi phí vẫn phát huy hiệu quả nên khả năng sinh lợi của công ty vẫn đang rất tốt. Các chỉ số ROA và ROE giảm nhẹ so với năm 2016. Mức giảm là không lớn cho thấy công ty vẫn có thể đem lại lợi ích cho mình và cổ đông. Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2017 đạt 14,8 triệu đồng/1 người/1 tháng.

Tuy nhiên cũng phải thẳng thắn thừa nhận, kết quả hoạt động SXKD không như mong muốn trong những năm vừa qua cho thấy chúng ta còn rất nhiều việc còn phải làm mới hy vọng làm thay đổi hoạt động của doanh nghiệp và tiến về phía trước. Trong nội tại doanh nghiệp vẫn còn tồn tại rất nhiều điểm yếu và chưa được phát huy hết khả năng trong khi thị trường ngày càng chuyển biến mạnh mẽ theo hướng gia tăng áp lực cạnh tranh. Và để làm được điều đó, sự thay đổi sẽ không dừng lại tại đây, các điều chỉnh trong hoạt động SXKD và quản trị sẽ tiếp tục được thực hiện để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Về công tác đầu tư trong năm, hàng loạt các thiết bị máy móc đã được đưa vào hoạt động như dây chuyền sản xuất Cao Sao Vàng tự động, hệ thống máy đóng hàn thuốc tiêm, đi kèm đó là các hoạt động cải tạo nhà xưởng, mở rộng kho,... hy vọng sẽ là bước đệm để công ty có thể hoạt động khởi sắc hơn trong năm 2018.

Bên cạnh đó, dự án Nhà máy sản xuất thuốc bán rắn (OSD) giai đoạn 1 tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng cũng đang được gấp rút hoàn thiện giai đoạn thiết kế để sớm khởi công theo kế hoạch. Đây được xem là dự án trọng điểm của công ty trong năm 2018, đòi hỏi sự kiên trì và quyết tâm cao độ cộng với một lượng vốn đầu tư lớn, trong ngắn hạn có thể sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp nhưng đây là cách duy nhất để chúng ta có thể bứt phá lên phía trước. Qua đây, tôi cũng chân thành kêu gọi sự chung vai sát cánh, sự đồng lòng, ủng hộ của Quý nhà đầu tư, Quý cổ đông và Tập thể người lao động Danapha để thực hiện thành công con đường mà chúng ta đã lựa chọn vì một Danapha phát triển bền vững trong tương lai.

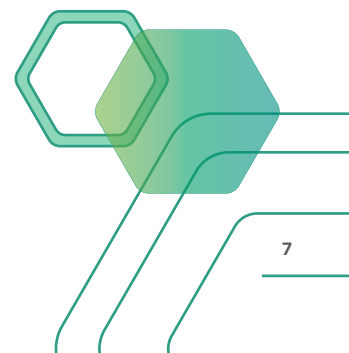
Thay mặt HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Danapha, tôi trân trọng gửi đến tập thể CBCNV Danapha, những người đã luôn đồng hành và nỗ lực hết mình vì sự phát triển của Công ty, đồng thời gửi đến Quý vị Cổ đông và Nhà đầu tư lời cảm ơn chân thành nhất về niềm tin và sự ủng hộ đối với Danapha trong thời gian qua. Tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, định hướng mà chúng ta đã lựa chọn và con đường mà chúng ta đang đi là đúng đắn. Các cam kết với cộng đồng, tâm huyết với doanh nghiệp sẽ là động lực để chúng ta bước tiếp vì một ngày mai tươi sáng hơn.

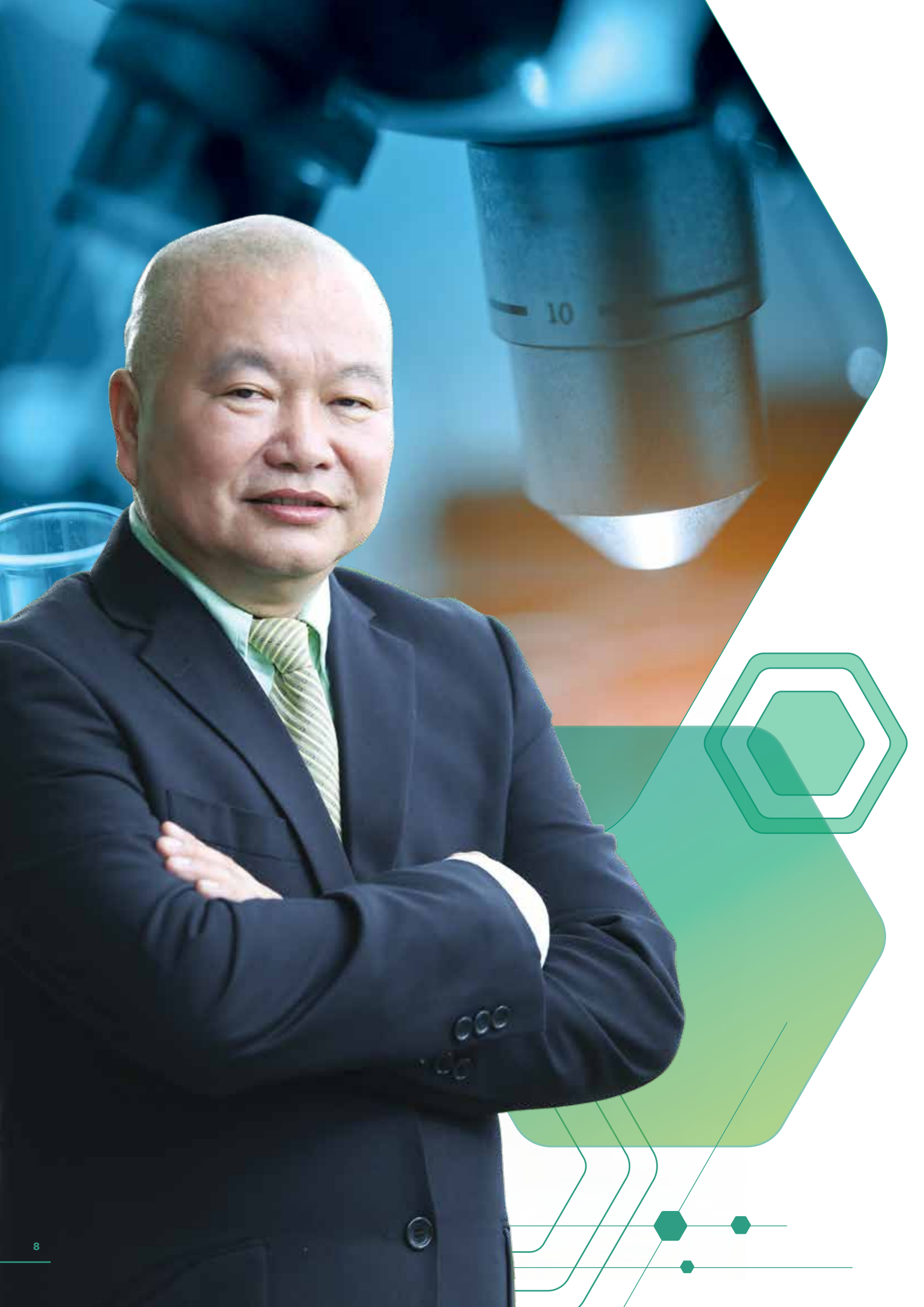
Kính chúc Quý vị sức khỏe và gặt hái được nhiều thành công.

Trân trọng cảm ơn!



**Ths. Ds. Nguyễn Quang Trí**  
Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc







# Message from the Chairman

## Dear our esteemed shareholders!

Vietnam pharmaceutical market has been growing positively with the estimated 2017 aggregate market size of USD 5.2 billion (According to BMI), up 10% in compared with last year. The forecasted growth rate is expected to be double-digit number in the next 5 years. Average pharmaceutical spending per capita is expected to keep growing at the pace of 14% per annual until 2025. Such attractiveness is the drive for foreign investors and even the domestic investors from other industries to join in Vietnam pharmaceutical market. The new entrants put up a lot of pressure on the local companies.

In such situation, despite the different efforts, the business results were not as expected. The revenue of 2017 was 467.35 billion VND, achieving 70.81% of the annual target and earnings before tax was 83.01 billion VND, achieving 84.62% of the target. There are two main reasons explaining the result. Firstly, the slow-down in export revenue due to the trouble related to GMP-Russia and the changes of domestic business systems coming from the branch splits and changes of key people. However, earnings before tax still increased by 10% so the profitability ratios have not changed much in compared with 2016. Gross profit margin and net profit margin slightly increased. Hence, we can see though the revenue was not as expected, the effective management policies helped the company maintain its earning capability. ROA and ROE were slightly down in compared to 2016. The decrease percentages were mild proving that the company still earned good benefits to its shareholders. Average income of employee in 2017 was 14.8 million VND/ per pax.

However, admittedly, the disappointed business result shows that we still have many things to do in order to transform and move our business ahead. Internally, we still face many challenges and weaknesses, we still have not utilized our maximum potential in the situation of drastic market changes and higher competitive pressure. To achieve such goals, changes will be made, adjustments in business operations and management will be implemented so as to enhance the business efficiency.

Regarding the investment, equipment and devices have been put into use, e.g. the automated production line of Golden star balm and the new packaging machine. In addition, there were many facilities and warehouse renovations. We hope these investments are the stepping stone leading to improved business activities in 2018.

Besides, phase 1 of the OSD manufacturing plant project has been quickly wrapped up in order to be ready for the opening ceremony. This is considered as the focal project of the company in 2018, requiring persistence, determination and huge investment, which in short-term will create difficulties for the company. However, this is the only way to achieve break-through results. By the way, I call for the joint forces, the commitment and support from our investors, shareholders and Danapha's employees in order to successfully go on the way we have chosen, for the successful and sustainable development of Danapha.

On behalf of the Board of Directors and Board of Management of Danapha, I sincerely send the regards to all Danapha's employees who have companioned and tried their best for the development of the company, and the gratitude to the shareholders and investors for the trust and support so far. I am confident that our current direction is totally right. Our commitment with community and our own company will be the drive to keep pacing for a better future.

Wish you health and success.

Kindly regards!



**Mr. Nguyen Quang Tri**  
Chairman/ General Director





Danapha được thành lập từ năm 1965, với tiền thân là một xưởng dược quy mô nhỏ, sau 4 lần thay đổi tên và mô hình hoạt động, Danapha đã chính thức cổ phần hóa vào năm 2007. Với hơn 50 năm lịch sử hình thành và phát triển, Danapha nay đã trở thành một trong những công ty dược hàng đầu Việt Nam.

**Established in 1965 and equitized in 2007, Central Pharmaceutical Factory No.5 whose corporate name is Danapha Pharmaceutical Joint Stock Company. With 52 years of experience and growth, Danapha is recognized as a leader in Vietnam's pharmaceutical industry.**

Từ một Xí nghiệp dược phẩm có quy mô và công suất nhỏ, Danapha hiện đã có một nhà máy Tân dược đạt chuẩn GMP-WHO và một nhà máy Đông dược đạt chuẩn GMP-WHO có quy trình sản xuất tự động hoàn chỉnh, với hệ thống chiết xuất cô cao dược liệu tuần hoàn khép kín công suất lớn. Đặc biệt, Nhà máy sản xuất của Danapha còn được cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn GMP-Ukraine, bao gồm cả tiêu chuẩn PIC/S. Bên cạnh đó, với mục tiêu cao nhất là chinh phục những đỉnh cao công nghệ mới trong ngành dược, Danapha đã đầu tư hàng chục tỷ đồng để xây dựng Trung tâm nghiên cứu và phát triển hiện đại bậc nhất vào những năm 2000. Chính sự nghiêm túc đầu tư này đã giúp Danapha tạo được vị thế vững chắc trên thị trường dược Việt Nam với nhiều sản phẩm thuốc đa dạng, từ những sản phẩm điều trị thông dụng như thuốc hướng thần, thuốc Đông Dược, thuốc giảm đau, kháng viêm, thuốc nhỏ mắt mũi,...Không dừng lại ở đó, Danapha đang tiếp tục đầu tư ứng dụng công nghệ Nano và công nghệ sinh học, hứa hẹn cho ra đời những sản phẩm đặc trị có hàm lượng chất xám cao và hiệu quả điều trị vượt bậc. Trong tương lai, Danapha sẽ tiếp tục theo đuổi mục tiêu vì sức khỏe cộng đồng và kiên định với chiến lược phát triển bền vững dựa trên nhân lực và công nghệ để nhanh chóng đưa Danapha vươn lên theo kịp đà phát triển của ngành dược thế giới.

Danapha currently has two factories with four production lines meeting Good Manufacturing Practice - World Health Organization (GMP-WHO) quality standards, quality system of management controls per the Good Laboratory Practice (GLP) standard test systems, and the System of General Preferences (GSP) certificated warehouse system. Our factory No.2, which specializes in the production of herbal medicines, has fully automatic enclosure and modern circulation evaporator systems. Thanks to our investments in technology platforms, Danapha's factories have achieved Certification of Drug Manufacturing compliance with Ukraine GMP (including PIC/S requirements). Danapha's goal is to improve our capacity to innovate and increase our performance in intensive research. Our investment in a state-of-the-art Research and Development (R&D) Center has allowed us to become a leader in the Vietnam market segment of antipsychotics and nootropics. We have achieved unique and strong brand value by launching successful product lines, including: Herbal medications, Ointments, liminents and inhalers, Respiratory and allergy medications, Analgesic and anti-inflammatory arthritis medications, Gastrointestinal medications, Diabetes and cardiovascular medications, Ophthalmic and nasal drops, Topicals, Vitamins. In addition, we continue to develop many new nanotechnology and biotechnology medications formulations that promise to add significant value for the company. Our strong operating performance not only proves that Danapha is in the right position to achieve sustained and organic growth but also indicates that we can keep pace with the world's fast-evolving pharmaceutical industry

### TRIẾT LÝ KINH DOANH

Nỗ lực cống hiến vì sức khỏe cộng đồng với những giá trị nhân văn cao đẹp.

### BUSINESS PHILOSOPHY

Relentless dedicate for community health with noble humane values.

## TÂM NHÌN

Là một trong Top 10 nhà sản xuất dược phẩm uy tín tại Việt Nam.

## VISION

Being in the top 10 trusted Vietnam pharmaceutical companies.

## SỨ MỆNH

- Sản xuất những sản phẩm mang giá trị chất lượng, đạt hiệu quả tối ưu.
- Không ngừng đổi mới vì sự chuyên nghiệp và phát triển bền vững.
- Nhân lực là yếu tố quyết định mọi thành công của Danapha.
- Chú trọng hiệu quả chiều sâu của công việc.

## MISSION

- To manufacture products that represent quality values and optimal effectiveness.
- Continual renovations towards professionalism and sustainable development.
- Human resources are a decisive factor for Danapha's success.
- To emphasize on efficiency and depths of work.

## HỆ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Sự tôn trọng  
 Chất lượng  
 Chú trọng khách hàng  
 Tinh thần tập thể  
 Sự chuyên nghiệp

## CORE VALUES

Respect  
 Quality  
 Customer focus  
 Teamwork  
 Professionalism



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / Board of Directors

**Ông Nguyễn Đức Sơn**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị  
*Member*



**Ông Lại Tiến Mạnh**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị  
*Member*



**Ông Mai Đăng Đầu**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị  
*Member*



**Bà Nguyễn Thị Liên Hoa**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị  
*Member*



**Ông Nguyễn Quang Trị**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
*Chairman*



**Ông Phạm Khắc Hà**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị  
*Member*



**Bà Nguyễn Thị Vạn Thọ**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị  
*Member*



**Ông Trương Công Trị**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị  
*Member*



## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC / Board of Management



**Ông Nguyễn Quang Trị**  
 Tổng Giám đốc  
*General Director*



**Ông Mai Đăng Đầu**  
 Phó Tổng Giám đốc  
*Deputy General Director*



**Ông Dương Chí Toàn**  
 Phó Tổng Giám đốc  
*Deputy General Director*



## BAN KIỂM SOÁT / Supervisory Board



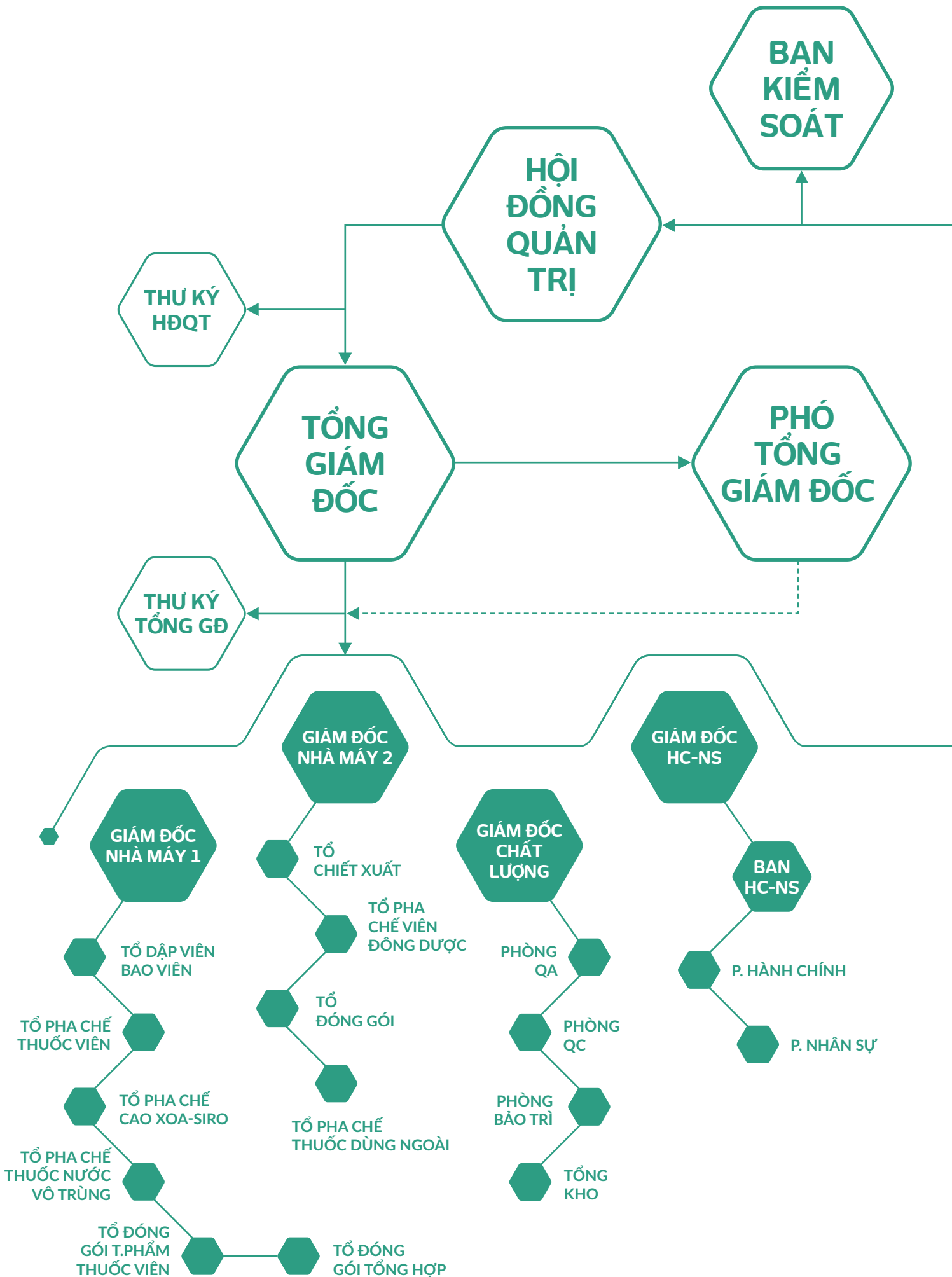
**Ông Nguyễn Hoàng Giang**  
 Trưởng Ban Kiểm soát  
*Head of Supervisory Board*



**Bà Hà Thị Phúc**  
 Thành viên Ban Kiểm soát  
*Member of Supervisory Board*

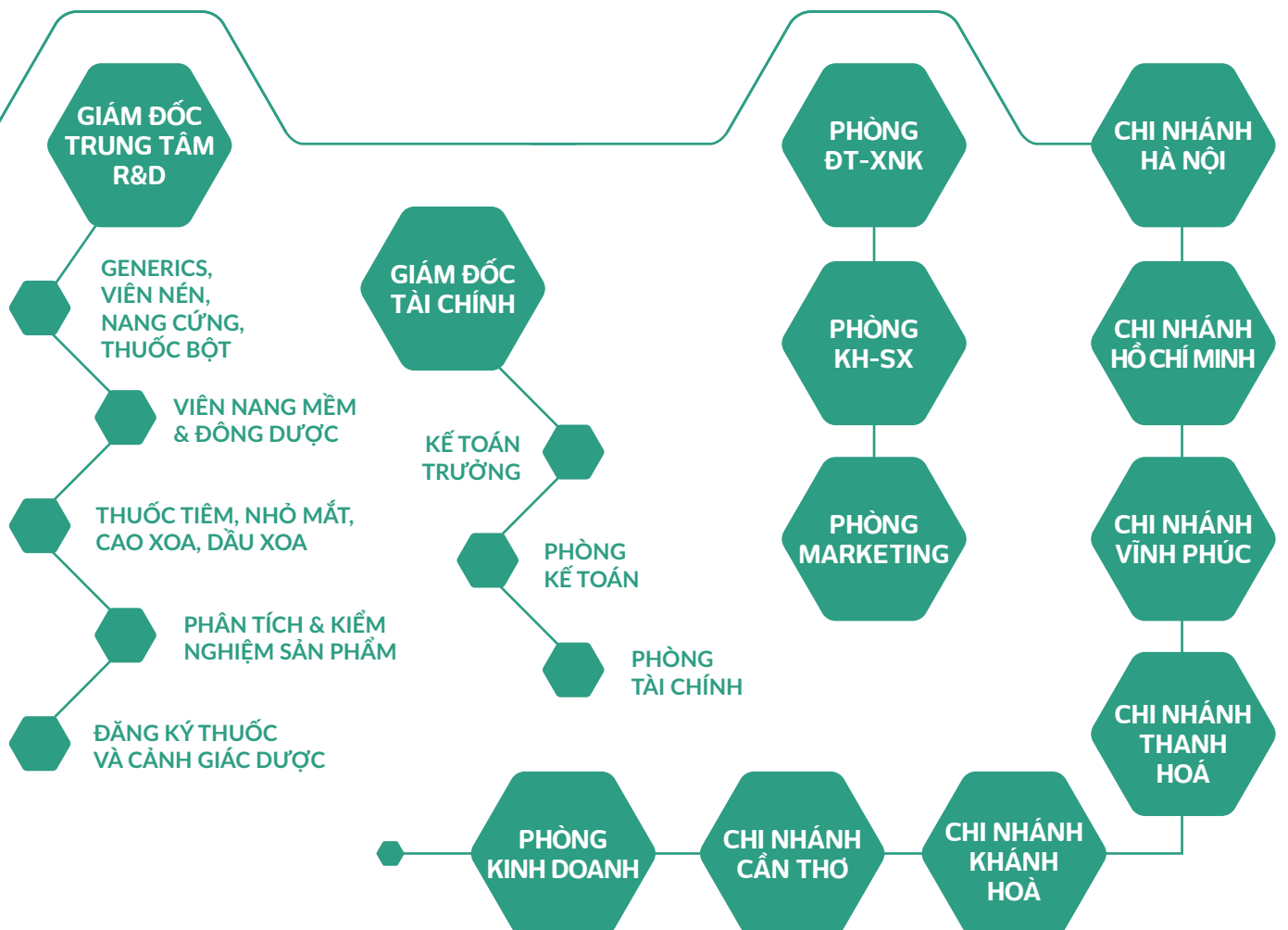


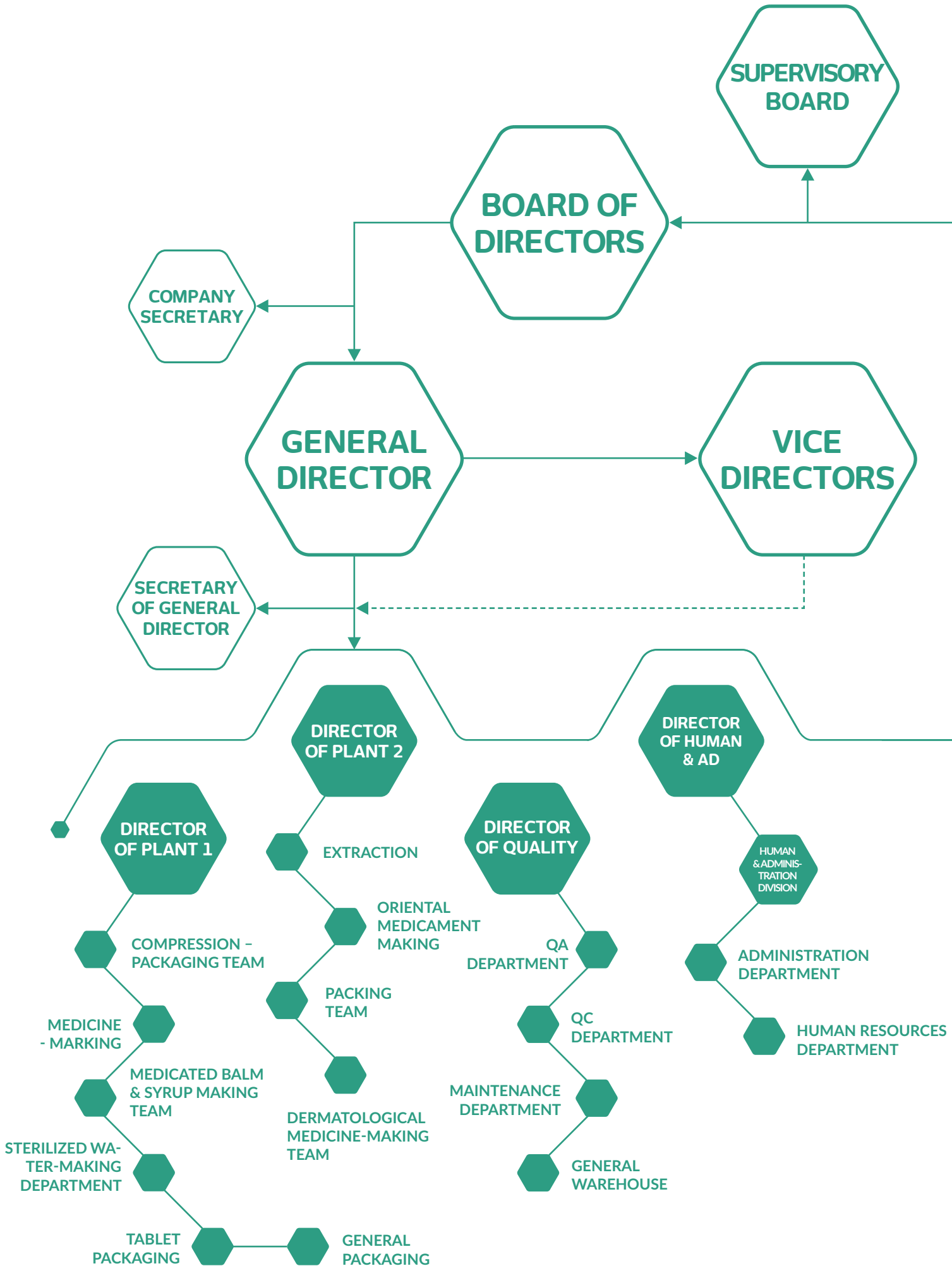
**Ông Lê Thăng Bình**  
 Thành viên Ban Kiểm soát  
*Member of Supervisory Board*



# HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

## Sơ đồ tổ chức

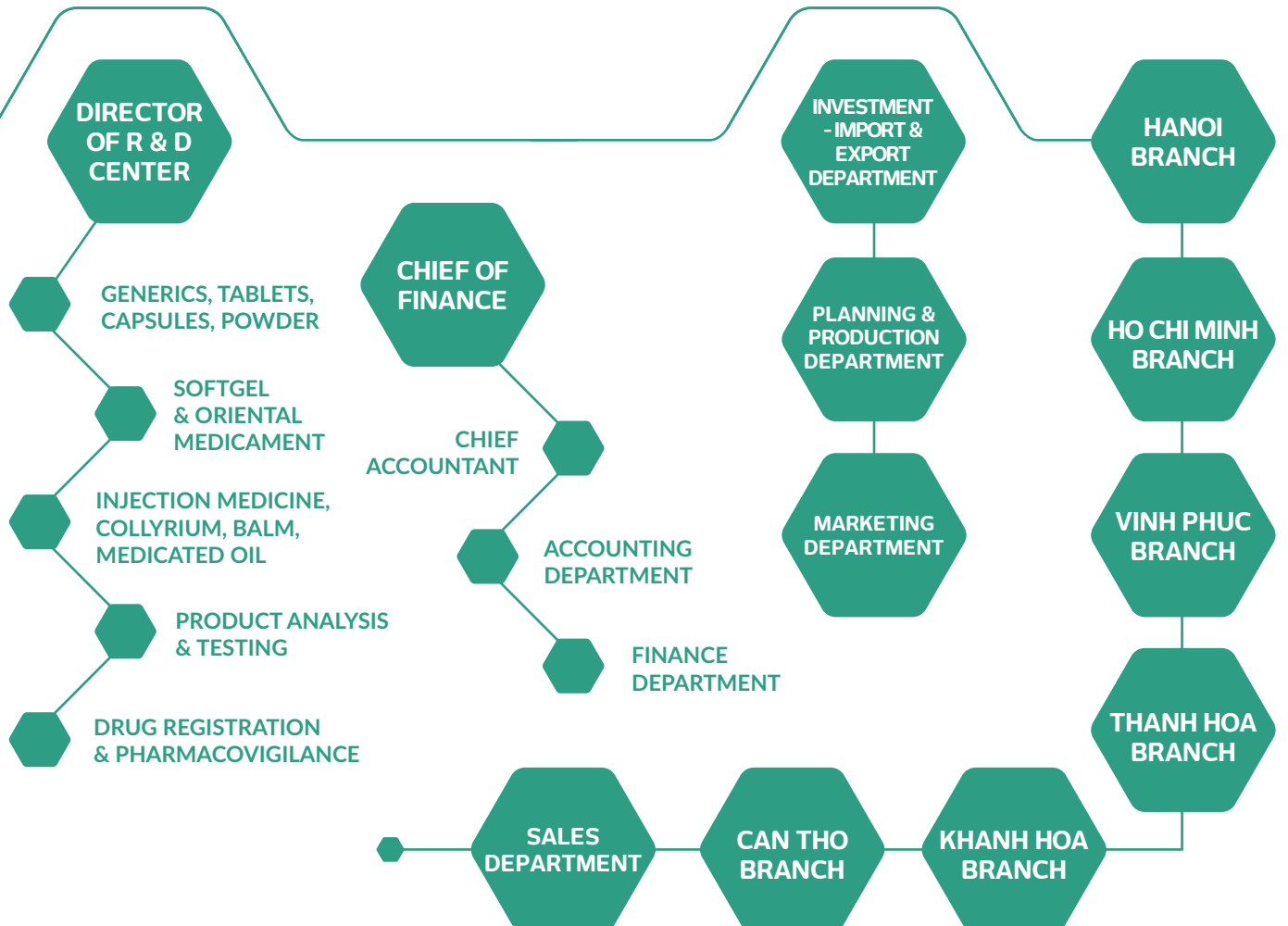






SHAREHOLDERS

# Organization chart





## SỰ KIỆN NỔI BẬT / Highlights In 2017



### Danapha - Doanh nghiệp Đà Nẵng tiêu biểu

Tháng 2/2017, Danapha được Ủy ban Nhân dân TP. Đà Nẵng trao tặng cúp và bằng khen “Doanh nghiệp Đà Nẵng tiêu biểu” bởi những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

### Danapha - Typical Company of Da Nang City

In February, Danapha was awarded by the People's Committee of Da Nang the cup and certificates of merit as “Typical Company of Da Nang City” for their active contribution to the socio-economic development of the city.



### Danapha đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao

Tháng 3/2017, Danapha đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao lần thứ 17 liên tiếp. Đây là giải thưởng uy tín nhất do người tiêu dùng bình chọn và được xem là “chứng chỉ chất lượng” của những nhà sản xuất hàng đầu Việt Nam.

### Danapha has been awarded the title of Vietnam High-Quality Goods

In March 2017, Danapha won the title of Vietnam High-Quality Goods 17th consecutively. This is the most prestigious award voted by consumers and is considered “quality certificate” of the leading manufacturers in Vietnam.



### Danapha được xếp hạng Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2017 ( Profit 500)

Tháng 10/2017, Danapha được xếp hạng Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2017 (Profit 500) bởi khả năng sinh lời tốt, có tiềm năng trở thành trụ cột cho sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

### Danapha was ranked at the Top 500 Most Profitable Companies 2017 (Profit 500)

In October 2017, Danapha was ranked the Top 500 Most Profitable Companies in 2017 (Profit 500) because of good profitability and potential to become the backbone for the development of the Vietnamese economy.





### Danapha nhận danh hiệu “Doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ mới”

Tháng 11/2017, trong khuôn khổ buổi lễ bế mạc Sự kiện ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ 2017 (Techdemo 2017), Danapha đã được trao cúp tuyên dương và giấy chứng nhận “Doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ mới”. Danh hiệu này có được nhờ đầu tư nghiêm túc cho việc đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu và sản xuất.

### Danapha received the title “Enterprise of new technology innovation and application”

In November 2017, at the Technology Application, Transfer and Innovation Event 2017 (Techdemo 2017), Danapha was awarded the Certificate of “Enterprise of new technology innovation and application”. This award was thanked to the committed investment in technology innovation and the application of technology in research and production.



### Danapha lọt vào Top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam 2017

Tháng 12/2017, Danapha được tôn vinh trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững năm 2017. Để được lựa chọn vào Bảng xếp hạng này, Danapha đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sàng lọc khắt khe dựa trên Bộ chỉ số Doanh nghiệp Bền vững (CSI) về phát triển bền vững trong các lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội.

### Danapha entered the Top 100 Sustainable Enterprises in Vietnam in 2017

In December 2017, Danapha was honored in the Top 100 Sustainable Enterprises in 2017. To be selected in this ranking, Danapha had met the strict criteria of screening based on the CSI on Sustainable Development in the areas of economics, environment, and society.



### Danapha được tuyên dương doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ tiêu biểu năm 2017

Tháng 12/2017, Danapha đã tham gia Hội nghị phát triển Doanh nghiệp Khoa học & Công nghệ do Cục Phát triển Thị trường và DN KH&CN, Bộ KH&CN tổ chức tại TP. Hồ Chí Minh và được tuyên dương Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ tiêu biểu năm 2017 vì thành tích xuất sắc trong ứng dụng và phát triển KH&CN.

### Danapha was commended as the outstanding enterprise of science and technology in 2017

In December 2017, Danapha participated in the Conference of Science and Technology Enterprise Development held by the National Agency for Technology Entrepreneurship and Commercialization Development, Ministry of Science and Technology in Ho Chi Minh City and was honored as the outstanding enterprise of science and technology in 2017 for extraordinary achievements in the application and development of science and technology.





## CON SỐ NỔI BẬT / Impressive Numbers

DOANH THU đạt **95,34 %**  
so với năm 2016

REVENUE equivalent to **95.34%**  
of that of 2016

**467,3**

tỷ đồng / billion vnd

**130,2**

tỷ đồng / billion vnd

VỐN ĐIỀU LỆ  
CHARTER CAPITAL

**83,01**

tỷ đồng / billion vnd

LỢI NHUẬN đạt **110,09 %**  
so với năm 2016

EQUIVALENT to **110.09%**  
of that of 2016



## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC BỘ PHẬN

### DEPARTMENTS' PERFORMANCE

**266,9**

tỷ đồng / billion vnd

**Doanh thu từ các chi nhánh**  
Đạt 74,14% kế hoạch  
**Revenue from branches**  
Achieved 74.14% of the plan

**150,7**

tỷ đồng / billion vnd

**Doanh thu từ xuất khẩu**  
Đạt 60,30% kế hoạch  
**Revenue from export**  
Achieved 60.30% of the plan

**49,3**

tỷ đồng / billion vnd

**Doanh thu từ các khối bảo tiêu**  
Đạt 98,74% kế hoạch  
**Revenue from underwriting**  
Achieved 98.74% of the plan

**14,8**

triệu đồng / million vnd

**Thu nhập bình quân**  
triệu đồng / 1 người / 1 tháng  
**Average income per capita**  
million vnd/ person / month

# 02

BÁO CÁO

## HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP NĂM 2018







# KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH NĂM 2017

## I. CƠ CẤU SỞ HỮU HIỆN HỮU CỦA DANAPHA

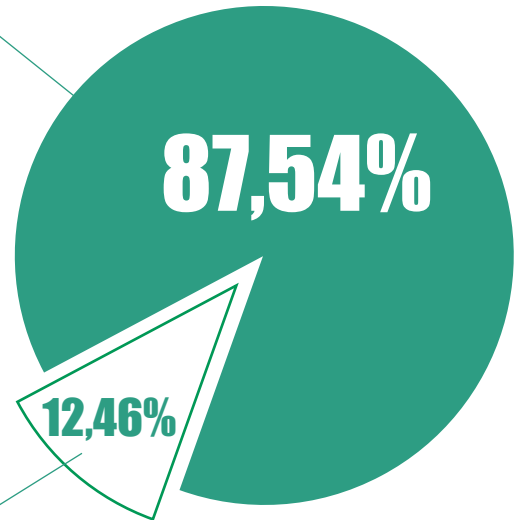
**VỐN ĐIỀU LỆ**  
**130,2**  
 tỷ đồng

được chia thành  
**13.020.000**  
 cổ phần

\* Không còn cổ đông Nhà nước.

**CỔ ĐÔNG NGOÀI**  
 Sở hữu 11.398.172 cổ phần  
 chiếm tỷ lệ 87,54%

**CỔ ĐÔNG CỦA DANAPHA**  
 sở hữu 1.621.828 cổ phần  
 chiếm tỷ lệ 12,46%



## II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG

### 1. Tình hình chung:

- Tình hình thị trường dược phẩm năm 2017 không có nhiều biến động. Nguồn cung và giá các mặt hàng thuốc trên thị trường nhìn chung ổn định.
- Thị trường dược phẩm Việt Nam hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Chi tiêu cho dược phẩm bình quân trên đầu người ở Việt Nam vẫn tiếp tục tăng, duy trì ở mức tăng ít nhất 14%/năm cho tới năm 2025.

### 2. Tại Danapha:

- Tuy kế hoạch sản xuất có giảm nhưng hoạt động sản xuất vẫn cố gắng duy trì ổn định, tạo việc làm thường xuyên cho người lao động.
- Tập trung cho công tác đầu tư nâng cấp nhà xưởng và trang thiết bị hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn ngày càng cao và từng bước tự động hóa các công đoạn sản xuất.
- Dự án trọng điểm tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng đã được khởi động, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững và đột phá của Danapha trong tương lai.
- Việc làm và đời sống của người lao động trong công ty luôn được quan tâm. Thu nhập bình quân năm 2017 trung bình đạt 14,8 triệu đồng/1 người/1 tháng.

### 3. Tuy nhiên:

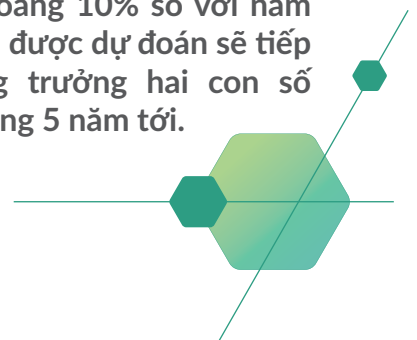
- Thị trường dược phẩm Việt Nam đang thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, thậm chí những nhà đầu tư trong nước hoạt động ngoài ngành, tạo ra áp lực khá lớn với các doanh nghiệp trong nước.
- Quy trình đấu thầu thuốc tại bệnh viện chưa phù hợp, các công ty có sự đầu tư về công nghệ, kỹ thuật cao chịu nhiều thua thiệt.

**Doanh thu thị trường dược phẩm VN**

**5,2** tỷ USD (theo BMI)

### Tính đến năm 2017

Tăng khoảng 10% so với năm trước và được dự đoán sẽ tiếp tục tăng trưởng hai con số trong vòng 5 năm tới.



- Việc bắt buộc phải áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong lộ trình hòa nhập buộc các doanh nghiệp phải có sự đầu tư ngày càng chuyên sâu hơn.
- Nhiều chương trình ủng hộ thuốc nội được phát động nhưng tình hình sử dụng thuốc nội trong hệ thống bệnh viện các tuyến vẫn còn chênh lệch lớn.
- Nhóm hàng Đông dược của công ty chịu sự cạnh tranh gay gắt.





# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC BỘ PHẬN

## I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA KHỐI KINH DOANH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH năm 2017	TH năm 2017	TH/KH (%)	TH 2017/ 2016 (%)
Doanh thu	660.000	467.346	70,81	95,34
Lợi nhuận trước thuế	98.100	83.012	84,62	110,09

Trong đó:

- Doanh thu từ các chi nhánh:

**266,92** tỷ đồng (đạt 74,14% kế hoạch)

Cụ thể:

- + CN. TP. HCM: 66,06 tỷ đồng (đạt 82,58% kế hoạch)
- + CN. Hà Nội: 57,79 tỷ đồng (đạt 82,56% kế hoạch)
- + Phòng Bán hàng: 36,38 tỷ đồng (đạt 60,63% kế hoạch)
- + CN. Thanh Hóa: 41,25 tỷ đồng (đạt 68,75% kế hoạch)
- + CN. Khánh Hòa: 28,40 tỷ đồng (đạt 71,00% kế hoạch)
- + CN. Cần Thơ: 23,43 tỷ đồng (đạt 78,10% kế hoạch)
- + CN. Vĩnh Phúc: 13,61 tỷ đồng (đạt 68,05% kế hoạch)

- Doanh thu từ khối bao tiêu:

**49,37** tỷ đồng  
(đạt 98,74% kế hoạch)

- Doanh thu từ xuất khẩu:

**150,74** tỷ đồng  
(đạt 60,30% kế hoạch)

- Thu nhập khác: **0,30** tỷ đồng

### \* Đánh giá chung:

Kết quả doanh thu năm 2017 đạt thấp so với chỉ tiêu kế hoạch bởi hệ thống kinh doanh nội địa chưa nỗ lực hết mình trong việc hoàn thành nhiệm vụ được giao và các nguyên nhân khách quan của hoạt động xuất khẩu. Điều này đặt ra thách thức lớn cho lãnh đạo công ty trong việc cần phải có những điều chỉnh mạnh mẽ hơn nữa mới có thể đảm bảo mục tiêu tăng trưởng trong tương lai và thực hiện các chiến lược dài hơi của công ty. Trong năm đã có sự thay đổi lớn các nhân sự chủ chốt của hệ thống kinh doanh và điều này cần phải tiếp tục thực hiện quyết liệt hơn nữa không chỉ trong hệ thống kinh doanh mà ở tất cả các bộ phận khác. Tuy áp lực cạnh tranh của thị trường ngày càng gia tăng nhưng sự nỗ lực của hệ thống kinh doanh là chưa đạt được sự kỳ vọng so với những điều chỉnh và sự đầu tư lớn của công ty. Trong năm đến, với các dự án lớn được triển khai, áp lực tài chính sẽ tăng mạnh, nếu không tạo ra một sự thay đổi, chuyển biến tích cực sẽ rất khó để đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu lớn của công ty. Hiện tại, các chính sách liên quan đang tiếp tục thực hiện và sẽ còn có nhiều sự thay đổi trong thời gian đến để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đề ra.

## II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

- Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất: Chuyển 1 đạt 90% kế hoạch; Chuyển 2 đạt 123,5% kế hoạch. Nhà máy 2 đạt 95% kế hoạch.
- Tình hình sản xuất tại hai nhà máy được duy trì đều đặn. Sản lượng nhà máy 1 sụt giảm do giảm lượng hàng xuất khẩu, nhà máy 2 tuy có giảm nhưng sản lượng các sản phẩm có giá trị cao gia tăng (như Tadimax tăng gần gấp đôi).
- Tình hình chất lượng sản phẩm hai nhà máy tương đối ổn định, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và xuất xưởng.
- Hoạt động cung ứng, điều độ kế hoạch sản xuất khá kịp thời nhằm duy trì hoạt động cả hai nhà máy được liên tục và hỗ trợ nhịp nhàng cho nhau.
- Chủ động cân đối vật tư dài hơi cho các nguyên liệu sản xuất đối với các mặt hàng chiến lược có khối lượng tiêu thụ ổn định đảm bảo cung ứng hàng kịp thời cho thị trường.
- Việc chậm cấp số đăng ký; thực hiện cải tạo, nâng cấp nhà xưởng làm gián đoạn quá trình sản xuất, chậm giao hàng theo kế hoạch.
- Một số quy trình sản xuất vẫn chưa được tối ưu.

### \* Tuy nhiên:

- Tình trạng lỗi của bao bì tuy có giảm nhưng vẫn chưa được giải quyết một cách triệt để, gây gián đoạn trong sản xuất.
- Lỗi chủ quan của con người do thao tác thiếu đồng nhất và không ổn định gây ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả đánh giá chất lượng sản phẩm và hiệu quả của quá trình sản xuất.



### III. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN

**TỔNG SỐ  
SẢN PHẨM THUỐC  
ĐƯỢC ĐĂNG KÝ**

**36** sản phẩm

#### Tính đến năm 2017

Trong đó có 10 sản phẩm mới và hiện đã triển khai được 07 sản phẩm.

- Đang tiếp tục tiến hành nghiên cứu phát triển 10 sản phẩm mới và cải tiến chất lượng 11 sản phẩm.
- Đối với nhóm mỹ phẩm và thực phẩm chức năng đã đưa vào sản xuất 09 sản phẩm.
- Tham gia hỗ trợ đào tạo sản phẩm và nhóm sản phẩm trong hệ thống.
- Tiếp tục theo dõi và cải tiến các sản phẩm gặp sự cố hoặc quy trình chưa ổn định.
- Hoàn thành kịp thời các hồ sơ đăng ký mới và đăng ký lại, gia hạn hiệu lực nhãn hiệu hàng hóa.
- Tham gia dự án tại Khu công nghệ cao, các đợt tái thẩm định GMP-WHO, Ukraine, và chuẩn bị hồ sơ cho các sản phẩm xuất khẩu thị trường mới.
- Tổ chức thường xuyên các hội thảo chuyên đề tại trung tâm và tham gia các hội thảo khoa học để nâng cao trình độ cho nhân viên trung tâm.
- Tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, hoạt động 5S. Duy trì hợp tác với Cục, Viện và Trường đại học.

#### \* **Tuy nhiên:**

- Hiệu quả triển khai các dòng sản phẩm generic mới nhìn chung chưa cao, do ảnh hưởng của yếu tố giá thành, hệ thống kênh OTC và tiêu chuẩn nhà máy sản xuất.
- Cần có sự phối hợp chủ động và chặt chẽ hơn từ bộ phận kinh doanh và hoạt động marketing của công ty.
- Sự thay đổi nhiều về các thông tư, quy định trong ngành dược ảnh hưởng nhiều đến hoạt động nghiên cứu phát triển và đăng ký sản phẩm.
- Vẫn còn một số sai sót về việc xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm khi đăng ký.
- Cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu và đánh giá, dự báo thị trường.



## IV. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Triển khai thực hiện, duy trì tính hiệu quả của toàn hệ thống theo các nguyên tắc GPs.

- Duy trì tốt việc quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất một cách toàn diện, đảm bảo sản phẩm trước khi xuất xưởng được kiểm soát một cách chặt chẽ.
- Thực hiện tốt các nội dung thanh tra, kiểm tra: Kiểm tra mới GMP Nga và đã được cấp giấy chứng nhận vào tháng 8/2017.
- Hoạt động kiểm tra trong quá trình sản xuất được duy trì thường xuyên tại các nhà máy, kịp thời phát hiện các lỗi phát sinh để có hướng xử lý kịp thời.
- Về tình hình chất lượng sản phẩm: Trong năm có 154 phiếu sản phẩm không phù hợp, tăng nhiều so với năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu là do quy trình sản xuất chưa ổn định và bao bì không đạt chất lượng.
- Nghiêm túc thực hiện việc kiểm soát nguyên vật liệu, bao bì nhập kho. Tham gia đánh giá các nhà cung ứng định kỳ.
- Công tác huấn luyện đào tạo và đánh giá nội bộ được duy trì thường xuyên.

### \* Tuy nhiên vẫn còn các tồn tại như:

- Khối lượng hồ sơ lô sản xuất nhiều nên việc xét duyệt nhiều lúc còn chậm, ảnh hưởng đến kế hoạch xuất hàng.
- Các sự cố về bao bì, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn vẫn còn tồn tại mặc dầu đã có nhiều cố gắng để hoàn thiện.
- Ý thức công nhân trong việc tuân thủ các SOP vẫn còn chưa cao, vẫn còn nhiều lỗi do chủ quan của con người, lưu ý khu vực đóng gói và nhà máy 2.
- Cần đầu tư thêm thiết bị đo đếm, kiểm soát môi trường và không khí. Thiết bị khử trùng tự động.
- Việc quản lý bao bì tại kho chưa chặt chẽ, phòng QA, KHSX chưa kịp thời kiểm soát số lượng hàng hóa tồn kho. Trong năm 2018, kho bao bì mới đi vào hoạt động, phòng QA sẽ kết hợp với Tổng kho để tăng cường kiểm soát bao bì hiệu quả hơn.

## V. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

- Trong năm có sự đầu tư mạnh mẽ để thay đổi bộ mặt công ty cũng như đầu tư cho máy móc thiết bị nhằm tự động hóa các công đoạn sản xuất, tránh sai sót và nâng cao năng lực sản xuất.
- Thực hiện cải tạo, nâng cấp xưởng thuốc tiêm và thuốc dùng ngoài để đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định. Đã đổi mới dây chuyền đóng hàn thuốc tiêm.
- Đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất cao xoa hoàn toàn tự động. Đảm bảo công suất cho hàng xuất khẩu, ổn định chất lượng sản phẩm và loại bỏ được các sai sót, nhằm lẫn do chủ quan của con người.
- Đầu tư kho bao bì thứ cấp mới để nâng dung tích cho kho bao bì vốn thường xuyên quá tải, các kho còn lại cũng được sửa chữa để đảm bảo việc sử dụng, xuất nhập được thuận lợi hơn.
- Đã hoàn thành việc triển khai hạng mục tường rào, cổng ngõ, cây xanh tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng. Đang xúc tiến nhanh các thủ tục để khởi công giai đoạn một dự án dự kiến vào quý 2 năm 2018.

## VI. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO

- Có sự điều chỉnh mạnh mẽ về nhân sự khối kinh doanh để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động kinh doanh những năm tiếp theo.
- Chuẩn bị nguồn nhân lực cho các dự án trong tương lai, đặc biệt là dự án công nghệ cao sắp được triển khai.
- Tuổi đời trung bình của người lao động tiếp tục được trẻ hóa, tạo ra năng lực sản xuất và kinh doanh tốt hơn.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm và chính sách cho người lao động. Đời sống người lao động luôn được quan tâm.

### \* Tuy nhiên:

- Chưa xây dựng được kế hoạch và chiến lược phát triển nguồn nhân lực một cách bài bản để phục vụ cho các mục tiêu phát triển lâu dài của doanh nghiệp.
- Công tác tuyển dụng trong năm tăng cao nhất trong 3 năm qua nhất là khối kinh doanh nhưng tỷ lệ nghỉ việc cũng tăng tương ứng, cần xem lại các chính sách liên quan đến tuyển dụng.
- Cần xây dựng các chính sách đặc biệt nhằm thu hút nhân lực có trình độ cao phục vụ cho các dự án trọng điểm của công ty trong tương lai gần.
- Các lớp đào tạo được duy trì thường xuyên nhưng ý thức công nhân tại một số bộ phận chưa được cải thiện.

### TỔNG SỐ LAO ĐỘNG CHÍNH THỨC CỦA CÔNG TY

**444** người

### Tính đến 31/12/2017

Trong đó: Trình độ trên đại học là 27 người; Đại học là 181 người; Còn lại là cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và lao động phổ thông





# MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP NĂM 2018

## I. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2018

- Căn cứ tình hình thực tế của thị trường cũng như các yếu tố liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp, Danapha tập trung phần đầu hoàn thành nhiệm vụ năm 2018 theo chỉ tiêu kế hoạch như sau:

**DOANH THU**

**600** tỷ đồng

**LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (15,5 %/DT)**

**93** tỷ đồng

## II. CÁC GIẢI PHÁP, HÀNH ĐỘNG CẦN TẬP TRUNG CHO NĂM 2018

### 1. Đối với hoạt động sản xuất và kế hoạch sản xuất

- Cân đối kế hoạch sản xuất hợp lý trong điều kiện lượng hàng xuất khẩu giảm trong 6 tháng đầu năm và thời gian gián đoạn do tái thẩm định GMP.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất dựa trên năng lực các thiết bị chủ lực mới được đầu tư sao cho mang lại hiệu quả cao nhất.
- Lập kế hoạch tổng thể vật tư cho nhóm hàng xuất khẩu; Làm việc với các nhà cung ứng để tăng năng lực cung ứng và cam kết cung ứng đầy đủ ngay cả trong thời gian cao điểm nhất.
- rà soát lại cỡ lô sản xuất. Nâng cỡ lô sản xuất đối với một số sản phẩm có sản lượng ngày càng tăng.
- Lập kế hoạch chiết xuất dự trữ một số dược liệu mang tính mùa vụ nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất.
- Duy trì thường xuyên và thực hiện thành công nội dung 5S tại các nhà máy.

### 2. Đối với hoạt động kinh doanh

- Hoạt động kinh doanh có nhiều thay đổi về nhân sự chủ chốt, các trưởng chi nhánh cần phải thể hiện trách nhiệm người đứng đầu trong cam kết thực hiện trách nhiệm được giao.
- Xây dựng giải pháp để gia tăng doanh số và giữ vững thị trường của các nhóm hàng chủ lực. Mở rộng nhóm hàng bao tiêu cho các đối tác phân phối uy tín.
- Xúc tiến hoạt động xuất khẩu và xem đây là mũi nhọn của hoạt động kinh doanh trong tương lai.
- Đẩy mạnh hoạt động bao tiêu nhóm hàng thực phẩm chức năng DanaphaLife với các đối tác.
- Chuẩn hóa nhân lực cho kênh bán hàng OTC, điều chỉnh các chính sách để gia tăng doanh số trên kênh này.
- Cập nhật thường xuyên các văn bản mới để tập trung cho công tác đấu thầu một cách hiệu quả nhất.

### 3. Nhóm giải pháp về nghiên cứu phát triển

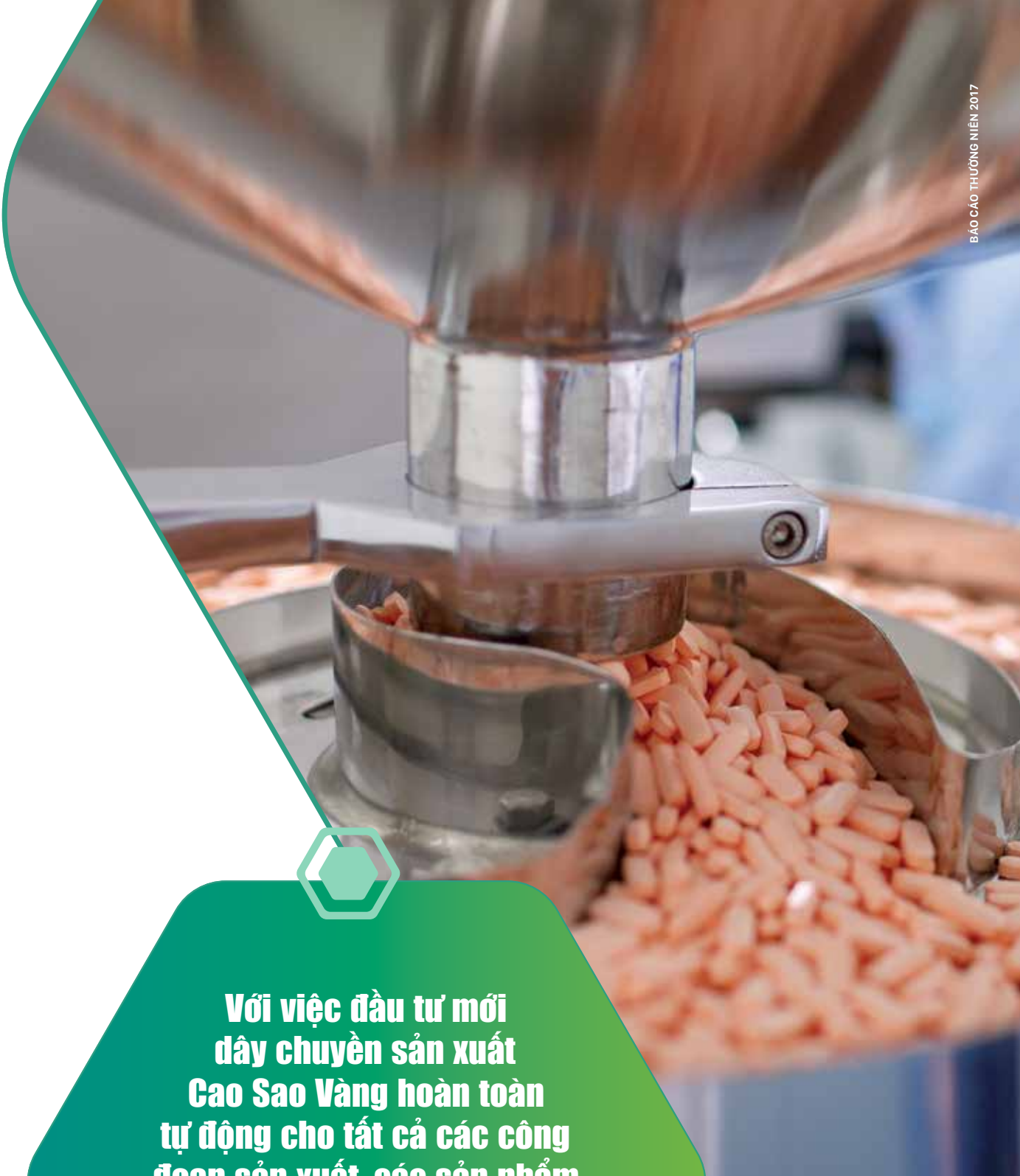
- Tập trung nghiên cứu phát triển sản phẩm thuốc generic hóa dược nhóm thần kinh, tim mạch, tiểu đường và chống lão hóa (Alzheimer và Parkinson); các sản phẩm thuốc dược liệu và y học cổ truyền.
- Xây dựng lại quy trình sản xuất các sản phẩm chạy trên dây chuyền sản xuất mới được đầu tư.
- Tiếp tục cải tiến chất lượng các sản phẩm có doanh thu tốt trên thị trường nhưng chưa ổn định về chất lượng.
- Tập trung hoàn thiện các sản phẩm thử tương đương sinh học trong năm 2018.
- Đa dạng hóa dòng sản phẩm thực phẩm chức năng và mỹ phẩm DanaphaLife và dòng sản phẩm cao dầu xoa nhân hiệu Con Voi.
- Tăng cường hợp tác với các cơ quan nghiên cứu, Cục, Viện, Trường đại học.

### 4. Nhóm giải pháp về công tác chất lượng

- Lên kế hoạch chuẩn bị cho nội dung tái thẩm định GMP Ukraine vào tháng 4 và GMP tân dược vào tháng 8 năm 2018.
- Chuẩn bị thẩm định để xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc kiểm soát đặc biệt.
- Phối hợp, tham gia triển khai việc sản xuất trên dây chuyền sản xuất nhóm hàng xuất khẩu mới đầu tư.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát trong quá trình sản xuất để hạn chế tối đa các sai sót, nhầm lẫn.
- Tham gia vào việc mở rộng việc đánh giá nhà cung ứng nguyên liệu, bao bì để chọn được những nhà cung ứng uy tín, đáp ứng được các quy định và nhu cầu SXKD của công ty.
- Phối hợp với Tổng kho trong việc đưa kho bao bì vào hoạt động. Kiểm soát chặt chẽ vật tư, bao bì đầu vào, kiểm soát được tồn kho cũng như việc cấp phát bao bì.



Ths. Ds. Nguyễn Quang Trí  
Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc



**Với việc đầu tư mới  
dây chuyền sản xuất  
Cao Sao Vàng hoàn toàn  
tự động cho tất cả các công  
đoạn sản xuất, các sản phẩm  
xuất khẩu của Danapha sẽ  
mang một vị thế mới và hiện  
diện nhiều hơn trên thị  
trường quốc tế.**



**Quyết tâm thực hiện  
mạnh mẽ các nhóm giải  
pháp nhằm nâng cao hiệu  
quả hoạt động của doanh nghiệp,  
khẳng định vị thế của Danapha  
trên thị trường dược phẩm  
Việt Nam và khu vực.**

## 03

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dược Danapha (DANAPHA) kính trình Hội đồng Quản trị (HĐQT) dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2017 để trình Đại hội cổ đông thường niên 2018 với các nội dung sau:

### I. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Ban Kiểm soát DANAPHA nhiệm kỳ 2016 – 2021 được Đại hội đồng cổ đông bầu hợp lệ tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 5/5/2016 với 03 thành viên. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Đại hội đã thông qua đơn từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát của bà Phạm Hương Giang và bầu bổ sung ông Lê Thăng Bình làm thành viên Ban Kiểm soát.
- Trong năm 2017, Ban Kiểm soát DANAPHA đã triển khai và nghiêm túc thực hiện việc giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và Ban quản lý theo đúng quy định pháp luật và điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017.
- Chủ động lập kế hoạch Kiểm soát và triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Ban được cung cấp thông tin, các quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017. Trưởng Ban Kiểm soát được mời tham dự các buổi họp của HĐQT trong năm 2017.
- Xem xét báo cáo tài chính năm 2017 để lập báo cáo kiểm tra tình hình tài chính năm 2016.
- Kiểm tra giám sát hoạt động của các thành viên HĐQT cũng như Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu vì quyền lợi của các cổ đông và người lao động.

### II. BÁO CÁO GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA DANAPHA

#### A. BÁO CÁO VỀ KIỂM TRA TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2017

##### 1. Về kiểm tra tình hình tài chính của công ty

- Tổng tài sản của công ty tăng nhẹ (Từ 634 tỷ đồng năm 2016 lên 689 tỷ đồng, tăng khoảng 8%). Số liệu tăng chủ yếu ở các chỉ tiêu phải thu ngắn hạn (Tăng gần 17% từ xấp xỉ 289 tỷ đồng lên gần 337 tỷ đồng) và tài sản cố định (Tăng gần 41% lên 166 tỷ đồng).
- Giá trị tài sản ngắn hạn tuy có tăng lên nhưng chủ yếu là do phải thu ngắn hạn tăng mạnh. Trong giai đoạn gần đây, công ty có nhiều chính sách ưu đãi cho khách hàng nhằm thúc đẩy doanh thu nên phải thu khách hàng tăng khá nhiều, đặc biệt là khoản phải thu từ hàng xuất khẩu. Tuy nhiên công ty hiện đang triển khai một số quy định mới về công nợ khách hàng như siết chặt quản lý công nợ, kiểm soát việc xuất bán hàng nên vẫn đảm bảo được khả năng duy trì tình hình ổn định. Một điểm khác cần lưu ý là lượng tiền mặt của công ty giảm khá nhiều. Trong năm 2017, công ty có nhiều hoạt động cần đến tiền mặt như một số dự án xây lắp, mua sắm máy móc, bên cạnh đó là trả nợ gốc các khoản vay nên lượng tiền công ty giảm còn khoảng 21 tỷ đồng. Tuy lượng tiền mặt giảm nhưng mục đích là thanh toán cho các khoản nợ cũng như đầu tư nên có thể chấp nhận được.
- Đối với tài sản dài hạn: Giá trị tài sản cố định hữu hình được đầu tư trong năm 2017 tăng mạnh cũng là một trong những nguyên nhân chính khiến dòng ngân lưu của Công ty sụt giảm trong năm 2017. So với năm 2016, giá trị tài sản cố định của công ty tăng 40%, trong đó đóng góp đáng kể là tài sản cố định hữu hình, tăng từ 76 tỷ đồng lên gần 122 tỷ đồng. Trong năm 2017, nhiều dự án xây dựng của công ty cũng hoàn thành và đưa vào sử dụng nên chi phí xây dựng cơ bản dở dang giảm xuống còn khoảng 7 tỷ đồng.

- Đối với nợ ngắn hạn: Nếu như năm 2016, tổng nợ ngắn hạn của công ty tăng khá nhiều so với năm 2015 thì sang năm 2017, số liệu này đã có dấu hiệu giảm xuống. Tổng nợ ngắn hạn của công ty trong năm 2017 là khoảng 274 tỷ đồng, giảm 11,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, nợ phải trả người bán ngắn hạn (giảm 14 tỷ đồng) và phải trả ngắn hạn khác (giảm 65 tỷ đồng) là những số liệu đáng chú ý. Nhìn chung công ty đang cố gắng cân đối các khoản phải trả để đảm bảo tình hình tài chính của mình.
- Đối với nợ dài hạn: Các khoản vay và tài trợ dài hạn của công ty cũng giảm so với năm 2016 (từ 33 tỷ đồng xuống còn 17 tỷ đồng). Nhìn chung, sau khi vay để đảm bảo nguồn vốn xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, máy móc thiết bị cho sản xuất kinh doanh thì năm 2017, công ty đã thanh toán bớt các khoản này để đảm bảo hoàn thành các nghĩa vụ phải trả của mình.
- Đối với vốn chủ sở hữu: Đầu năm 2017 công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng. Vốn chủ sở hữu của Công ty đã được tăng từ 292,96 tỷ đồng lên 397,94 tỷ đồng trong năm 2017.

## 2. Về Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty

- Doanh thu công ty năm 2017 giảm so với năm trước 4%, đạt khoảng 470 tỷ đồng. Việc này xuất phát từ những nguyên do sau:
  - i. Doanh thu xuất khẩu 2017 được xây dựng khá cao (250 tỷ) nhằm phòng ngừa rủi ro cho việc không xuất được hàng năm 2018. Tuy nhiên, do công ty đã xúc tiến thành công trong việc xin cấp GMP Nga nên doanh số xuất khẩu được điều chỉnh giảm.
  - ii. Trong năm 2017, có sự thay đổi trong cơ cấu tổ chức, chia tách và hình thành các chi nhánh mới nên hoạt động kinh doanh ít nhiều cũng chịu ảnh hưởng.
  - iii. Sự sụt giảm chung của ngành dược Việt Nam do cạnh tranh trong đấu thầu (các công ty như Imexpharm, Dược Hậu Giang, vvv)
  - iv. Tuy doanh số chưa đạt kế hoạch đề ra nhưng nhìn chung thì kết quả này vẫn cho thấy được sự cố gắng của công ty và sẽ là một động lực cho cán bộ nhân viên công ty phấn đấu để đạt mục tiêu trong năm 2018.
- Giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng có mức giảm lớn hơn mức giảm doanh số (lần lượt là 9,39% và 13,05%). Điều này cho thấy công ty đã có biện pháp quản lý tốt chi phí sản xuất, đồng thời hệ thống quản trị OGSM đã phát huy hiệu quả trong việc giảm chi phí quản lý, góp phần cải thiện kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Trong giai đoạn 2016 và 2017, công ty cũng có nhiều khoản vay phục vụ nhu cầu đầu tư và sản xuất kinh doanh nên lãi vay phải trả cũng tăng so với năm 2016, lên khoảng 12,7 tỷ đồng. Đến cuối năm 2017, các khoản vay và tài trợ này đã giảm bớt.
- Nhờ những thay đổi trong quản lý chi phí nên lợi nhuận sau thuế của công ty tăng 6% so với năm 2016, đạt mức 66,4 tỷ đồng. Nếu tiếp tục quản lý hiệu quả chi phí cũng như thực hiện các biện pháp thúc đẩy gia tăng doanh số thì công ty sẽ còn đạt được kết quả khả quan hơn nữa trong tương lai.

## 3. Về báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho thấy tiền và tương đương tiền năm 2017 giảm so với 2016 là 37,9 tỷ đồng (64,69%), cụ thể:
- Dòng tiền hoạt động kinh doanh tăng. Năm 2016 dòng tiền hoạt động kinh doanh âm gần 14,86 tỷ đồng, năm 2017 dòng tiền chi cho hoạt động kinh doanh giảm mạnh khiến cho tổng dòng tiền cho hoạt động kinh doanh dương 4,4 tỷ đồng.
  - Dòng tiền đầu tư giảm khoảng 25,83 tỷ đồng, chủ yếu do việc đầu tư mua sắm TSCĐ.
  - Dòng tiền từ hoạt động tài chính cũng giảm mạnh 42,01 tỷ đồng. Nguyên nhân chính là do trong năm, mặc dù có nguồn vốn chủ sở hữu bổ sung gần 40 tỷ đồng, nhưng khoản tiền chi trả nợ gốc vay nhiều hơn gần gấp đôi so với năm 2016 (năm 2017 Công ty chi trả gốc vay 293,66 tỷ đồng nhiều hơn 152,31 tỷ đồng so với năm 2016).

## B. PHÂN TÍCH CÁC TỶ SỐ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

**Bảng 1: Tổng hợp một số tỷ số tài chính của công ty năm 2017 so với năm 2016**

CÁC TỶ SỐ TÀI CHÍNH	ĐVT	2016	2017	TĂNG/ GIẢM	% THAY ĐỔI
Khả năng thanh toán hiện hành	LẦN	1,49	1,77	0,28	18,79
Khả năng thanh toán nhanh	LẦN	1,15	1,32	0,17	14,78
Khả năng thanh toán bằng tiền mặt	LẦN	0,19	0,08	-0,11	-58,84
Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu	%	115,64	73,29	-44,56	-37,28
Tỷ lệ nợ/ tổng tài sản	%	53,80	42,25	-11,55	-21,46
Vòng quay hàng tồn kho	LẦN	4,94	4,11	0,83	-14,74
Vòng quay các khoản phải thu	LẦN	2,21	1,49	-0,72	-32,54
Tỷ suất lợi nhuận gộp	%	46,00	48,68	2,68	5,83
Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	%	12,75	14,21	1,46	11,42
Tỷ suất lợi nhuận/tài sản (ROA)	%	9,86	9,64	-0,22	-2,24
Tỷ suất lợi nhuận/vốn CSH (ROE)	%	21,41	16,71	-4,70	-21,93
EPS	VNĐ	6.400	5.100	-1.300	-20,32



### \*\*\*Nhận xét về tình hình tài chính của công ty thông qua các tỷ số tài chính

#### 1. Các chỉ số thanh toán

- Nhìn chung khả năng thanh toán của công ty trong năm 2017 có cải thiện hơn so với năm 2016. Chỉ số thanh toán hiện hành và chỉ số thanh toán nhanh đều tăng lần lượt 18,79% và 14,78%. Cho thấy tình hình thanh toán của công ty khả quan hơn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Tuy nhiên, do các khoản phải thu tăng lên nên dòng tiền của công ty sụt giảm, làm ảnh hưởng đến khả năng thanh toán tiền mặt. Nhìn chung, trong thời gian tới, công ty cần cải thiện để thực hiện tốt chính sách thu hồi công nợ nhằm cải thiện dòng tiền và hệ số khả năng thanh toán bằng tiền.

#### 2. Các chỉ số hoạt động

- Chỉ số vòng quay các khoản phải thu của công ty giảm so với năm trước, từ 2,21 xuống còn 1,49, dẫn đến thời gian thu tiền bình quân tăng lên hơn 78 ngày. Điều này góp phần giải thích khoản tăng lên của chỉ tiêu phải thu ngắn hạn của khách hàng và sự giảm xuống của lượng tiền mặt trong báo cáo cân đối kế toán của công ty năm nay. Điều cần lưu ý là các khoản phải thu trong nước đã kiểm soát tốt, riêng các khoản phải thu trong xuất khẩu vẫn gia tăng và chưa có các biện pháp giải quyết hiệu quả.
- Chỉ số vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ so với năm 2016, từ 4,94 xuống 4,11. Thời gian tồn kho bình quân vì thế tăng khoảng 15 ngày. Nếu có thể thúc đẩy doanh số bán hàng cũng như cải thiện thêm quy trình quản lý thì thời gian luân chuyển hàng hóa của công ty sẽ tốt hơn nữa.
- Chỉ số vòng quay các khoản phải trả tăng so với năm trước. Thời gian phải trả bình quân giảm khoảng 17 ngày. Đây cũng là một nguyên nhân khiến cho lượng tiền mặt của công ty giảm khá nhiều trong năm nay.
- Chỉ số khả năng thanh toán lãi vay của công ty giảm so với năm 2016, từ 10,98 xuống còn 7,52. Một phần nguyên nhân là do chi phí lãi vay trong năm 2017 tăng khá nhiều nên tuy lợi nhuận trước thuế và lãi dù tăng nhưng chỉ số này vẫn giảm. Tuy nhiên lợi nhuận công ty vẫn đảm bảo thanh toán được các khoản lãi trong thời gian tới vì dư nợ vay và tài trợ của công ty năm 2017 đã giảm khá nhiều trong năm 2017.
- Năm 2017, mặc dù các khoản nợ vay tăng lên, nhưng do công ty phát hành đặc quyền, nên số cổ phiếu tăng lên dẫn đến nguồn vốn chủ sở hữu tăng, và tỉ lệ nợ giảm đi (đòn bẩy tài chính giảm đi).

#### 3. Các chỉ số sinh lợi

- Nhìn chung các chỉ số sinh lợi của công ty không thay đổi nhiều so với năm 2016. Tỷ suất lợi nhuận gộp và tỷ suất lợi nhuận ròng của công ty tăng nhẹ so với năm trước. Điều đó cho thấy mặc dù doanh thu của công ty tuy chưa đạt như mong muốn nhưng công ty đang quản lý tốt chi phí nên khả năng sinh lợi của công ty vẫn đang rất tốt. Các chỉ số ROA và ROE giảm nhẹ so với năm 2016 (do tăng vốn chủ sở hữu). Mặc dù vốn chủ sở hữu tăng 33,33%, tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu và EPS chỉ bị giảm nhẹ, điều này cho thấy công ty đạt được hiệu quả quản trị tài chính vẫn rất tốt.

### III. CÁC NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT VỚI HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Công ty lưu ý tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro trong quản trị công nợ đối với khách hàng đảm bảo gia tăng về doanh số nhưng an toàn trong công tác thu nợ của khách hàng, tránh gây rủi ro thanh toán cho công ty.
- Công ty lưu ý có biện pháp tăng lượng tiền mặt, đảm bảo duy trì khả năng thanh khoản của công ty ở mức sẵn sàng.
- Hiện tại, Công ty đã trở thành công ty đại chúng quy mô lớn. Công ty cần lưu ý việc công bố thông tin, lưu ký cổ phiếu theo đúng quy định hiện hành.
- Hội đồng Quản trị công ty lưu ý triển khai hoạt động phát hành riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi đã được UBCKNN thông qua theo đúng thời gian và quy định của pháp luật.
- Tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm gia tăng doanh thu, thị phần, kiểm soát chi phí như đã áp dụng trong năm 2017, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và giữ vững hiệu quả kinh doanh trong những năm tới.

#### \* KẾT LUẬN:

*Mặc dù chịu áp lực của việc tăng vốn lớn trong năm qua, nhưng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty vẫn tương đối tích cực, tiếp tục hiệu quả hơn so với những năm trước. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBCNV Danapha cần duy trì các giải pháp thực hiện, phát huy lợi thế sẵn có, đầu tư phát triển theo hướng hiện đại hóa, áp dụng công nghệ cao để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tiếp tục đạt được hiệu quả cao trong những năm tới.*

Kính chúc Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc nhiều sức khỏe và thành công.

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 02 năm 2018



TM. Ban Kiểm soát  
Trưởng Ban  
TS. Nguyễn Hoàng Giang

# 04

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Tối ưu hóa lợi nhuận  
cho doanh nghiệp, tối đa  
hóa lợi ích cho cổ đông và  
nhà đầu tư song song với việc  
đóng góp cho cộng đồng, tạo ra  
động lực thúc đẩy sự phát  
triển và tiến bộ xã hội.**





## THÔNG TIN CÔNG TY

### Giấy Chứng nhận

#### Đăng ký Kinh doanh số

3203001246\_ngày 20 tháng 12 năm 2006  
0400102091\_ngày 14 tháng 9 năm 2010  
0400102091\_ngày 17 tháng 5 năm 2011  
0400102091\_ngày 6 tháng 11 năm 2013  
0400102091\_ngày 8 tháng 5 năm 2015

### Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số

0400102091\_ngày 25 tháng 8 năm 2015  
0400102091\_ngày 9 tháng 5 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Trị  
Ông Mai Đăng Đầu  
Ông Phạm Khắc Hà  
Bà Nguyễn Thị Vạn Thọ  
Bà Nguyễn Thị Liên Hoa  
Ông Lại Tiến Mạnh  
Ông Nguyễn Đức Sơn  
Ông Trương Công Trị

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Trị  
Ông Mai Đăng Đầu  
Ông Dương Chí Toàn

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

### Trụ sở đăng ký:

253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Quận Thanh Khê  
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### Công ty kiểm toán:

Công ty TNHH KPMG Việt Nam



## BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Danapha ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

a. báo cáo tài chính được trình bày từ trang 38 đến trang 59 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

b. tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Trị  
Tổng Giám đốc

Thành phố Đà Nẵng, ngày 29 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited: 10th floor, Sun Wah Tower,  
115 Nguyen Hue Street, District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam  
Tel: +84 (8) 3821 9266 / Fax: +84 (8) 3821 9267  
Web: www.kpmg.com.vn

## Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dược Danapha

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Danapha (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 38 đến trang 59.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG  
tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 17-01-574



**Chang Hung Chun**  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2018-007-1  
Phó Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Danapha tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Trương Vĩnh Phúc**  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1



# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>				
<b>(100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>483.758.217.772</b>	<b>453.539.467.112</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>20.694.129.643</b>	<b>58.607.172.757</b>
Tiền	111		19.359.407.985	28.607.172.757
Các khoản tương đương tiền	112		1.334.721.658	30.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>337.180.265.291</b>	<b>282.274.861.379</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	290.990.125.334	255.452.359.793
Trả trước cho người bán	132		44.495.486.318	31.522.680.312
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	8.072.090.065	1.377.257.700
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(6.377.436.426)	(6.077.436.426)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>121.606.041.894</b>	<b>105.865.575.682</b>
Hàng tồn kho	141		122.378.137.978	107.754.471.039
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(772.096.084)	(1.888.895.357)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.277.780.944</b>	<b>6.791.857.294</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.927.385.079	6.435.695.459
Thuế phải thu Nhà nước	153		350.395.865	356.161.835
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>204.964.690.092</b>	<b>180.578.339.210</b>
<b>(200 = 210+220+240+250+260)</b>				
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>6.500.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		-	6.500.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>165.984.260.555</b>	<b>117.802.101.009</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	121.785.178.542	75.764.849.476
<i>Nguyên giá</i>	222		268.722.186.075	206.507.953.155
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(146.937.007.533)	(130.743.103.679)
Tài sản cố định vô hình	227	11	44.199.082.013	42.037.251.533
<i>Nguyên giá</i>	228		44.199.082.013	42.037.251.533
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.240.153.130</b>	<b>23.916.227.781</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	7.240.153.130	23.916.227.781
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>15.473.000.000</b>	<b>16.243.750.260</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		8.820.000.000	8.820.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.800.000.000	8.375.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(147.000.000)	(951.249.740)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.267.276.407</b>	<b>16.116.260.160</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	16.267.276.407	16.116.260.160
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>688.722.907.864</b>	<b>634.117.806.322</b>



# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>290.786.628.337</b>	<b>341.154.021.309</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>273.538.593.391</b>	<b>314.865.749.178</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	18.050.346.481	32.397.238.866
Người mua trả tiền trước	312		19.527.551.386	10.266.677.153
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	3.422.599.651	1.082.535.991
Phải trả người lao động	314		17.086.630.845	23.879.286.615
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	9.680.665.132	12.265.860.151
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.436.390.881	68.926.929.155
Vay ngắn hạn	320	19(a)	201.242.306.203	157.834.338.298
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	20	1.092.102.812	8.212.882.949
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.248.034.946</b>	<b>26.288.272.131</b>
Vay dài hạn	338	19(b)	17.248.034.946	26.288.272.131
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>397.936.279.527</b>	<b>292.963.785.013</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>397.305.809.966</b>	<b>291.954.353.632</b>
Vốn cổ phần	411	22	130.200.000.000	97.650.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		130.200.000.000	97.650.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		87.632.500.000	81.232.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	113.071.853.632	113.071.853.632
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.401.456.334	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		66.401.456.334	-
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>21</b>	<b>630.469.561</b>	<b>1.009.431.381</b>
Nguồn kinh phí	431		474.181.416	806.270.600
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		156.288.145	203.160.781
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>688.722.907.864</b>	<b>634.117.806.322</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Trương Thị Diệu Huyền  
Trưởng Phòng Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Thị Vạn Thọ  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Trí  
Tổng Giám đốc



# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
<b>DOANH THU BÁN HÀNG</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>470.517.052.691</b>	<b>492.582.209.818</b>
<b>CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	<b>02</b>	<b>25</b>	<b>3.170.146.952</b>	<b>2.428.986.175</b>
<b>DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>467.346.905.739</b>	<b>490.153.223.643</b>
<b>GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>239.838.869.393</b>	<b>264.683.717.369</b>
<b>LỢI NHUẬN GỘP (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>227.508.036.346</b>	<b>225.469.506.274</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.749.872.581	4.599.475.410
Chi phí tài chính	22	28	13.675.651.257	10.812.971.498
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.737.239.347	10.534.646.168
Chi phí bán hàng	25	29	79.863.369.521	91.850.974.656
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	54.092.173.983	52.519.474.582
<b>LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>82.626.714.166</b>	<b>74.885.560.948</b>
Thu nhập khác	31		432.376.153	580.026.716
Chi phí khác	32		47.064.035	116.948.403
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>				
<b>(40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>385.312.118</b>	<b>463.078.313</b>
<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>				
<b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>83.012.026.284</b>	<b>75.348.639.261</b>
<b>CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH</b>	<b>51</b>	<b>32</b>	<b>16.610.569.950</b>	<b>12.846.550.704</b>
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ TNDN</b>				
<b>(60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>66.401.456.334</b>	<b>62.502.088.557</b>
<b>LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>	<b>70</b>	<b>33</b>	<b>4.621</b>	<b>5.584</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Người duyệt:



Trương Thị Diệu Huyền  
Trưởng Phòng Kế toán

Nguyễn Thị Vạn Thọ  
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Trị  
Tổng Giám đốc





# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>01</b>	<b>83.012.026.284</b>	<b>75.348.639.261</b>
<b>ĐIỀU CHỈNH CHO CÁC KHOẢN</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	17.309.382.633	17.703.862.273
Các khoản dự phòng	03	(968.082.992)	5.721.744.930
Lỗ/ (lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	405.404.100	(1.999.955.426)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.591.105.325)	(2.563.637.535)
Chi phí lãi vay	06	14.016.639.347	10.534.646.168
<b>LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỐN LƯU ĐỘNG</b>			
<b>VỐN LƯU ĐỘNG</b>	<b>08</b>	<b>111.184.264.047</b>	<b>104.745.299.671</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(46.501.776.727)	(130.699.360.209)
Biến động hàng tồn kho	10	(15.276.632.960)	(14.430.654.086)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(63.964.669.561)	34.605.503.217
Biến động chi phí trả trước	12	(151.016.247)	1.192.388.640
		<b>(14.709.831.448)</b>	<b>(4.586.822.767)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.409.338.018)	(9.863.468.824)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.411.650.797)	14.550.000.000
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	320.000.000	850.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.819.741.957)	(13.729.014.172)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>20</b>	<b>(51.030.562.220)</b>	<b>(41.879.305.763)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(48.815.467.528)	(39.743.358.563)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	430.000.000	550.000.000
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	-	20.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.375.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	1.750.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	1.986.105.325	2.048.266.203
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>30</b>	<b>(44.649.362.203)</b>	<b>(20.520.092.360)</b>



# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	38.950.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	330.029.010.831	239.300.182.731
Tiền trả nợ gốc vay	34	(295.661.280.111)	(152.313.929.602)
Tiền chi trả cổ tức	36	(15.610.600.111)	(14.132.460.000)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>40</b>	<b>57.707.130.609</b>	<b>72.853.793.129</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(37.972.793.814)</b>	<b>10.454.395.006</b>
<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>60</b>	<b>58.607.172.757</b>	<b>48.156.130.533</b>
<b>ẢNH HƯỞNG CỦA THAY ĐỔI TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI QUY ĐỔI NGOẠI TỆ</b>	<b>61</b>	<b>59.750.700</b>	<b>(3.352.782)</b>
<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61) (THUYẾT MINH 5)</b>	<b>70</b>	<b>20.694.129.643</b>	<b>58.607.172.757</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Trương Thị Diệu Huyền  
Trưởng Phòng Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Thị Vạn Thọ  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Trị  
Tổng Giám đốc



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### a. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Danapha ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3203001246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006 từ việc cổ phần hóa Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 5.

### b. Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc và hóa dược.

### c. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### d. Cấu trúc công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 502 nhân viên (1/1/2017: 427 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### a. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### b. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### c. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### d. Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### a. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### b. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### c. Các khoản đầu tư

#### i. Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### ii. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## d. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

## e. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## f. Tài sản cố định hữu hình

### i. Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

### ii. Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| • Nhà cửa                | 5 – 25 năm |
| • Máy móc và thiết bị    | 3 – 10 năm |
| • Phương tiện vận chuyển | 3 – 6 năm  |

## g. Tài sản cố định vô hình

### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

## h. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

## i. Chi phí trả trước dài hạn

### Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 35 năm.

### Chi phí nâng cấp nhà xưởng

Chi phí nâng cấp nhà xưởng được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ trên 1 năm đến 2 năm.

## j. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

## k. Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

## l. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

## m. Vốn cổ phần

### i. Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

### ii. Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

## n. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối mỗi năm dựa trên tỷ lệ được các cổ đông quyết định tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

## o. Doanh thu và thu nhập khác

### i. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

### ii. Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

### iii. Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

## p. Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

## q. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

## r. Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

## s. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý (Việt Nam và nước ngoài).

## t. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng cộng	
	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	319.780.289.248	356.263.410.043	150.736.763.443	136.318.799.775	470.517.052.691	492.582.209.818
Chi tiêu vốn	41.466.785.733	34.669.188.258	6.871.523.880	5.074.170.305	48.338.309.613	39.743.358.563

	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng cộng	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản của bộ phận	688.722.907.864	634.117.806.322	-	-	688.722.907.864	634.117.806.322

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	1.072.960.856	1.454.606.733
Tiền gửi ngân hàng	18.286.447.129	27.152.566.024
Các khoản tương đương tiền	1.334.721.658	30.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<b>20.694.129.643</b>	<b>58.607.172.757</b>

## 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

a. Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Danson - BG EOOD	175.683.289.068	125.840.992.183
Công ty TNHH Dược Kim Đô	34.389.575.493	20.502.703.165
Các khách hàng khác	80.917.260.773	109.108.664.445
	<b>290.990.125.334</b>	<b>255.452.359.793</b>

b. Phải thu khách hàng là bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng	851.798.687	3.669.317.735
Công ty Cổ phần Dược Danapha - Nanosome	153.601.098	104.791.238

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi có nhu cầu.

## 7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tạm ứng	1.181.669.704	981.001.693
Ký quỹ ngắn hạn	6.692.666.407	145.140.407
Khác	197.753.954	251.115.600
	<b>8.072.090.065</b>	<b>1.377.257.700</b>

## 8. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2017		1/1/2017		Giá trị có thể thu hồi VND	
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND		Dự phòng VND
<b>Nợ quá hạn</b>						
Danson - BG EOOD	1 - 140	49.811.503.195	(3.270.410.255)	10.260.332.620	(2.793.612.409)	7.466.720.211
Công ty TNHH Dược phẩm Bãi Từ Long	2.033 - 2.060	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hưng Yên - Chi nhánh Khoái Châu	2.102	148.985.733	(148.985.733)	148.985.733	(148.985.733)	-
Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang	2.044 - 2.102	136.922.982	(136.922.982)	136.922.982	(136.922.982)	-
Các khách hàng khác	181 - 2.192	7.786.527.676	(2.621.117.456)	18.666.103.745	(2.797.915.302)	15.868.188.443
		<b>58.083.939.586</b>	<b>(6.377.436.426)</b>	<b>29.412.345.080</b>	<b>(6.077.436.426)</b>	<b>23.334.908.654</b>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	6.077.436.426	1.681.659.717
Trích lập dự phòng trong năm	300.000.000	4.395.776.709
Số dư cuối năm	<b>6.377.436.426</b>	<b>6.077.436.426</b>



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 9. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	63.562.346.170	(30.318.686)	62.941.153.453	(725.580.393)
Công cụ và dụng cụ	294.772.924	(232.325.119)	60.176.847	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.593.223.793	-	7.182.164.119	-
Thành phẩm	55.613.069.005	(509.452.279)	36.917.615.417	(1.163.314.964)
Hàng hóa	314.726.086	-	653.361.203	-
	<b>122.378.137.978</b>	<b>(772.096.084)</b>	<b>107.754.471.039</b>	<b>(1.888.895.357)</b>

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 772 triệu VND (1/1/2017: 1.889 triệu VND) hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 121.606 triệu VND (1/1/2017: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19(b)).

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.888.895.357	1.378.244.659
Trích lập dự phòng trong năm	-	1.325.968.221
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(463.833.252)	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(652.966.021)	(815.317.523)
<b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>	<b>772.096.084</b>	<b>1.888.895.357</b>

## 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	77.768.852.586	118.628.778.454	10.110.322.115	206.507.953.155
Tăng trong năm	14.318.373.881	13.178.039.495	1.839.118.183	29.335.531.559
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	33.994.180.140	-	-	33.994.180.140
Thanh lý	-	-	(1.115.478.779)	(1.115.478.779)
Số dư cuối năm	<b>126.081.406.607</b>	<b>131.806.817.949</b>	<b>10.833.961.519</b>	<b>268.722.186.075</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	41.341.385.897	84.043.281.760	5.358.436.022	130.743.103.679
Khấu hao trong năm	6.299.956.119	9.754.865.619	1.254.560.895	17.309.382.633
Thanh lý	-	-	(1.115.478.779)	(1.115.478.779)
Số dư cuối năm	<b>47.641.342.016</b>	<b>93.798.147.379</b>	<b>5.497.518.138</b>	<b>146.937.007.533</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu năm	<b>36.427.466.689</b>	<b>34.585.496.694</b>	<b>4.751.886.093</b>	<b>75.764.849.476</b>
Số dư cuối năm	<b>78.440.064.591</b>	<b>38.008.670.570</b>	<b>5.336.443.381</b>	<b>121.785.178.542</b>





# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản nguyên giá 97.874 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 73.795 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 18.194 triệu VND (1/1/2017: 11.554 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

## 11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	42.037.251.533
Tăng trong năm	2.161.830.480
Số dư cuối năm	44.199.082.013
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Số dư đầu năm	42.037.251.533
Số dư cuối năm	44.199.082.013

## 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	23.916.227.781	1.730.429.443
Tăng trong năm	17.318.105.489	26.306.206.872
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(33.994.180.140)	(4.120.408.534)
Số dư cuối năm	7.240.153.130	23.916.227.781

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phí khảo sát địa chất và lắp đặt ban đầu cho nhà máy mới tại Khu Công nghiệp Tân Tạo - Thành phố Hồ Chí Minh	-	22.918.456.872
Nhà máy được công nghệ cao	6.130.591.363	-
Các công trình khác	1.109.561.767	997.770.909
	7.240.153.130	23.916.227.781

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 6.131 triệu VND (1/1/2017: 22.918 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19(b)).

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 477 triệu VND (2016: Không).



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 13. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017				1/1/2017			
	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
<b>ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO:</b>								
<b>CÔNG TY LIÊN KẾT</b>								
Công ty Cổ phần Dược Danapha - Nanosome (*)	Đà Nẵng, Việt Nam	882.000	49%	49%	8.820.000.000	(147.000.000)	(**) 8.820.000.000	(951.249.740) (**)
<b>ĐƠN VỊ KHÁC</b>								
Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng	Đà Nẵng, Việt Nam	630.000	7%	7%	6.800.000.000	-	(**) 6.800.000.000	- (**)
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty cổ phần	Đà Nẵng, Việt Nam	-	-	-	-	-	(**) 1.575.000.000	- (**)
					<b>15.620.000.000</b>	<b>(147.000.000)</b>	<b>(**) 17.195.000.000</b>	<b>(951.249.740) (**)</b>

(\*) Công ty Cổ phần Dược Danapha - Nanosome là công ty cổ phần được thành lập theo giấy Chứng nhận Đầu tư số 321032000092 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2009. Các hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh các loại hóa, dược, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng; nghiên cứu và phát triển khoa học ứng dụng cho dược phẩm.

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hay Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước	Chi phí quảng cáo	Chi phí nâng cấp nhà xưởng	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	16.116.260.160	-	-	16.116.260.160
Tăng trong năm	356.400.000	920.000.000	1.657.171.800	2.933.571.800
Phân bổ trong năm	(658.088.640)	(920.000.000)	(1.204.466.913)	(2.782.555.553)
<b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>	<b>15.814.571.520</b>	<b>-</b>	<b>452.704.887</b>	<b>16.267.276.407</b>

## 15. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Quảng cáo và Sản xuất Bao bì An Đức	5.355.877.164	5.355.877.164	7.573.905.984	7.573.905.984
Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Hưng Thịnh	1.085.340.000	1.085.340.000	5.204.320.000	5.204.320.000
Công ty TNHH Aceto Pte	241.900.400	241.900.400	1.157.478.000	1.157.478.000
Nhà thuốc Thành Phát	1.849.512.500	1.849.512.500	1.532.401.000	1.532.401.000
Các nhà cung cấp khác	9.517.716.417	9.517.716.417	16.929.133.882	16.929.133.882
	<b>18.050.346.481</b>	<b>18.050.346.481</b>	<b>32.397.238.866</b>	<b>32.397.238.866</b>

## 16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm /Cấn trừ	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	566.707.489	16.610.569.950	(14.411.650.797)	2.765.626.642
Thuế thu nhập cá nhân	515.828.502	4.642.710.942	(4.506.103.393)	652.436.051
Thuế giá trị gia tăng	-	16.011.746.590	(16.011.746.590)	-
Các loại thuế khác	-	4.536.958	-	4.536.958
	<b>1.082.535.991</b>	<b>37.269.564.440</b>	<b>(34.929.500.780)</b>	<b>3.422.599.651</b>

## 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Hoa hồng cho đại lý và nhà phân phối	5.892.967.468	11.186.354.134
Phí dịch vụ chuyên môn	-	204.436.546
Chi phí lãi vay	482.370.800	875.069.471
Chi phí tiếp thị	3.305.326.864	-
	<b>9.680.665.132</b>	<b>12.265.860.151</b>



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tạm ứng từ một cổ đông cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (*)	-	50.000.000.000
Cổ tức phải trả	3.195.964.889	18.806.565.000
Kinh phí công đoàn	110.967.016	98.009.600
Phải trả khác	129.458.976	22.354.555
	<b>3.436.390.881</b>	<b>68.926.929.155</b>

(\*) Số dư này thể hiện khoản tạm ứng từ một cổ đông cho một hợp đồng hợp tác kinh doanh liên quan đến việc sản xuất và bán dược phẩm. Khoản tạm ứng này chịu chi phí được xác định dựa trên kết quả tài chính của hợp đồng hợp tác kinh doanh trong năm.

## 19. Các khoản vay

### a. Vay ngắn hạn

	1/1/2017	Biến động trong năm		31/12/2017
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	151.214.338.298	305.442.069.885	(264.889.645.480)	191.766.762.703
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	6.620.000.000	33.627.178.131	(30.771.634.631)	9.475.543.500
	<b>157.834.338.298</b>	<b>339.069.248.016</b>	<b>(295.661.280.111)</b>	<b>201.242.306.203</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017	1/1/2017
			VND	VND
Vay từ các ngân hàng:				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	VND	5,3% - 5,5%	74.144.069.964	52.108.504.315
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	VND	5,3% - 5,7%	73.059.741.883	99.105.833.983
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	VND	5,1% - 5,5%	10.562.950.856	-
Vay từ các cá nhân	VND	7,37%	34.000.000.000	-
			<b>191.766.762.703</b>	<b>151.214.338.298</b>

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ 7.945 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 11.554 triệu VND) (Thuyết minh 10).

### b. Vay dài hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay dài hạn	26.723.578.446	32.908.272.131
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(9.475.543.500)	(6.620.000.000)
<b>KHOẢN ĐẾN HẠN TRẢ SAU 12 THÁNG</b>	<b>17.248.034.946</b>	<b>26.288.272.131</b>



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016	1/1/2016
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	VND	7,2%	2022	16.616.179.300	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (ii)	VND	7,4%-9,3%	2022	4.187.757.500	32.908.272.131
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (iii)	VND	9,9%	2020	5.919.641.646	-
				<b>26.723.578.446</b>	<b>32.908.272.131</b>

(i) Khoản vay này có hạn mức là 23.782 triệu VND và được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị hàng tồn kho của Công ty có giá trị ghi sổ là 121.606 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: Không) (Thuyết minh 9). Khoản vay này được trả hàng quý.

(ii) Khoản vay này có hạn mức là 556.500 USD hoặc số tiền tương đương VND và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 10.249 triệu VND (Thuyết minh 10) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 22.918 triệu VND). Khoản vay này được trả hàng quý.

(iii) Khoản vay này có hạn mức là 6.168 triệu VND và được đảm bảo bằng xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 6.131 triệu VND (Thuyết minh 12) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: Không). Khoản vay này được trả hàng quý.

## 20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	8.212.882.949	6.965.257.230
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối	-	7.970.918.965
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	(7.120.780.137)	(6.723.293.246)
Số dư cuối năm	<b>1.092.102.812</b>	<b>8.212.882.949</b>



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 2.1. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng vốn chủ sở hữu		Nguồn kinh phí và các quỹ khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>SỐ DƯ TẠI NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016</b>	97.650.000.000	81.232.500.000	78.070.684.040	-	256.953.184.040	62.502.088.557	-	665.152.307	62.502.088.557	-	62.502.088.557	665.152.307	257.618.336.347	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	62.502.088.557	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	35.001.169.592	(35.001.169.592)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(7.970.918.965)	(7.970.918.965)	-	-	-	-	-	-	-	(7.970.918.965)	-
Cổ tức	-	-	-	(19.530.000.000)	(19.530.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	(19.530.000.000)	-
Tăng nguồn quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	850.000.000	850.000.000	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(505.720.926)	(505.720.926)	-
<b>SỐ DƯ TẠI NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2017</b>	97.650.000.000	81.232.500.000	113.071.853.632	-	291.954.353.632	66.401.456.334	-	1.009.431.381	397.305.809.966	-	630.469.561	397.936.279.527		
Phát hành cổ phiếu (i)	32.550.000.000	6.400.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	38.950.000.000	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	66.401.456.334	66.401.456.334	-	-	-	-	-	-	-	66.401.456.334	-
Tăng nguồn quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	320.000.000	320.000.000	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(698.961.820)	(698.961.820)	-
<b>SỐ DƯ TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017</b>	130.200.000.000	87.632.500.000	113.071.853.632	66.401.456.334	397.305.809.966	66.401.456.334	-	630.469.561	397.936.279.527	-	6.400.000.000	397.936.279.527		

(i) Thặng dư vốn cổ phần phát sinh trong năm bao gồm:

	VND
Tổng thặng dư vốn cổ phần phát sinh từ chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành	6.510.000.000
Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu	(1.10.000.000)
	<b>6.400.000.000</b>



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>VỐN CỔ PHẦN ĐƯỢC DUYỆT</b>	<b>13.020.000</b>	<b>130.200.000.000</b>	<b>9.765.000</b>	<b>97.650.000.000</b>
<b>VỐN CỔ PHẦN ĐÃ PHÁT HÀNH</b>				
Cổ phiếu phổ thông	13.020.000	130.200.000.000	9.765.000	97.650.000.000
<b>SỐ CỔ PHIẾU HIỆN ĐANG LƯU HÀNH</b>				
Cổ phiếu phổ thông	13.020.000	130.200.000.000	9.765.000	97.650.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày báo cáo, các cổ đông của Công ty như sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tổng Công Ty Dược Việt Nam	3.888.166	29,86%	2.916.125	29,86%
Ông Nguyễn Quốc Thắng	3.563.426	27,37%	2.672.570	27,37%
Bà Nguyễn Thị Minh Phượng	791.666	6,08%	593.750	6,08%
Các cổ đông khác	4.776.742	36,69%	3.582.555	36,69%
	<b>13.020.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>9.765.000</b>	<b>100,00%</b>

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2017		2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	9.765.000	97.650.000.000	9.765.000	97.650.000.000
Phát hành cổ phiếu trong năm	3.255.000	32.550.000.000	-	-
Số dư cuối năm	13.020.000	130.200.000.000	9.765.000	97.650.000.000

## 23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

## 24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

### a. Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	VND	VND	VND	VND
Trong vòng một năm	1.338.850.150		1.176.209.405	
Trong vòng hai đến năm năm	4.384.138.673		3.414.608.879	
Sau năm năm	19.893.926.638		3.947.215.325	
	<b>25.616.915.461</b>		<b>8.538.033.609</b>	



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## b. Ngoại tệ

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	45.581	1.031.466.775	431.491	9.788.026.519
EUR	306.300	8.269.803.150	-	-

## c. Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	65.118.355.560	23.918.349.240
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	-	46.893.287.400
	<b>65.118.355.560</b>	<b>70.811.636.640</b>

## 25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
<b>TỔNG DOANH THU</b>		
Bán hàng	470.517.052.691	492.582.209.818
<b>TRỪ ĐI CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>		
Hàng bán bị trả lại	(3.170.146.952)	(2.428.986.175)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>467.346.905.739</b>	<b>490.153.223.643</b>

## 26. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
<b>GIÁ VỐN HÀNG BÁN BAO GỒM:</b>		
Thành phẩm đã bán	240.036.312.619	263.198.621.865
Hàng hóa đã bán	266.390.026	159.127.283
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(463.833.252)	1.325.968.221
	<b>239.838.869.393</b>	<b>264.683.717.369</b>

## 27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập từ tiền lãi	1.031.702.585	2.048.266.203
Thu nhập từ cổ tức	954.402.740	-
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	175.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	588.767.256	551.253.781
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.999.955.426
	<b>2.749.872.581</b>	<b>4.599.475.410</b>





# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 28. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	12.737.239.347	7.548.714.661
Chi phí lãi vay cho một hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.279.400.000	2.985.931.507
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(804.249.740)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	57.857.550	278.325.330
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	405.404.100	-
	<b>13.675.651.257</b>	<b>10.812.971.498</b>

## 29. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Lương và các chi phí liên quan	26.478.613.583	28.558.662.223
Chi phí vật liệu	2.524.584.641	2.056.730.296
Công cụ và dụng cụ	9.318.500	27.873.398
Chi phí khấu hao	1.108.289.872	942.739.806
Phí bảo lãnh ngân hàng	752.269.768	688.140.887
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	4.378.626.034	4.754.413.438
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	12.506.991.375	12.347.627.953
Chi phí hoa hồng	31.139.597.861	38.156.657.259
Chi phí khác	965.077.887	4.318.129.396
	<b>79.863.369.521</b>	<b>91.850.974.656</b>

## 30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Lương và các chi phí liên quan	27.316.115.725	28.979.711.542
Chi phí vật liệu	5.645.534.925	4.905.890.990
Công cụ và dụng cụ	81.891.300	62.437.095
Chi phí khấu hao	7.050.420.635	5.130.940.900
Phí ngân hàng	259.804.818	233.530.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.781.773.159	5.466.830.311
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	300.000.000	4.395.776.709
Chi phí khác	3.656.633.421	3.344.356.233
	<b>54.092.173.983</b>	<b>52.519.474.582</b>

## 31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	247.708.313.535	272.465.971.536
Chi phí nhân công và nhân viên	74.253.572.853	78.107.677.793
Chi phí khấu hao và phân bổ	17.309.382.633	17.703.862.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.637.683.994	19.837.250.137
Chi phí khác	72.223.715.465	78.564.860.522



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a. Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2017 VND	2016 VND
<b>CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH</b>		
Năm hiện hành	16.610.569.950	12.846.550.704

### b. Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	83.012.026.284	75.348.639.261
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	16.602.405.257	12.809.268.674
Chi phí không được khấu trừ thuế	199.045.241	23.389.681
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	-	13.892.349
Thu nhập được miễn thuế	(190.880.548)	-
<b>CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP</b>	<b>16.610.569.950</b>	<b>12.846.550.704</b>

### c. Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng mức thuế suất thông thường. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thu nhập của Công ty giảm từ 28% xuống 20% và xuống 17% trong năm 2016. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty bằng mức thuế suất thông thường là 20%.

## 33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông là 57.935.283.079 VND (2016: 54.531.169.592 VND), và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 12.538.438 (2016: 9.765.000), chi tiết như sau:

### i. Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	66.401.456.334	62.502.088.557
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	(8.466.173.255)	(7.970.918.965)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	57.935.283.079	54.531.169.592

(i) Khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm 2017 được ước tính dựa trên tỷ lệ 12,75% lợi nhuận sau thuế của năm 2017 và tỷ lệ phân bổ này được dựa trên kế hoạch dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 và tỷ lệ phân bổ thực tế trong kỳ kế toán năm gần nhất.

### ii. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017 Cổ phiếu	2016 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành vào đầu năm	9.765.000	9.765.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	2.773.438	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	12.538.438	9.765.000



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### iii. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2017 VND	2016 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.621	5.584

## 34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
<b>TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CỔ ĐÔNG LỚN</b>		
Cổ tức	-	5.832.250.000
Lãi cho một hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.279.400.000	2.985.931.507
Mua cổ phần	-	1.575.000.000
Chuyển nhượng cổ phần	1.750.000.000	-
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG</b>		
Bán hàng hóa	5.507.941.872	8.047.645.648
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA - NANOSOME</b>		
Bán hàng hóa	324.652.010	95.264.752
Mua hàng hóa	3.484.800	-
<b>THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT</b>		
Tiền lương, thù lao và trợ cấp	4.449.612.155	4.947.090.276

## 35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:

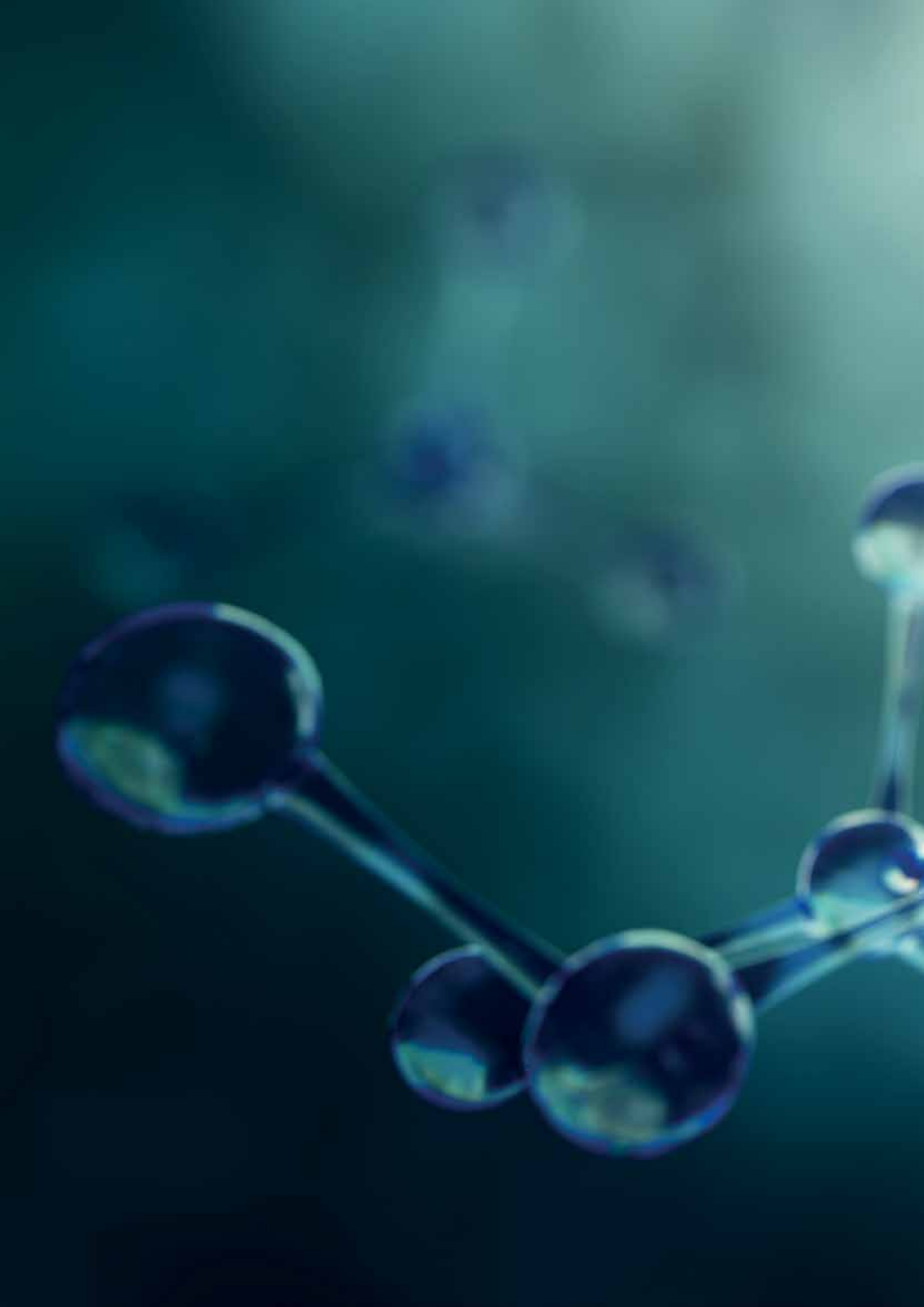
Người duyệt:

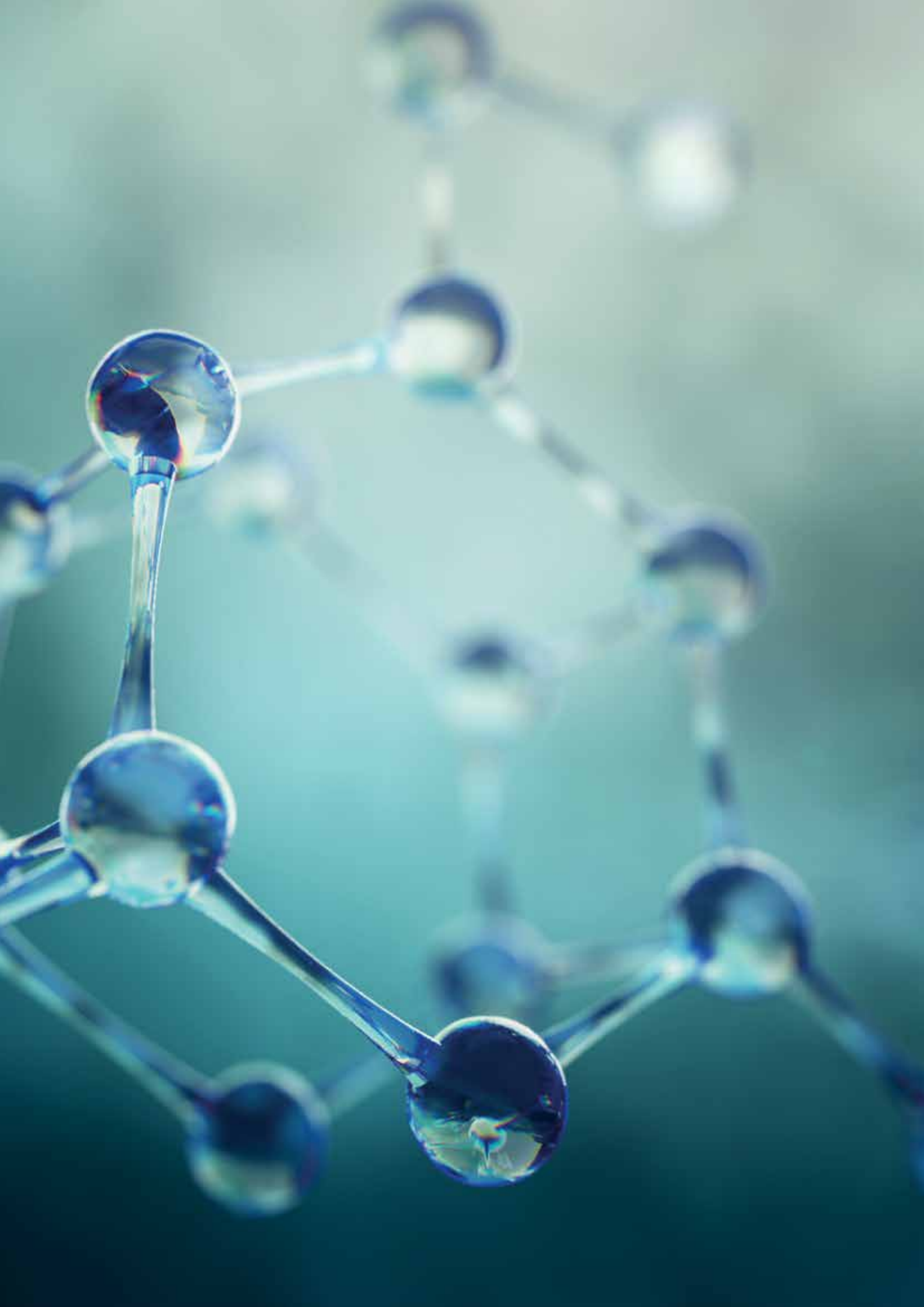
Trương Thị Diệu Huyền  
Trưởng Phòng Kế toán

Nguyễn Thị Vạn Thọ  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Trí  
Tổng Giám đốc





# 02

## BUSINESS PERFORMANCE REPORT FOR 2017 OBJECTIVES, DIRECTIONS AND SOLUTIONS FOR 2018







# OVERVIEW OF 2017

## I. DANAPHA CURRENT CAPITAL STRUCTURE

**CHARTER CAPITAL**  
**130.2**  
 billion

is divided into  
**13,020,000**  
 shares

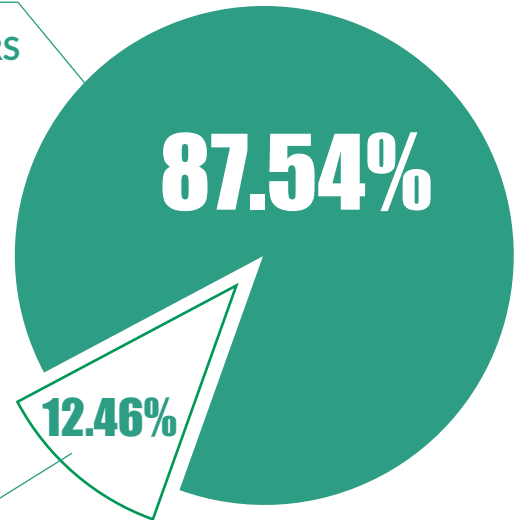
\* No state shareholder.

### EXTERNAL SHAREHOLDERS

Own 11,398,172 shares  
 accounting for 87.54%

### DANAPHA'S SHAREHOLDERS

Own 1,621,828 shares  
 accounting for 12.46%



## II. OVERVIEW

### 1. Review:

- The pharmaceutical market of 2017 did not fluctuate much. The supply sources and prices of medicines on the market were generally stable.
- Vietnamese pharmaceutical market is attractive to foreign investors. Vietnamese average annual medicine expenditure per person has been rising continuously, maintaining the growth rate of at least 14% per year until 2025.

### 2. At Danapha:

- Despite reducing the production plan, production activities have been stable to create regular jobs for workers.
- We have focused on investment in upgrading modern workshops and equipment. Hence, we met the increasingly high standards and have gradually automated production stages.
- The key project in Danang High-Tech Area was kicked off, becoming the foundation for sustainable development and breakthrough of Danapha in the future.
- The work and life of employees in the company have always been taken care of. The average income in 2017 was VND 14.8 million/person/month.

### 3. However:

- Vietnamese pharmaceutical market is attractive to foreign investors and domestic outsiders. This created a considerable pressure on domestic firms.
- The process of drug bidding at hospitals was not appropriate, so companies that invested in the high technology and technique were disadvantaged.
- The compulsory application of international standards in the integration journey required enterprises to have more and more intensive investment.

**Vietnam pharmaceutical market**  
**5.2** billion  
 (according to BMI)

### In 2017

Which represents an increase of around 10% in compared with the previous year and is expected to have a double-digit growth over the next five years.



- Many programs supporting domestic drugs were launched, but the gap of domestic drug consumption in the hospital system has remained high.
- Our oriental medicament category experienced a harsh competition.



# PERFORMANCE OF DIVISIONS

## I. PERFORMANCE OF THE BUSINESS AND EXPORT-IMPORT DIVISION

Unit: million VND

Target	2017 Plan	2017 Reality	Actual/Planned (%)	Actual 2017/2016 (%)
Revenue	660,000	467,346	70.81	95.34
Earnings before tax	98,100	83,012	84.62	110.09

Of which:

- Revenue from branches:

**VND 226.92** billion (74.14% of the target achieved)

Including:

- + HCM Branch: VND 66.06 billion (82.58% of the target achieved)
- + Hanoi Branch: VND 57.79 billion (82.56% of the target achieved)
- + Sales Department: VND 36.38 billion (60.63% of the target achieved)
- + Thanh Hoa Branch: VND 41.25 billion (68.75% of the target achieved)
- + Khanh Hoa Branch: VND 28.40 billion (71.00% of the target achieved)
- + Can Tho Branch: VND 23.43 billion (78.10% of the target achieved)
- + Vinh Phuc Branch: VND 13.61 billion (68.05% of the target achieved)

- Revenue from underwriting:

**VND 49.37** billion (98.74% of the target achieved)

- Revenue from export

**VND 150.74** billion (60.30% of the target achieved)

- Other income: **VND 0.30** billion

### \* General evaluation:

The revenue of 2017 is lower than planned because the domestic business system did not make best effort in accomplishing tasks and because of the objective reasons from export activities. This posed a big challenge to the company's leaders in making better adjustments to meet our future growth targets and implement the long-term strategy. Last year, there was a major change in key personnel of the business system and this change needs to be kept up not only in the business department but in the all others. Although the competitive pressure was on the rise, the performance of business department did not meet the company's great improvement and investments. In the coming year, with large projects being deployed, financial pressure will increase sharply. If we do not create a change or positive accommodations, it will be difficult to successfully realize the major goals. Currently, the relevant policies are being implemented and there will be many alterations in upcoming time to ensure that proposed objectives will be obtained.

## II. PRODUCTION AND PRODUCTION PLAN

- Performance of production plan implementation: Chain 1 achieved 90% of the target; Chain 2 achieved 123.5% of the target. Plant 2 achieved 95% of the target.
- The production in the two plants remain regular. The plant 1's output declined due to the reduced exports. There was also a decrease in the plant 2's output, but products of high value increased.
- The quality of the two plants were relatively steady, ensuring the quality standard of the production.
- The company provided sufficient supplies and moderated the production plan to maintain the continuous operation and mutual support of the two plants.
- We took initiative to balance the long-term assets and production materials for strategic products which have stable consumption volume, thus ensuring timely supplies to the market.
- Delayed registration number issuance and reformation of the plants disrupted the production process and caused late delivery according to the plan.
- Some production processes have not been optimized.

### \* However:

- Packaging defects were lessened but have not been resolved thoroughly, causing disruption in production.
- Human subjective flaws due to inconsistent and unstable operation directly affected the result of the product quality evaluation and the efficiency of the production process.



### III. RESEARCH AND DEVELOPMENT

PRODUCTS  
REGISTERED

**36** products

**In 2017**

7 out of 10 new products  
were launched.

- We have continued our research of developing 10 new products and improving the quality of 11 products.
- For cosmetics and functional foods, 09 products have been put into production.
- We provided the training of product and product category in the system.
- We have continued to monitor and improve breakdown or unstable products.
- We timely completed newly-registered and re-registered documents, and extended the period of trademark validity.
- We participated in projects at high-tech park, re-evaluations of GMP-WHO, Ukraine, and prepared documents for exporting products to new markets.
- We regularly held seminars at the center and participated in scientific seminars to improve the qualification of the staff.
- We participated in scientific themes, research projects and 5S activity.
- We maintained good cooperation with Departments, Institutes and Universities.

**\* However:**

- The effectiveness of deploying new generic product lines was not high, due to the impact from pricing, OTC system and the plant's standards.
- The coordination between the business and marketing departments need to be closer and more active.
- The major changes in the circulars and regulations had a big impact on our research and development activities as well as product registration.
- There were still some mistakes in developing quality standards upon registration.
- It is necessary to enhance our research, evaluation and market forecast.



## IV. QUALITY MANAGEMENT

We implemented and maintained the effectiveness of the whole system based on GPs principles.

- We well maintained the quality control during the production process, ensuring that products were strictly examined before leaving the facility.
- We also properly conducted the investigations and examinations: Russian GMP new investigation and a certificate issued in August, 2017.
- Investigation during the production process were maintained regularly at factories, enabling prompt detection of defects for timely treatment.
- About the products' quality: There were 154 records of unqualified product forms, drastically going up compared to 2016. The main reasons were unstable production process and poor packaging quality.
- We carried out serious examinations of the raw materials and packaging upon reception. Periodic supplier evaluations were conducted.
- Our internal training and evaluation took place regularly.

\* However, there were still shortages such as:

- There was a great volume of production batch documents, leading to slow approvals and affecting the production plan.
- The employees' awareness of complying with the SOP was still low. Many human subjective faults still existed, especially at the packaging zone and plant 2.
- We need to invest more equipment for measuring, inspecting and controlling environment and atmosphere. Same with the automatic antiseptic equipment.
- The packaging management at the warehouse was not strictly controlled. The QA and production planning departments did not manage inventories properly. In 2018, the new packaging warehouse will start its operation. The QA department together with the general warehouse will supervise the packaging activities more intensively.

## V. INVESTMENT

- During the year there was a strong investment to change the image of the company as well as to modernize machines and equipment to automate production stages, avoid mistakes and improve production capacity.
- We renovated and upgraded the factories of intravenous and dermatological medicine to comply with regulation standards. The packaging line of intravenous medicine was renovated.
- The automated production line of balm medicine was put into operation. This ensured the capacity for exporting goods, stabilizing the products quality and eliminating human subjective mistakes.
- The secondary warehouse was invested to increase the volume of packaging inventory which had been often overloaded, and the other ones were also repaired to ensure the more convenient usage and export.

- We completed the set-up of the fence, gateway and green trees at Danang Hi-tech area. We have hastened procedures to commence the first phase of the project in the second quarter of 2018.

## VI. HUMAN RESOURCES MANAGEMENT AND DEVELOPMENT

- A big change was made in the business department personnel to boost business in the following years.
- Human resources have been well-prepared for future projects, especially those of hi-tech to be implemented.
- The average age of our workers continues to be lowered, with an aim of bringing higher production and business capacity.
- Insurance regulations and policies for employees were decently executed. Workers' life has always taken care of.

\* However:

- The strategic plan of human resource development has not been methodically built to serve our long-term objectives.
- The new recruits achieved the highest increase in the last 3 years, especially in the business department. However, the turnaround rate also grew accordingly. It is necessary to review the recruitment policies.
- Special policies should be made to attract qualified applicants who can work on our key projects in the near future.
- Training courses were held regularly but workers' consciousness in some departments has not been improved.

### THE TOTAL NUMBER OF WORKERS

**444** people

### Until December 31, 2017

Of which: There were 27 postgraduate employees and 181 bachelor staff. The rest were college, intermediate course, primary courses and unskilled labors.





# OBJECTIVES AND SOLUTIONS FOR 2018

## I. OBJECTIVES AND PLAN IN 2018

Based on the real situation of the market and other factors related to business performance, Danapha will strive to fulfill its missions in 2018 according to the following targets:

REVENUE

**600** VND billion

EARNINGS BEFORE TAX (15.5%/REVENUE)

**93** VND billion

## II. SOLUTIONS AND ACTIONS FOR 2018

### 1. For production activities and plans

- To rationally balance the production plan in the condition of reduced export volume during the first 6 months and the interruption due to re-evaluation of GMP.
- To develop the production plans based on the capacity of the main invested equipment to generate the highest efficiency.
- To devise the plan of the general materials for export goods; Work with suppliers to increase supply capacity and commit to the full supply even in peak times.
- To review the size of production batches. The batch size of products with increasing quantities will be risen.
- To devise the plan of extracting some seasonal medicinal herbs for reservation to bring the highest economic efficiency.
- To regularly maintain and successfully implement 5S content in our factories.

### 2. For business activities

- Because of many changes in business key personnel, branch managers need to take the lead in fulfilling the commitment.
- To develop solutions for revenue growth and maintain market shares in key categories. Underwriting product categories will be expanded for trustworthy distribution partners.
- To promote export activities and consider it as the key business activity in the future.
- To strengthen the underwriting activity of DanaphaLife's functional foods with partners.
- To standardize human resources for OTC channel and adjust policies to increase sales on this channel.
- To frequently update new documents to improve the bidding tasks.

### 3. For research and development solutions

- To focus on the research and development of pharmacological chemistry in terms of neurology, diabetes and anti-aging products (Alzheimer and Parkinson); Pharmaceutical and traditional medicine.
- To rebuild the production process operated in the newly-invested production line.
- To continuously improve the quality of products having good turnover but unstable quality on the market.
- To focus on the improvement of sample biometric products in 2018.
- To diversify of DanaphaLife's functional foods, cosmetics and "Con Voi" balm oil.
- To strengthen our cooperation with research institutes, Departments, Institutes and Universities.

### 4. For quality solutions

- To prepare for the GMP Ukraine reassessment in April and GMP new medicine in August, 2018.
- To prepare appraisal to apply for a trading certificate of specially-controlled drugs.
- To coordinate, participate and start the production in the production line of newly-invested export goods.
- To intensify the investigation and examination in the production process to minimize flaws and mistakes.
- To participate in the expanded assessment of the suppliers of raw materials and packaging to select reliable ones who meet our requirements as well as the production and business demands.
- To coordinate with the general warehouse in kick-starting the packaging warehouse. To tightly control the materials, in-put packages, inventory and packaging distribution.



Mr. Nguyen Quang Tri  
Chairman/ General Director



**With the investment on the fully automated production line of Golden Star balm, Danapha's export products will reach the new heights internationally.**



**Determine to embrace  
the measures in order to  
enhance the productivity and  
affirm Danapha's status locally  
and internationally.**

# 03

## REPORT OF THE BOARD OF SUPERVISORS

The Board of Supervisors (BOS) of Danapha Pharmaceutical Joint-Stock Company (DANAPHA) submit the draft report of its activities to the Board of Directors (BOD) in the fiscal year of 2017, which is used for the Shareholders' Annual General Meeting 2018 with the following contents:

### I. ACTIVITIES OF THE BOARD OF SUPERVISORS

- DANAPHA BOS's term of 2016 - 2021 was elected by the Shareholders at the Shareholders' Annual General Meeting 2016 on 5/5/2016 with 03 members. The Shareholders approved the resignation of Ms. Pham Huong Giang - member of the BOS and elected Mr. Le Thang Binh as a new member at the Shareholders' Annual General Meeting 2017.
- In 2017, DANAPHA's BOS began to monitor strictly the company's financial status, the legitimacy in activities of the BOD and the General Director, as well as other managers. The coordination between the BOS and the BOD, the General Director and the Board of Management (BOM) in accordance with the law and the company's charter protected the legal entitlement of the company and shareholders.
- Supervising the implementation of the General Assembly of Shareholders' Resolution 2017.
- Proactively planning and implementing supervision plan in compliance with the law and the regulations of BOS.
- The Board was provided with the information and decisions regarding 2017 production and business performance from BOD and General Director. The Chief of BOS was invited to attend the BOD's meetings in 2017.
- Reviewing the 2017 financial status to build the financial assessment statement for 2016.
- Monitoring the activities of the BOD's members as well as General Director to achieve the objectives for the sake of the shareholders and employees.

### II. THE REPORT OF MONITORING ON OPERATIONS AND FINANCIAL SITUATION OF DANAPHA

#### A. THE REPORT ON AUDITING OF THE FINANCIAL SITUATION IN 2017

##### 1. Auditing of the financial situation of Danapha

- The company total assets slightly increased (from 634 billion in 2016 to 689 billion, by about 8%). The increase mainly came from short term account receivables (an increase of nearly 17% from approximately 289 billion to nearly 338 billion dong) and fixed assets (an increase of nearly 41% to 166 billion).
- The value of short-term assets increased but mainly driven by the sharp growth in short-term account receivables. In recent periods, the company has launched many promotion programs leading to a moderate increase in account receivables, especially from exports. However, thanks to new debt policies such as strict debt management and controlling the sales process, the company can still maintain stable conditions. Note that there's a considerable decrease in cash. In 2017, cash was required for many projects, such as construction projects, machinery procurement and loan repayments, which caused a reduction in cash to about 21 billion. However, cash reduction was heading towards debts and investments, which was acceptable.
- Long-term assets: Investment in tangible fixed assets strongly increased in 2017, which was one of the main reasons for the decline in the 2017 cash flow. The fixed asset value of the company increased by 40% (from 76 billion to nearly 122 billion), compared to 2016, whose significant contribution was from tangible fixed assets. In 2017, many of the construction projects were completed and put into use, making the cost of construction in progress decrease to about 7 billion.

- Short-term debt: Compared to 2015, the company's 2016 total short-term debt increased substantially, which in contrast, showed a downward trend in 2017. Total short-term debt of the company in 2017 is about 274 billion, decreasing by 11.3%, compared to the amount of the same period last year. In particular, short-term payables and other short-term payables experienced a cutback of VND 14 billion and VND 65 billion, respectively, which were notable figures. In general, the company is trying to ensure its financial situation by balancing the account payables.
- Long-term debt: Long-term loans and sponsors of the company both showed a downward trend with a decrease from 33 billion to 17 billion, compared to 2016. Generally, the company partially paid off the debts borrowed for the procurement of construction and equipment.
- Equity: In early 2017, the company successfully issued public shares to the market. Equity has been increased from 292.96 billion VND to 397.94 billion VND in 2017.

## 2. Income statement review:

- Revenue of 2017 is 470 billion VND, decreasing by 4% in compared to last year.
  - i. The export revenue of 2017 was set up quite high (250 billion VND) in order to buffer the risk of sales slow-down in 2018. However, thanks to the Russian GMP grant, the export revenue has been adjusted.
  - ii. In 2017, because there were changes in organizational structure, splitting and forming new branches, the business result has been more or less impacted.
  - iii. The overall slow-down of Vietnam pharmaceutical industry due to the competition in bidding (from competitors such as Imexpharm, DHG, ...etc)
  - iv. Though the planned revenue was not hit, the overall business result still showed a great effort of the whole company and became the motivation for thriving in 2018.
- Cost of goods sold and sales expenses decrease faster than revenue drop (respectively 9.39% and 13.05%). The reason comes from production management measurement and the effective OGSM, both contributing to the improved business result.
- In 2016 and 2017, the company acquired many loans to meet the investment and production demand, increasing the interest payable to VND 12.7 billion. By the end of 2017, these loans and sponsors reduced expecting a decline in the interest expenses next year.
- Thanks to the changes in cost management, the company's earnings after tax inclined by 6% to VND 66.4 billion in comparison with the figure in 2016. If we continue to effectively manage cost as well as take steps to boost revenue, the company will achieve even better results in the future.

## 3. Statement of cash flow:

The statement of cash flow represented a cutback in cash and cash equivalents in 2017, with the amount of VND 37.9 billion accounted for 64.69%:

- Operating cash flow increased. In 2016, there experienced a negative cash flow nearly VND 14.86 billion, whereas; the company earned VND 4.4 billion as the total cash flow from operating activities in 2017. This was thanks to the reduction in operating expenses.
- Investment cash flow decreased by 25.83 billion, mainly driven by the investment in fixed assets.
- Cash flow from financial activities also dropped sharply by VND 42.01 billion. The main reason was the rise of debt (by nearly double) despite the additional capital in equity of nearly 40 billion. The amount of loan repayment in 2017 was VND 293.66 billion comparing to VND 152.31 billion in 2016.

## B. FINANCIAL RATIOS ANALYSIS

**Table 1: 2017 Consolidated Financial Statement in comparison with 2016**

Financial Ratios	Unit	2016	2017	Increase/ Decrease	% Change
Current ratio	TIME(S)	1.49	1.77	0.28	18.79
Quick ratio	TIME(S)	1.15	1.32	0.17	19.31
Cash ratio	TIME(S)	0.19	0.08	-0.11	-58.84
Total Debt to Total Equity	%	115.64	73.29	-44.56	-37.28
Total Debt to Total Assets	%	53.80	42.25	-11.55	-21.46
Inventory Turnover	TIME(S)	4.94	4.11	0.83	-14.74
Receivable Turnover	TIME(S)	2.21	1.49	-0.72	-32.54
Gross profit margin	%	46.00	48.68	2.68	5.83
Interest to Revenue	%	12.75	14.21	1.46	11.42
Return on Asset (ROA)	%	9.86	9.64	-0.22	-2.24
Return on Equity (ROE)	%	21.41	16.71	-4.70	-21.93
EPS	VND	6,400	5,100	-1,300	-20.32



## Comment on the financial status of the company through the financial ratios:

### 1. Liquidity ratios

- In general, paying capacity of the company in 2017 has been improved comparing to 2016. Current ratio and quick ratio increase by 18.79% and 14.78%, showing that the company is more capable of paying short-term debts. However, because of the rise in account receivables, the cash flow has been down, weakening the cash paying capacity of the company.

### 2. Operating ratio

- The company's account receivables turnover ratio decreased from 2.21 to 1.49, leading to an increase in average receivables to over 78 days. This gave the explanation to the increase in short-term receivables and the decrease in cash balance in the company's balance sheet this year. Please notice that the account receivable has been well controlled. Account receivables in export still increase. We have not found a good solution for this problem.
- Inventory turnover ratio slightly decreased compared to 2016, from 4.94 to 4.11, which led to a rise in average inventory turnover time to about 15 days. If the company can improve the management process and boost sales, the turnover time can be reduced.
- There was a slight increase in the payable turnover ratio over the previous year, making the average payable turnover time decrease by 17 days. This was also a factor that explained the drop in cash this year.
- The company's interest coverage ratio went down from 10.98 in 2016 to 7.52 this year. The fall in this ratio came from the remarkable rise in interest expense, though earnings before tax and net income showed an upward trend. However, the company's profit was able to cover the debts in the upcoming time, as outstanding loans and sponsors fell considerably in 2017.
- In 2017, though overall debts increased, thanks to the issuance of privileged, equity increased and debt to equity ratio (financial leverage) decreased.

### 3. Profitability index

- In general, there was no big change in the company's profitability index comparing to 2016. Gross margin and net margin had a slight increase over the last year, showing that the company was well-managed, despite not reaching the revenue target. ROA and ROE slight decreased in compared to 2016 (due to increasing equity). Though ROE increased by 33.33%, return on equity and EPS just slight decreased, showing that the company is very capable of managing its financial status.

## III. COMMENTS AND RECOMMENDATIONS FOR BOD AND BOM

- The company should focus more on debt management in order to ensure revenue growth, debt collection and payment risk.
- The company should raise the amount of cash and enhance company's liquidity.
- Currently, Danapha has become a large-scale public company. The company should strictly follow the current regulations on information publishing and security depository.
- The company's BOD should implement private placement of convertible bonds, which was approved by SSC, in compliance with the law.
- The company should take actions to increase revenue, gain market share and manage cost which maintain revenue growth and business efficiency.

### \* CONCLUSION:

*Despite the pressure from raising ambitious capital, the business and financial performance showed a positive sign and higher efficiency in terms of operation, compared to the previous year. The Board of Directors, General Director and the entire Danapha's staff should keep implementation current strategies, embracing current advantages, and investing towards the of modernization and application of high technology to ensure it can expect great business outcomes for the upcoming years.*

*Best wishes to the Board of Management and Board of Directors.*

Da Nang, February 5, 2018



On behalf of Board of Supervisors  
Chief  
Dr. Nguyen Hoang Giang



# 04

## FINANCIAL STATEMENTS



**Maximize profits for Danapha and maximize benefits for the shareholders and investors along with contributing to the community and driving the social growth and progression.**





## CORPORATE INFORMATION

### Business Registration

#### Certificate No.

3203001246\_20 December 2006  
0400102091\_14 September 2010  
0400102091\_17 May 2011  
0400102091\_6 November 2013  
0400102091\_8 May 2015

### Enterprise Registration

#### Certificate No.

0400102091\_25 August 2015  
0400102091\_9 May 2017

The Business Registration Certificate and the Enterprise Registration Certificate and their updates were issued by Da Nang Department of Planning and Investment.

### Board of Directors

Mr. Nguyen Quang Tri	Chairman
Mr. Mai Đàng Đâu	Member
Mr. Phạm Khắc Hà	Member
Ms. Nguyễn Thị Văn Thọ	Member
Ms. Nguyễn Thị Liên Hoa	Member
Mr. Lai Tiên Mạnh	Member
Mr. Nguyễn Đức Sơn	Member
Mr. Trương Công Trí	Member

### Board of Management

Mr. Nguyễn Quang Trí	General Director
Mr. Mai Đàng Đâu	Deputy General Director
Mr. Dương Chí Toàn	Deputy General Director

### Registered Office:

253 Dung Sĩ Thanh Khê,  
Thanh Khê District, Da Nang City, Vietnam

### Auditor

KPMG Limited Vietnam



## STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Danapha Pharmaceutical Joint Stock Company (“the Company”) presents this statement and the accompanying financial statements of the Company for the year ended 31 December 2017.

The Company’s Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of the financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting. In the opinion of the Board of Management:

(a) the financial statements set out on pages 78 to 99 give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2017, and of the results of operations and the cash flows of the Company for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting; and

(b) at the date of this statement, there are no reasons to believe that the Company will not be able to pay its debts as and when they fall due.

The Board of Management has, on the date of this statement, authorised the accompanying financial statements for issue.

On behalf of the Board of Management



\_\_\_\_\_  
Nguyễn Quang Trí  
General Director

Da Nang City, 29 March 2018



KPMG Limited: 10th floor, Sun Wah Tower,  
115 Nguyen Hue Street, District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam  
Tel: +84 (8) 3821 9266 / Fax: +84 (8) 3821 9267  
Web: www.kpmg.com.vn

## To the Shareholders Danapha Pharmaceutical Joint Stock Company

We have audited the accompanying financial statements of Danapha Pharmaceutical Joint Stock Company ("the Company"), which comprise the balance sheet as 31 December 2017, the statements of income and cash flows for the year then ended and the explanatory notes thereto which were authorised for issue by the Company's Board of Management on 29 March 2018, as set out on pages 78 to 99.

### Management's Responsibility

The Company's Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting, and for such internal control as the Board of Management determines is necessary to enable the preparation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

### Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free of material misstatement.

KPMG Limited's Branch in Ho Chi Minh City, Việt Nam  
Audit Report No.: 17-01-574



**Chang Hung Chun**  
Practicing Auditor Registration  
Certificate No. 0863-2018-007-1  
Deputy General Director

Ho Chi Minh City, 29 March 2018

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgement, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Company's Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

### Auditor's Opinion

In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of Danapha Pharmaceutical Joint Stock Company as at 31 December 2017 and of its results of operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

**Trương Vinh Phúc**  
Practicing Auditor Registration  
Certificate No. 1901-2018-007-1



# BALANCE SHEET

as at 31 December 2016

Form B 01 - DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	CODE	NOTE	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>ASSETS</b>				
<b>Current assets</b>				
<b>(100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>483,758,217,772</b>	<b>453,539,467,112</b>
<b>Cash and cash equivalents</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>20,694,129,643</b>	<b>58,607,172,757</b>
Cash	111		19,359,407,985	28,607,172,757
Cash equivalents	112		1,334,721,658	30,000,000,000
<b>Accounts receivable - short-term</b>	<b>130</b>		<b>337,180,265,291</b>	<b>282,274,861,379</b>
Accounts receivable from customers	131	<b>6</b>	290,990,125,334	255,452,359,793
Prepayments to suppliers	132		44,495,486,318	31,522,680,312
Other receivables	136	<b>7</b>	8,072,090,065	1,377,257,700
Allowance for doubtful debts	137	<b>8</b>	(6,377,436,426)	(6,077,436,426)
<b>Inventories</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>121,606,041,894</b>	<b>105,865,575,682</b>
Inventories	141		122,378,137,978	107,754,471,039
Allowance for inventories	149		(772,096,084)	(1,888,895,357)
<b>Other current assets</b>	<b>150</b>		<b>4,277,780,944</b>	<b>6,791,857,294</b>
Deductible value added tax	152		3,927,385,079	6,435,695,459
Taxes receivable from State Treasury	153		350,395,865	356,161,835
<b>Long-term assets</b>				
<b>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>204,964,690,092</b>	<b>180,578,339,210</b>
<b>Accounts receivable - long-term</b>	<b>210</b>		-	<b>6,500,000,000</b>
Other long-term receivables	216		-	6,500,000,000
<b>Fixed assets</b>	<b>220</b>		<b>165,984,260,555</b>	<b>117,802,101,009</b>
Tangible fixed assets	221	<b>10</b>	121,785,178,542	75,764,849,476
Cost	222		268,722,186,075	206,507,953,155
Accumulated depreciation	223		(146,937,007,533)	(130,743,103,679)
Intangible fixed assets	227	<b>11</b>	44,199,082,013	42,037,251,533
Cost	228		44,199,082,013	42,037,251,533
Accumulated amortisation	229		-	-
<b>Long-term work in progress</b>	<b>240</b>		<b>7,240,153,130</b>	<b>23,916,227,781</b>
Construction in progress	242	<b>12</b>	7,240,153,130	23,916,227,781
<b>Long-term financial investments</b>				
<b>250</b>	<b>13</b>		<b>15,473,000,000</b>	<b>16,243,750,260</b>
Investments in associates	252		8,820,000,000	8,820,000,000
Equity investments in other entities	253		6,800,000,000	8,375,000,000
Allowance for diminution in the value of long-term financial investments	254		(147,000,000)	(951,249,740)
<b>Other long-term assets</b>	<b>260</b>		<b>16,267,276,407</b>	<b>16,116,260,160</b>
Long-term prepaid expenses	261	<b>14</b>	16,267,276,407	16,116,260,160
<b>TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>688,722,907,864</b>	<b>634,117,806,322</b>



# BALANCE SHEET

as at 31 December 2016

Form B 01 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	CODE	NOTE	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>RESOURCES</b>				
<b>LIABILITIES (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>290,786,628,337</b>	<b>341,154,021,309</b>
<b>Current liabilities</b>	<b>310</b>		<b>273,538,593,391</b>	<b>314,865,749,178</b>
Accounts payable to suppliers	311	15	18,050,346,481	32,397,238,866
Advances from customers	312		19,527,551,386	10,266,677,153
Taxes payable to State Treasury	313	16	3,422,599,651	1,082,535,991
Payables to employees	314		17,086,630,845	23,879,286,615
Accrued expenses	315	17	9,680,665,132	12,265,860,151
Other payables	319	18	3,436,390,881	68,926,929,155
Short-term borrowings	320	19(a)	201,242,306,203	157,834,338,298
Bonus and welfare fund	322	20	1,092,102,812	8,212,882,949
<b>Long-term liabilities</b>	<b>330</b>		<b>17,248,034,946</b>	<b>26,288,272,131</b>
Long-term borrowings	338	19(b)	17,248,034,946	26,288,272,131
<b>EQUITY (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>397,936,279,527</b>	<b>292,963,785,013</b>
<b>Owners' equity</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>397,305,809,966</b>	<b>291,954,353,632</b>
Share capital	411	22	130,200,000,000	97,650,000,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		130,200,000,000	97,650,000,000
Share premium	412		87,632,500,000	81,232,500,000
Investment and development fund	418	23	113,071,853,632	113,071,853,632
Retained profits	421		66,401,456,334	-
- Retained profit for the current year	421b		66,401,456,334	-
<b>Non-business expenditure fund and other funds</b>	<b>430</b>	<b>21</b>	<b>630,469,561</b>	<b>1,009,431,381</b>
Non-business expenditure fund	431		474,181,416	806,270,600
Non-business expenditure fund invested in fixed assets	432		156,288,145	203,160,781
<b>TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>688,722,907,864</b>	<b>634,117,806,322</b>

29 March 2018  
Prepared by:

Approved by:

Trương Thị Diệu Huyền  
Accounting Manager

Nguyễn Thị Văn Thảo  
Chief Accountant



Nguyễn Quang Tri  
General Director



# STATEMENT OF INCOME

for the year ended 31 December 2017

Form B 02 - DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	CODE	NOTE	2017 VND	2016 VND
REVENUE FROM SALES OF GOODS	01	25	470,517,052,691	492,582,209,818
REVENUE DEDUCTIONS	02	25	3,170,146,952	2,428,986,175
NET REVENUE (10 = 01 - 02)	10	25	467,346,905,739	490,153,223,643
COST OF SALES	11	26	239,838,869,393	264,683,717,369
GROSS PROFIT (20 = 10 - 11)	20		227,508,036,346	225,469,506,274
Financial income	21	27	2,749,872,581	4,599,475,410
Financial expenses	22	28	13,675,651,257	10,812,971,498
<i>In which: Interest expense</i>	23		12,737,239,347	10,534,646,168
Selling expenses	25	29	79,863,369,521	91,850,974,656
General and administration expenses	26	30	54,092,173,983	52,519,474,582
<b>NET OPERATING PROFIT</b>				
{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		82,626,714,166	74,885,560,948
Other income	31		432,376,153	580,026,716
Other expenses	32		47,064,035	116,948,403
<b>RESULTS OF OTHER ACTIVITIES</b>				
(40 = 31 - 32)	40		385,312,118	463,078,313
<b>ACCOUNTING PROFIT BEFORE TAX</b>				
(50 = 30 + 40)	50		83,012,026,284	75,348,639,261
<b>INCOME TAX EXPENSE - CURRENT</b>	51	32	16,610,569,950	12,846,550,704
<b>NET PROFIT AFTER TAX</b>				
(60 = 50 - 51)	60		66,401,456,334	62,502,088,557
<b>BASIC EARNINGS PER SHARE</b>	70	33	4,621	5,584

29 March 2018

Prepared by:

Trương Thị Diệu Huyền  
Accounting Manager

Nguyễn Thị Văn Thơ  
Chief Accountant

Approved by:



Nguyễn Quang Trí  
General Director





# STATEMENT OF CASH FLOWS

for the year ended 31 December 2017 (Indirect method)

Form B 03 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	CODE	2017 VND	2016 VND
<b>CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES</b>			
<b>ACCOUNTING PROFIT BEFORE TAX</b>	<b>01</b>	<b>83,012,026,284</b>	<b>75,348,639,261</b>
<b>ADJUSTMENTS FOR</b>			
Depreciation and amortisation	02	17,309,382,633	17,703,862,273
Allowances and provisions	03	(968,082,992)	5,721,744,930
Exchange losses/(gains) arising from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	04	405,404,100	(1,999,955,426)
Profits from investing activities	05	(2,591,105,325)	(2,563,637,535)
Interest expense	06	14,016,639,347	10,534,646,168
<b>OPERATING PROFIT BEFORE CHANGES IN WORKING CAPITAL</b>	<b>08</b>	<b>111,184,264,047</b>	<b>104,745,299,671</b>
Change in receivables and other assets	09	(46,501,776,727)	(130,699,360,209)
Change in inventories	10	(15,276,632,960)	(14,430,654,086)
Change in payables and other liabilities	11	(63,964,669,561)	34,605,503,217
Change in prepaid expenses	12	(151,016,247)	1,192,388,640
		<b>(14,709,831,448)</b>	<b>(4,586,822,767)</b>
Interest paid	14	(14,409,338,018)	(9,863,468,824)
Income tax paid	15	(14,411,650,797)	(14,550,000,000)
Other receipts from operating activities	16	320,000,000	850,000,000
Other payments for operating activities	17	(7,819,741,957)	(13,729,014,172)
<b>NET CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES</b>	<b>20</b>	<b>(51,030,562,220)</b>	<b>(41,879,305,763)</b>
<b>CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES</b>			
Payments for additions to fixed assets and other long-term assets	21	(48,815,467,528)	(39,743,358,563)
Proceeds from disposal of fixed assets	22	430,000,000	550,000,000
Receipts from term deposits at banks	24	-	20,000,000,000
Payments for investments in other entities	25	-	(3,375,000,000)
Collections on investments in other entities	26	1,750,000,000	-
Receipts of interests and dividends	27	1,986,105,325	2,048,266,203
<b>NET CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES</b>	<b>30</b>	<b>(44,649,362,203)</b>	<b>(20,520,092,360)</b>



# STATEMENT OF CASH FLOWS

for the year ended 31 December 2017 (Indirect method)

Form B 03 - DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	CODE	2017 VND	2016 VND
<b>CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</b>			
Proceeds from equity issued	31	38,950,000,000	-
Proceeds from borrowings	33	330,029,010,831	239,300,182,731
Payments to settle loan principals	34	(295,661,280,111)	(152,313,929,602)
Payments of dividends	36	(15,610,600,111)	(14,132,460,000)
<b>NET CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</b>	<b>40</b>	<b>57,707,130,609</b>	<b>72,853,793,129</b>
<b>NET CASH FLOWS DURING THE YEAR (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(37,972,793,814)</b>	<b>10,454,395,006</b>
<b>CASH AND CASH EQUIVALENTS AT THE BEGINNING OF THE YEAR</b>	<b>60</b>	<b>58,607,172,757</b>	<b>48,156,130,533</b>
<b>EFFECT OF EXCHANGE RATE FLUCTUATIONS ON CASH AND CASH EQUIVALENTS</b>	<b>61</b>	<b>59,750,700</b>	<b>(3,352,782)</b>
<b>CASH AND CASH EQUIVALENTS AT THE END OF THE YEAR (70 = 50 + 60 + 61) (NOTE 5)</b>	<b>70</b>	<b>20,694,129,643</b>	<b>58,607,172,757</b>

29 March 2018

Prepared by:

Trung Thi Dieu Huyen  
Accounting Manager

Nguyen Thi Van Tho  
Chief Accountant

Approved by:



Nguyen Quang Tri  
General Director



# NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2017

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements.

## 1. Reporting Entity

### a. Ownership structure

Danapha Pharmaceutical Joint Stock Company (“the Company”) is incorporated as a joint-stock company under Business Registration Certificate No. 3203001246 issued by Da Nang Department of Planning and Investment on 20 December 2006 from the equitisation of the former Vietnam Pharmaceutical Company Number 5.

### b. Principal activities

The principal activities of the Company are to manufacture and trade medicine, pharmaceutical chemistry and medicinal chemistry.

### c. Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is generally within 12 months.

### d. Company structure

As at 31 December 2017, the Company had 502 employees (1/1/2017: 427 employees).

## 2. Basis of preparation

### a. Statement of compliance

The financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

### b. Basis of measurement

The financial statements, except for the statement of cash flows, are prepared on the accrual basis using the historical cost concept. The statement of cash flows is prepared using the indirect method.

### c. Annual accounting period

The annual accounting period of the Company is from 1 January to 31 December.

### d. Accounting and presentation currency

The Company’s accounting currency is Vietnam Dong (“VND”), which is also the currency used for financial statement presentation purpose.

## 3. Summary of significant accounting policies

The following significant accounting policies have been adopted by the Company in the preparation of these financial statements.

### a. Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than VND during the year have been translated into VND at rates approximating actual rates of exchange ruling at the transaction dates.

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND are translated into VND at the account transfer buying rate and account transfer selling rate, respectively, at the end of the annual accounting period quoted by the commercial bank where the Company most frequently conducts transactions.

All foreign exchange differences are recorded in the statement of income.

### b. Cash and cash equivalents

Cash comprises cash balances and call deposits. Cash equivalents are short-term highly liquid investments that are readily convertible to known amounts of cash, are subject to an insignificant risk of changes in value, and are held for the purpose of meeting short-term cash commitments rather than for investment or other purposes.

### c. Investments

#### i. Investments in associates

Investments in associates are initially recognised at cost which includes purchase price plus any directly attributable transaction costs. Subsequent to initial recognition, these investments are stated at cost less allowance for diminution in value. An allowance is made for diminution in investment value if the investee has suffered a loss, except where such a loss was anticipated by the Company’s management before making the investment. The allowance is reversed if the investee subsequently made a profit that offsets the previous loss for which the allowance had been made. An allowance is reversed only to the extent that the investment’s carrying amount does not exceed the carrying amount that would have been determined if no allowance had been recognised.

#### ii. Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities are initially recognised at cost which include purchase price plus any directly attributable transaction costs. Subsequent to initial recognition, these investment are stated at cost less allowance for diminution in value. An allowance is made for diminution in investment values if the investee has suffered a loss, except where such a loss was anticipated by the Company’s management before making the investment. The allowance is reversed if the investee subsequently made a profit that offsets the previous loss for which the allowance had been made. An allowance is reversed only to the extent that the investment’s carrying amount does not exceed the carrying amount that would have been determined if no allowance had been recognised.



# NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2017 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

## d. Accounts receivable

Trade and other receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts.

## e. Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost is determined on a weighted average basis and includes all costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Cost in the case of finished goods and work in progress includes raw materials, direct labour and attributable manufacturing overheads. Net realisable value is the estimated selling price of inventory items, less the estimated costs of completion and selling expenses.

The Company applies the perpetual method of accounting for inventories.

## f. Tangible fixed assets

### i. Cost

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The initial cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price, including import duties, non-refundable purchase taxes and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition for its intended use. Expenditure incurred after tangible fixed assets have been put into operation, such as repairs, maintenance and overhaul cost, is charged to the statement of income in the year in which the cost is incurred. In situations where it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of tangible fixed assets beyond their originally assessed standard of performance, the expenditure is capitalised as an additional cost of tangible fixed assets.

### ii. Depreciation

Depreciation is computed on a straight-line basis over the estimated useful lives of tangible fixed assets.

The estimated useful lives are as follows:

- buildings 5 – 25 years
- machinery and equipment 3 – 10 years
- motor vehicles 3 – 6 years

## g. Intangible fixed assets

### Land use rights

Land use rights comprise those acquired in a legitimate transfer. Land use rights with indefinite period of use are stated at cost and not amortised. The initial cost of land use rights comprise its purchase price and any directly attributable costs incurred in conjunction with securing the land use rights.

## h. Construction in progress

Construction in progress represents the costs of construction and machinery which have not been fully completed or installed. No depreciation is provided for construction in progress during the period of construction and installation.

## i. Long term prepaid expenses

### i. Prepaid land costs

Prepaid land costs comprise prepaid land lease rentals, including those for which the Company obtained land use right certificates but are not qualified as intangible fixed assets under Circular No. 45/2013/TT-BTC dated 25 April 2013 of the Ministry of Finance providing guidance on management, use and depreciation of fixed assets, and other costs incurred in conjunction with securing the use of leased land. These costs are recognised in the statement of income on a straight-line basis over the term of the lease of 35 years.

### ii. Factory renovations

Factory renovations are recorded at cost and amortised on a straight-line basis from over 1 to 2 years.

## j. Trade and other payables

Trade and other payables are stated at their cost.

## k. Provisions

A provision is recognised if, as a result of a past event, the Company has a present legal or constructive obligation that can be estimated reliably, and it is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation. Provisions are determined by discounting the expected future cash flows at a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the liability.

## l. Taxation

Income tax on the profit or loss for the year comprises current and deferred tax. Income tax is recognised in the statement of income except to the extent that it relates to items recognised directly to equity, in which case it is recognised in equity.

Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the year, using tax rates enacted or substantively enacted at the end of the annual accounting period, and any adjustment to tax payable in respect of previous years.

Deferred tax is provided using the balance sheet method, providing for temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the amounts used for taxation purposes. The amount of deferred tax provided is based on the expected manner of realisation or settlement of the carrying amount of assets and liabilities using tax rates enacted at the end of the annual accounting period.

A deferred tax asset is recognised only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary difference can be utilised. Deferred tax assets are reduced to the extent that it is no longer probable that the related tax benefit will be realised.



# NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2017 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

## **m. Share capital**

### **i. Ordinary shares**

Ordinary shares are stated at par value. Incremental costs directly attributable to the issue of shares, net of tax effects, are recognised as a deduction from share premium.

### **ii. Share premium**

When receiving capital contribution from the shareholders, the difference between issue price and par value of shares is recognised in share premium account in equity.

## **n. Equity funds**

Allocations from the retained profits to equity funds are made annually based on the percentage decided by the shareholders in Annual General Shareholders Meeting.

## **o. Revenue and other income**

### **i. Goods sold**

Revenue from the sales of goods is recognised in the statement of income when the significant risks and rewards of ownership have been transferred to the buyer. No revenue is recognised if there are significant uncertainties regarding recovery of the consideration due or the possible return of goods. Revenue on sales of goods is recognised at the net amount after deducting sales discounts stated on the invoice.

### **ii. Interest income**

Interest income is recognised on a time proportion basis with reference to the principal outstanding and the applicable interest rate.

### **iii. Dividend income**

Dividend income is recognised when the right to receive dividend is established. Share dividends are not recognised as income. Dividends received which are attributable to the period before investment acquisition date are deducted from the carrying amount of the investment.

## **p. Operating lease payments**

Payments made under operating leases are recognised in the statement of income on a straight-line basis over the term of the lease. Lease incentives received are recognised in the statement of income as an integral part of the total lease expense.

## **q. Borrowing costs**

Borrowing costs are recognised as an expense in the year in which they are incurred, except where the borrowing costs relate to borrowings in respect of the construction of qualifying assets, in which case the borrowing costs incurred during the period of construction are capitalised as part of the cost of the assets concerned.

## **r. Earnings per share**

The Company presents basic earnings per share (“EPS”) for its ordinary shares. Basic EPS is calculated by dividing the profit or loss attributable to the ordinary shareholders (after deducting any amounts appropriated to bonus and welfare fund for the annual accounting period) of the Company by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

## **s. Segment reporting**

A segment is a distinguishable component of the Company that is engaged either in providing related products or services (business segment), or in providing products or services within a particular economic environment (geographical segment), which is subject to risks and rewards that are different from those of other segments. The Company has only one business segment, which is to manufacture and trade medicine. The Company’s primary format for segment reporting is based on geographical segments (Vietnam and overseas).

## **t. Related parties**

Parties are considered to be related to the Company if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or where the Company and the other parties are subject to common control or significant influence. Related parties may be individuals or corporate entities and include close family members of any individual considered to be a related party.



# NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2017 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

## 4. Segment reporting

### Geographical segments

	Vietnam		Overseas		Total	
	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND
External revenue	319,780,289,248	356,263,410,043	150,736,763,443	136,318,799,775	470,517,052,691	492,582,209,818
Capital expenditure	41,466,785,733	34,669,188,258	6,871,523,880	5,074,170,305	48,338,309,613	39,743,358,563

	Vietnam		Overseas		Total	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Segment assets	688,722,907,864	634,117,806,322	-	-	688,722,907,864	634,117,806,322

## 5. Cash and cash equivalents

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Cash on hand	1,072,960,856	1,454,606,733
Cash in banks	18,286,447,129	27,152,566,024
Cash equivalents	1,334,721,658	30,000,000,000
<b>CASH AND CASH EQUIVALENTS IN THE STATEMENT OF CASH FLOWS</b>	<b>20,694,129,643</b>	<b>58,607,172,757</b>

## 6. Accounts receivable from customers – short-term

### a. Accounts receivable from customers detailed by significant customer

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Danson – BG EOOD	175,683,289,068	125,840,992,183
Kim Do Pharmaceutical Company Limited	34,389,575,493	20,502,703,165
Other customers	80,917,260,773	109,108,664,445
	<b>290,990,125,334</b>	<b>255,452,359,793</b>

### b. Accounts receivable from customers who are related parties

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Da Nang Pharmaceutical – Medical Equipment Joint Stock Company	851,798,687	3,669,317,735
Danapha – Nanosome Pharmaceutical Joint Stock Company	153,601,098	104,791,238

The trade related amounts due from related companies were unsecured, interest free and receivable on demand.

## 7. Other receivables

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Advances	1,181,669,704	981,001,693
Short-term deposits	6,692,666,407	145,140,407
Others	197,753,954	251,115,600
	<b>8,072,090,065</b>	<b>1,377,257,700</b>

## 8. Allowance for doubtful debts

	31/12/2017			1/1/2017				
	Overdue days	Cost VND	Allowance VND	Recoverable amount VND	Overdue days	Cost VND	Allowance VND	Recoverable amount VND
Overdue debts								
Danson - BG EOOD	1 - 140	49,811,503,195	(3,270,410,255)	46,541,092,940	1 - 321	10,260,332,620	(2,793,612,409)	7,466,720,211
Bai Tu Long Pharmaceutical Company Limited	2,033 - 2,060	200,000,000	(200,000,000)	-	1,668 - 1,695	200,000,000	(200,000,000)	-
Hung Yen Pharmaceutical JSC - Khoai Chau Branch	2,102	148,985,733	(148,985,733)	-	1,737	148,985,733	(148,985,733)	-
Tien Giang Mental Hospital	2,044 - 2,102	136,922,982	(136,922,982)	-	1,679 - 1,737	136,922,982	(136,922,982)	-
Others	181 - 2,192	7,786,527,676	(2,621,117,456)	5,165,410,220	181 - 1,827	18,666,103,745	(2,797,915,302)	15,868,188,443
		<b>58,083,939,586</b>	<b>(6,377,436,426)</b>	<b>51,706,503,160</b>		<b>29,412,345,080</b>	<b>(6,077,436,426)</b>	<b>23,334,908,654</b>

Movements in allowance for doubtful debts during the year were as follows:

	2017 VND	2016 VND
Opening balance	6,077,436,426	1,681,659,717
Allowance made during the year	300,000,000	4,395,776,709
<b>CLOSING BALANCE</b>	<b>6,377,436,426</b>	<b>6,077,436,426</b>



# NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2017 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

## 9. Inventories

	31/12/2017		1/1/2017	
	Cost	Allowance	Cost	Allowance
	VND	VND	VND	VND
Raw materials	63,562,346,170	(30,318,686)	62,941,153,453	(725,580,393)
Tools and supplies	294,772,924	(232,325,119)	60,176,847	-
Work in progress	2,593,223,793	-	7,182,164,119	-
Finished goods	55,613,069,005	(509,452,279)	36,917,615,417	(1,163,314,964)
Merchandise inventories	314,726,086	-	653,361,203	-
	<b>122,378,137,978</b>	<b>(772,096,084)</b>	<b>107,754,471,039</b>	<b>(1,888,895,357)</b>

Included in inventories at 31 December 2017 was VND 772 million (1/1/2017: VND 1,889 million) of inventories carried at net realisable value.

At 31 December 2017, inventories with carrying value of VND 121,606 million (1/1/2017: Nil) were pledged with banks as security for loans granted to the Company (Note 19(b)).

Movements in the allowance for inventories during the year were as follows:

	2017 VND	2016 VND
<b>OPENING BALANCE</b>	<b>1,888,895,357</b>	<b>1,378,244,659</b>
Allowance made during the year	-	1,325,968,221
Allowance reversed during the year	(463,833,252)	-
Allowance utilised during the year	(652,966,021)	(815,317,523)
<b>CLOSING BALANCE</b>	<b>772,096,084</b>	<b>1,888,895,357</b>

## 10. Tangible fixed assets

	Buildings	Machinery and equipment	Motor vehicles	Total
	VND	VND	VND	VND
<b>COST</b>				
Opening balance	77,768,852,586	118,628,778,454	10,110,322,115	206,507,953,155
Additions	14,318,373,881	13,178,039,495	1,839,118,183	29,335,531,559
Transfer from construction in progress	33,994,180,140	-	-	33,994,180,140
Disposals	-	-	(1,115,478,779)	(1,115,478,779)
<b>CLOSING BALANCE</b>	<b>126,081,406,607</b>	<b>131,806,817,949</b>	<b>10,833,961,519</b>	<b>268,722,186,075</b>
<b>ACCUMULATED DEPRECIATION</b>				
Opening balance	41,341,385,897	84,043,281,760	5,358,436,022	130,743,103,679
Charge for the year	6,299,956,119	9,754,865,619	1,254,560,895	17,309,382,633
Disposals	-	-	(1,115,478,779)	(1,115,478,779)
<b>CLOSING BALANCE</b>	<b>47,641,342,016</b>	<b>93,798,147,379</b>	<b>5,497,518,138</b>	<b>146,937,007,533</b>
<b>NET BOOK VALUE</b>				
Opening balance	<b>36,427,466,689</b>	<b>34,585,496,694</b>	<b>4,751,886,093</b>	<b>75,764,849,476</b>
Closing balance	<b>78,440,064,591</b>	<b>38,008,670,570</b>	<b>5,336,443,381</b>	<b>121,785,178,542</b>





# NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2017 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

Included in tangible fixed assets were assets costing VND 97,874 million which were fully depreciated as of 31 December 2017 (1/1/2017: VND 73,795 million), but which are still in active use.

As at 31 December 2017, tangible fixed assets with carrying value of VND 18,194 million (1/1/2017: VND 11,554 million) were pledged with banks as security for loans granted to the Company (Note 19).

## 11. Intangible fixed assets

	Land use rights
	VND
<b>COST</b>	
Opening balance	42,037,251,533
Additions	2,161,830,480
Closing balance	<b>44,199,082,013</b>
<b>NET BOOK VALUE</b>	
Opening balance	<b>42,037,251,533</b>
Closing balance	<b>44,199,082,013</b>

## 12. Construction in progress

	2017 VND	2016 VND
Opening balance	23,916,227,781	1,730,429,443
Additions during the year	17,318,105,489	26,306,206,872
Transfer to tangible fixed assets	(33,994,180,140)	(4,120,408,534)
Closing balance	<b>7,240,153,130</b>	<b>23,916,227,781</b>

Major constructions in progress were as follows:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Geologic survey and initial installment costs for the new factory at Tan Tao Industrial Zone – Ho Chi Minh City	-	22,918,456,872
High Technology pharmaceutical factory	6,130,591,363	-
Others	1,109,561,767	997,770,909
	<b>7,240,153,130</b>	<b>23,916,227,781</b>

As at 31 December 2017, construction in progress with carrying value of VND 6,131 million (1/1/2017: VND 22,918 million) was pledged with banks as security for loans granted to the Company (Note 19(b)).

During the year, borrowing costs capitalised into construction in progress amounted to VND 477 million (2016: Nil).

### 13. Long-term financial investments

	31/12/2017		1/1/2017		Fair value	Allowance for diminution in value	Cost	Quantity	% of equity owned	% of voting rights	Allowance for diminution in value	Fair value
	VND	VND	VND	VND								
<b>EQUITY INVESTMENTS IN ASSOCIATES</b>												
Danapha – Nanosome Pharmaceutical Joint Stock Company (*)	882,000	49%	8,820,000,000	49%	(**)	(147,000,000)	882,000	49%	49%	8,820,000,000	(951,249,740)	(**)
<b>OTHER ENTITIES</b>												
Da Nang Pharmaceutical – Medical Equipment Joint Stock Company	630,000	7%	6,800,000,000	7%	(**)	-	630,000	7%	7%	6,800,000,000	-	(**)
Vietnam Pharmaceutical Corporation – Joint Stock Company	-	-	-	0,04%	(**)	-	100,000	0,04%	0,04%	1,575,000,000	-	(**)
			<b>15,620,000,000</b>		<b>(**)</b>	<b>(147,000,000)</b>				<b>17,195,000,000</b>	<b>(951,249,740)</b>	<b>(**)</b>

(\*) Danapha – Nanosome Pharmaceutical Joint Stock Company is incorporated as a joint stock company under the Investment Certificate No. 321032000092 issued by Da Nang People's Committee on 28 October 2009. The principal activities are to manufacture and trade pharmaceutical chemistry, medicinal chemistry, cosmetics and functional foods; research and develop scientific application for pharmaceutical products.

(\*\*) The Company has not determined fair values of these equity investments for disclosure in the financial statements because information about their market prices is not available and there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under Vietnamese Accounting Standards or the Vietnamese Accounting System for enterprises. The fair values of these equity investments may differ from their carrying amounts.



# NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2017 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

## 14. Long-term prepaid expenses

	Prepaid land costs	Advertising costs	Factory renovations	Total
	VND	VND	VND	VND
Opening balance	16,116,260,160	-	-	16,116,260,160
Additions	356,400,000	920,000,000	1,657,171,800	2,933,571,800
Amortisation for the year	(658,088,640)	(920,000,000)	(1,204,466,913)	(2,782,555,553)
<b>CLOSING BALANCE</b>	<b>15,814,571,520</b>	<b>-</b>	<b>452,704,887</b>	<b>16,267,276,407</b>

## 15. Accounts payables to suppliers – short-term

Accounts payable to suppliers detailed by significant supplier

	31/12/2017		1/1/2017	
	Cost	Amount within payment capacity	Cost	Amount within payment capacity
	VND	VND	VND	VND
An Duc Advertising and Packaging Co., Ltd	5,355,877,164	5,355,877,164	7,573,905,984	7,573,905,984
Hung Thinh Company Limited	1,085,340,000	1,085,340,000	5,204,320,000	5,204,320,000
Aceto Pte Co., Ltd	241,900,400	241,900,400	1,157,478,000	1,157,478,000
Thanh Phat Drugstore	1,849,512,500	1,849,512,500	1,532,401,000	1,532,401,000
Other suppliers	9,517,716,417	9,517,716,417	16,929,133,882	16,929,133,882
	<b>18,050,346,481</b>	<b>18,050,346,481</b>	<b>32,397,238,866</b>	<b>32,397,238,866</b>

## 16. Taxes payable to State Treasury

	1/1/2017	Incurred	Paid/Net-off	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Corporate income tax	566,707,489	16,610,569,950	(14,411,650,797)	2,765,626,642
Personal income tax	515,828,502	4,642,710,942	(4,506,103,393)	652,436,051
Value added tax	-	16,011,746,590	(16,011,746,590)	-
Other taxes	-	4,536,958	-	4,536,958
	<b>1,082,535,991</b>	<b>37,269,564,440</b>	<b>(34,929,500,780)</b>	<b>3,422,599,651</b>

## 17. Accrued expenses

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Commission for agents and distributors	5,892,967,468	11,186,354,134
Professional fees	-	204,436,546
Interest expense	482,370,800	875,069,471
Marketing expenses	3,305,326,864	
	<b>9,680,665,132</b>	<b>12,265,860,151</b>



# NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2017 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

## 18. Other payables

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Advance from a shareholder for a business cooperation contract (*)	-	50,000,000,000
Dividends payable	3,195,964,889	18,806,565,000
Trade union fee	110,967,016	98,009,600
Others	129,458,976	22,354,555
	<b>3,436,390,881</b>	<b>68,926,929,155</b>

(\*) This balance represents advance from a shareholder for a business cooperation contract of manufacturing and selling certain pharmaceutical products. This advance bears a cost which is determined based on the financial performance of the business cooperation contract during the year.

## 19. Borrowings

### a. Short-term borrowings

	1/1/2017	Movements during the year		31/12/2017
	Carrying amount/ Amount within repayment capacity	Increase	Decrease	Carrying amount/ Amount within repayment capacity
	VND	VND	VND	VND
Short-term borrowings	151,214,338,298	305,442,069,885	(264,889,645,480)	191,766,762,703
Current portion of long-term borrowings (b)	6,620,000,000	33,627,178,131	(30,771,634,631)	9,475,543,500
	<b>157,834,338,298</b>	<b>339,069,248,016</b>	<b>(295,661,280,111)</b>	<b>201,242,306,203</b>

Terms and conditions of outstanding short-term borrowings were as follows:

	Currency	Annual interest rate	31/12/2017	1/1/2017
			VND	VND
Bank loans from:				
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade – Da Nang Branch	VND	5.3% - 5.5%	74,144,069,964	52,108,504,315
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Da Nang Branch	VND	5.3% - 5.7%	73,059,741,883	99,105,833,983
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Da Nang Branch	VND	5.1% - 5.5%	10,562,950,856	-
Loans from individuals	VND	7.37%	34,000,000,000	-
			<b>191,766,762,703</b>	<b>151,214,338,298</b>

The bank loans are secured by tangible fixed assets with carrying value of VND 7,945 million as at 31 December 2017 (1/1/2017: VND 11,554 million) (Note 10).

### b. Long-term borrowings

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Long-term borrowings	26,723,578,446	32,908,272,131
Repayable within twelve months	(9,475,543,500)	(6,620,000,000)
Repayable after twelve months	<b>17,248,034,946</b>	<b>26,288,272,131</b>



# NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2017 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

Terms and conditions of outstanding long-term borrowing were as follows:

	Currency	Annual interest rate	Year of maturity	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade – Da Nang Branch (i)	VND	7.2%	2022	16,616,179,300	-
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Da Nang Branch (ii)	VND	7.4% - 9.3%	2022	4,187,757,500	32,908,272,131
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Da Nang Branch (iii)	VND	9.9%	2020	5,919,641,646	-
				<b>26,723,578,446</b>	<b>32,908,272,131</b>

(i) This loan has a maximum facility of VND 23,782 million and is secured by all of the Company's inventories with carrying amount of VND 121,606 million as at 31 December 2017 (1/1/2017: Nil) (Note 9). This loan is repayable in quarterly instalments.

(ii) This loan has a maximum facility of USD 556,500 or equivalent amount in VND and is secured by tangible fixed assets with carrying amount of VND 10,249 million (Note 10) as at 31 December 2017 (1/1/2017: construction in progress with carrying amount of VND 22,918 million). This loan is repayable in quarterly instalments.

(iii) This loan has a maximum facility of VND 6,168 million and is secured by construction in progress with carrying amount of VND 6,131 million (Note 12) as at 31 December 2017 (1/1/2017: Nil). This loan is repayable in quarterly instalments.

## 20. Bonus and welfare fund

This fund is appropriated from the retained profits in accordance with the Resolution of General Meeting of Shareholders. This fund is used to pay bonus and welfare to the Company's employees in accordance with the Company's bonus and welfare policies.

Movements of bonus and welfare fund during the year were as follows:

	2017 VND	2016 VND
Opening balance	8,212,882,949	6,965,257,230
Appropriation from retained profits	-	7,970,918,965
Utilisation of bonus and welfare fund	(7,120,780,137)	(6,723,293,246)
Closing balance	<b>1,092,102,812</b>	<b>8,212,882,949</b>

## 21. Changes in owners' equity

	Share capital		Share premium		Investment and development fund		Retained profits		Total owners' equity		Non-business expenditure fund and other funds		Total	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
<b>BALANCE AT 1 JANUARY 2016</b>	97,650,000,000		81,232,500,000		78,070,684,040		-		256,953,184,040		665,152,307		257,618,336,347	
Net profit for the year	-		-		-		62,502,088,557		62,502,088,557		-		62,502,088,557	
Appropriation to investment and development fund	-		-		35,001,169,592		(35,001,169,592)		-		-		-	
Appropriation to bonus and welfare fund	-		-		-		(7,970,918,965)		(7,970,918,965)		-		(7,970,918,965)	
Dividends	-		-		-		(19,530,000,000)		(19,530,000,000)		-		(19,530,000,000)	
Increase in funds	-		-		-		-		-		850,000,000		850,000,000	
Utilisation of funds	-		-		-		-		-		(505,720,926)		(505,720,926)	
<b>BALANCE AT 1 JANUARY 2017</b>	97,650,000,000		81,232,500,000		113,071,853,632		-		291,954,353,632		1,009,431,381		292,963,785,013	
Shares issuance (i)	32,550,000,000		6,400,000,000		-		-		38,950,000,000		-		38,950,000,000	
Net profit for the year	-		-		-		66,401,456,334		66,401,456,334		-		66,401,456,334	
Increase in funds	-		-		-		-		-		320,000,000		320,000,000	
Utilisation of funds	-		-		-		-		-		(698,961,820)		(698,961,820)	
<b>BALANCE AT 31 DECEMBER 2017</b>	130,200,000,000		87,632,500,000		113,071,853,632		66,401,456,334		397,305,809,966		630,469,561		397,936,279,527	

(i) Share premium incurred during the year comprised:

	VND
Total share premium arising from the difference between the issue price and par value	6,510,000,000
Costs directly attributable to the issuance of shares	(110,000,000)
	<b>6,400,000,000</b>



# NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2017 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

## 22. Share capital

The Company's authorised and issued share capital are:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Number of shares	VND	Number of shares	VND
<b>AUTHORISED SHARE CAPITAL</b>	<b>13,020,000</b>	<b>130,200,000,000</b>	<b>9,765,000</b>	<b>97,650,000,000</b>
<b>ISSUED SHARE CAPITAL</b>				
Ordinary shares	13,020,000	130,200,000,000	9,765,000	97,650,000,000
<b>SHARES CURRENTLY IN CIRCULATION</b>				
Ordinary shares	13,020,000	130,200,000,000	9,765,000	97,650,000,000

All ordinary shares have a par value of VND 10,000. Each share is entitled to one vote at meetings of the Company. Shareholders are entitled to receive dividend as declared from time to time. All ordinary shares are ranked equally with regard to the Company's residual assets.

At reporting date, the Company's shareholders were as follows:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Number of shares	%	Number of shares	%
Vietnam Pharmaceutical Corporation	3,888,166	29.86%	2,916,125	29.86%
Mr. Nguyen Quoc Thang	3,563,426	27.37%	2,672,570	27.37%
Ms. Nguyen Thi Minh Phuong	791,666	6.08%	593,750	6.08%
Others	4,776,742	36.69%	3,582,555	36.69%
	<b>13,020,000</b>	<b>100.00%</b>	<b>9,765,000</b>	<b>100.00%</b>

Movements in share capital during the year was as follows:

	2017		2016	
	Number of shares	VND	Number of shares	VND
Balance at the beginning of the year	9,765,000	97,650,000,000	9,765,000	97,650,000,000
Shares issued during the year	3,255,000	32,550,000,000	-	-
Balance at the end of the year	13,020,000	130,200,000,000	9,765,000	97,650,000,000

## 23. Investment and development fund

Investment and development fund was appropriated from the retained profits in accordance with the Resolution of General Meeting of Shareholders. The fund was established for the purpose of future business expansion.

## 24. Off balance sheet items

### a. Leases

The future minimum lease payments under non-cancellable operating leases were:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Within one year	1,338,850,150	1,176,209,405
From two to five years	4,384,138,673	3,414,608,879
More than five years	19,893,926,638	3,947,215,325
	<b>25,616,915,461</b>	<b>8,538,033,609</b>



# NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2017 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

## b. Foreign currencies

	31/12/2017		1/1/2017	
	Original currency	VND equivalent	Original currency	VND equivalent
USD	45,581	1,031,466,775	431,491	9,788,026,519
EUR	306,300	8,269,803,150	-	-

## c. Capital expenditure commitments

At the reporting date, the Company has the following outstanding capital commitments approved but not provided for in the balance sheet:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Approved and contracted	65,118,355,560	23,918,349,240
Approved but not contracted	-	46,893,287,400
	<b>65,118,355,560</b>	<b>70,811,636,640</b>

## 25. Revenue from sales of goods

Total revenue represented the gross invoiced value of goods sold exclusive of value added tax.

Net revenue comprised:

	2017 VND	2016 VND
<b>TOTAL REVENUE</b>		
Sales	470,517,052,691	492,582,209,818
<b>LESS REVENUE DEDUCTIONS</b>		
Sales returns	(3,170,146,952)	(2,428,986,175)
<b>NET REVENUE</b>	<b>467,346,905,739</b>	<b>490,153,223,643</b>

## 26. Cost of sales

	2017 VND	2016 VND
<b>TOTAL COST OF SALES:</b>		
Finished goods sold	240,036,312,619	263,198,621,865
Merchandise goods sold	266,390,026	159,127,283
Allowance (reversed)/made for inventories	(463,833,252)	1,325,968,221
	<b>239,838,869,393</b>	<b>264,683,717,369</b>

## 27. Financial income

	2017 VND	2016 VND
Interest income	1,031,702,585	2,048,266,203
Dividend income	954,402,740	-
Gain from disposal of equity investments in other entities	175,000,000	-
Realised foreign exchange gains	588,767,256	551,253,781
Unrealised foreign exchange gains	-	1,999,955,426
	<b>2,749,872,581</b>	<b>4,599,475,410</b>





# NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2017 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

## 28. Financial expenses

	2017 VND	2016 VND
Interest expense	12,737,239,347	7,548,714,661
Interest expense on a business cooperation contract	1,279,400,000	2,985,931,507
Reversal of allowance for diminution in the value of long-term investments	(804,249,740)	-
Realised foreign exchange losses	57,857,550	278,325,330
Unrealised foreign exchange losses	405,404,100	-
	<b>13,675,651,257</b>	<b>10,812,971,498</b>

## 29. Selling expenses

	2017 VND	2016 VND
Salary and related expenses	26,478,613,583	28,558,662,223
Material expenses	2,524,584,641	2,056,730,296
Tools and supplies	9,318,500	27,873,398
Depreciation expenses	1,108,289,872	942,739,806
Bank guarantee fee	752,269,768	688,140,887
Transportation costs and loading costs	4,378,626,034	4,754,413,438
Marketing and advertising expenses	12,506,991,375	12,347,627,953
Commission	31,139,597,861	38,156,657,259
Other expenses	965,077,887	4,318,129,396
	<b>79,863,369,521</b>	<b>91,850,974,656</b>

## 30. General and administration expenses

	2017 VND	2016 VND
Salary and related expenses	27,316,115,725	28,979,711,542
Material expenses	5,645,534,925	4,905,890,990
Tools and supplies	81,891,300	62,437,095
Depreciation expenses	7,050,420,635	5,130,940,900
Bank charges	259,804,818	233,530,802
Outside services	9,781,773,159	5,466,830,311
Allowance for doubtful debts	300,000,000	4,395,776,709
Other expenses	3,656,633,421	3,344,356,233
	<b>54,092,173,983</b>	<b>52,519,474,582</b>

## 31. Production and business costs by element

	2017 VND	2016 VND
Raw material costs included in production costs	247,708,313,535	272,465,971,536
Labour costs and staff costs	74,253,572,853	78,107,677,793
Depreciation and amortisation	17,309,382,633	17,703,862,273
Outside services	19,637,683,994	19,837,250,137
Other expenses	72,223,715,465	78,564,860,522



# NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2017 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

## 32. Income tax

### a. Recognised in the statement of income

	2017 VND	2016 VND
<b>Current income tax expense</b>		
Current year	16,610,569,950	12,846,550,704

### b. Reconciliation of effective tax rate

	2017 VND	2016 VND
Accounting profit before tax	83,012,026,284	75,348,639,261
Tax at the Company's tax rate	16,602,405,257	12,809,268,674
Non-deductible expenses	199,045,241	23,389,681
Effect of different tax rate applied to other income	-	13,892,349
Tax exempt income	(190,880,548)	-
Income tax expense	<b>16,610,569,950</b>	<b>12,846,550,704</b>

### c. Applicable tax rates

Under the terms of Business Registration Certificate, the Company has an obligation to pay income tax at the usual tax rate. Effective 1 January 2009, the Company's income tax rate is reduced from 28% to 20% and to 17% in 2016. Effective 1 January 2017, the Company's income tax rate is the usual tax rate of 20%.

## 33. Basic earnings per share

The calculation of basic earnings per share for the year ended 31 December 2017 was based on the profit attributable to ordinary shareholders of VND 57,935,283,079 (2016: VND 54,531,169,592), and a weighted average number of ordinary shares outstanding of 12,538,438 (2016: 9,765,000), calculated as follows:

### i. Net profit attributable to ordinary shareholders

	2017 VND	2016 VND
Net profit after tax	66,401,456,334	62,502,088,557
Appropriation to bonus and welfare fund (i)	(8,466,173,255)	(7,970,918,965)
Net profit attributable to ordinary shareholders	57,935,283,079	54,531,169,592

(i) Appropriation to bonus and welfare fund for 2017 is estimated at the rate of 12.75% of profit after tax for the year and this appropriation rate is based on the forecast plan of distribution of profit after tax in 2017 and the actual appropriation rate in the most recent annual accounting period.

### ii. Weighted average number of ordinary shares

	2017 Shares	2016 Shares
Issued ordinary shares at the beginning of the year	9,765,000	9,765,000
Effect of shares issued during the year	2,773,438	-
Weighted average number of ordinary shares for the year ended 31 December	12,538,438	9,765,000



# NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2017 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

### iii. Basic earnings per share

	2017 VND	2016 VND
Basic earnings per share	4,621	5,584

## 34. Significant transactions with related parties

In addition to related party balances disclosed in other notes to these financial statements, the Company had the following transactions with related parties during the year:

	Transaction value	
	2017 VND	2016 VND
<b>VIETNAM PHARMACEUTICAL CORPORATION – A MAJOR SHAREHOLDER</b>		
Dividends	-	5,832,250,000
Interest expenses on a business cooperation contract	1,279,400,000	2,985,931,507
Purchases of shares	-	1,575,000,000
Sales of equity investment	1,750,000,000	-
<b>DA NANG PHARMACEUTICAL – MEDICAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY</b>		
Sales of goods	5,507,941,872	8,047,645,648
<b>DANAPHA – NANOSOME PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY</b>		
Sales of goods	324,652,010	95,264,752
Purchases of goods	3,484,800	-
<b>MEMBERS OF BOARD OF DIRECTORS, BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF SUPERVISORS</b>		
Remunerations and business allowances	4,449,612,155	4,947,090,276

## 35. Corresponding figures

Corresponding figures as at 1 January 2017 were derived from the balances and amounts reported in the Company financial statements as at and for the year ended 31 December 2016.

29 March 2018  
Prepared by:

Approved by:

Trung Thi Dieu Huyen  
Accounting Manager

Nguyen Thi Van Tho  
Chief Accountant



Nguyen Quang Tri  
General Director

# 05

## HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

### Social activities 2017

**Đảm bảo quyền lợi và  
chăm lo đời sống cho người  
lao động một cách tốt nhất.  
Thực hiện đầy đủ trách nhiệm với  
cộng đồng, xã hội với các cam kết về  
bảo vệ môi trường.**

**Care for and guarantee the good  
living for employees. Take full  
responsibility of the community  
and society in terms of  
environmental protection  
commitment.**





## HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG 2017

Với sứ mệnh “vì sức khỏe cộng đồng”, bên cạnh tập trung sản xuất những loại dược phẩm có chất lượng và hiệu quả điều trị cao, Danapha luôn chủ động tham gia nhiều hoạt động xã hội thiết thực nhằm mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho mọi người.

### HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG THƯỜNG NIÊN

- Phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng (30.500.000VNĐ).
- Đóng góp kinh phí Quỹ phòng chống thiên tai năm 2017 (100.000.000 VNĐ)
- Đóng góp kinh phí cho Quỹ đền ơn đáp nghĩa Tp Đà Nẵng (53.760.000 VNĐ)

### CÁC HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU NĂM 2017

**1** Hỗ trợ chương trình “Gặp gỡ tháng năm” tại xã Trà Mai, huyện Nam Trà My. Tháng 5/2017, nhân chuyến đi trở về xưởng Dược Miền Trung Trung Bộ (tiền thân của Danapha ngày nay) tại xã Trà Mai của các cán bộ nhân viên hưu trí, Danapha đã hỗ trợ 1.500 tập vở và 1 máy tính để bàn cho các em học sinh, đồng thời tặng 1 tivi để góp phần cải thiện đời sống tinh thần cho bà con xã Trà Mai.

**2** Tặng quà cho nạn nhân chất độc màu da cam tại Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề Đà Nẵng.

Tháng 8/2017, Danapha đã thăm và tặng quà các em học viên tại Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề thuộc Hội chữ thập đỏ TP. Đà Nẵng. Hầu hết các em học sinh tại đây đều là nạn nhân của chất độc màu da cam, có em thiếu năng trí tuệ, có em câm và điếc, có em bại liệt nửa người, ... Tại trung tâm, tùy theo tình trạng sức khỏe, trí tuệ và khả năng vận động mà các em được xếp vào các lớp học phù hợp như lớp may, lớp thêu, lớp in, lớp làm hương. Ngoài tặng quà cho 60 em học viên tại Trung tâm, Danapha còn đặc biệt quan tâm và trao học bổng 2.000.000 đ/suất cho 3 trường học khó khăn nhất tại Trung tâm.

**3** Chương trình từ thiện hướng đến trẻ em vùng núi Nam Trà My, Quảng Nam.

Tháng 12/2017, Danapha đã vượt qua gần 180km để đến với các em học sinh người dân tộc tại trường tiểu học Trà Vân, xã Trà Vân, huyện Nam Trà My, Quảng Nam. Các em học sinh ở đây đều là con hộ nghèo ở vùng sâu vùng xa, thường xuyên phải học tập trong điều kiện thiếu thốn và chịu sự đe dọa của thiên tai, bão lụt.

Sau cơn bão lớn tháng 12/2017, Danapha đã kịp thời hỗ trợ các em học sinh 360 suất quà bao gồm áo ấm, chăn bông, vở học sinh, lương thực cần thiết (mỳ tôm, bánh kẹo), đồ chơi thể thao với tổng trị giá lên đến 65 triệu đồng.



## SOCIAL ACTIVITIES 2017

With the mission of “to serve the community’s health”, in addition to the production of high quality and effective pharmaceuticals, Danapha has always actively participated in many social activities to do good deeds for everyone.

### ANNUAL COMMUNITY ACTIVITIES

- Taking care of Vietnamese Heroic Mothers and people who contributed to the revolution (VND 30,500,000).
- Donating to the Disaster Preparedness Fund 2017 (VND 100,000,000)
- Donating to the Gratitude Fund of Da Nang City (VND 53,760,000)

### TYPICAL ACTIVITIES IN 2017

**1** *Supporting “The May Meeting” in Tra Mai commune, Nam Tra My district.* In May 2017, on a trip back to the Central Pharmacy (precursor of Danapha) in the Tra Mai commune which was run by the retiree, Danapha supported 1,500 notebooks and 01 desktop computer for students and donated a television to improve the spiritual life of the people in Tra Mai commune.

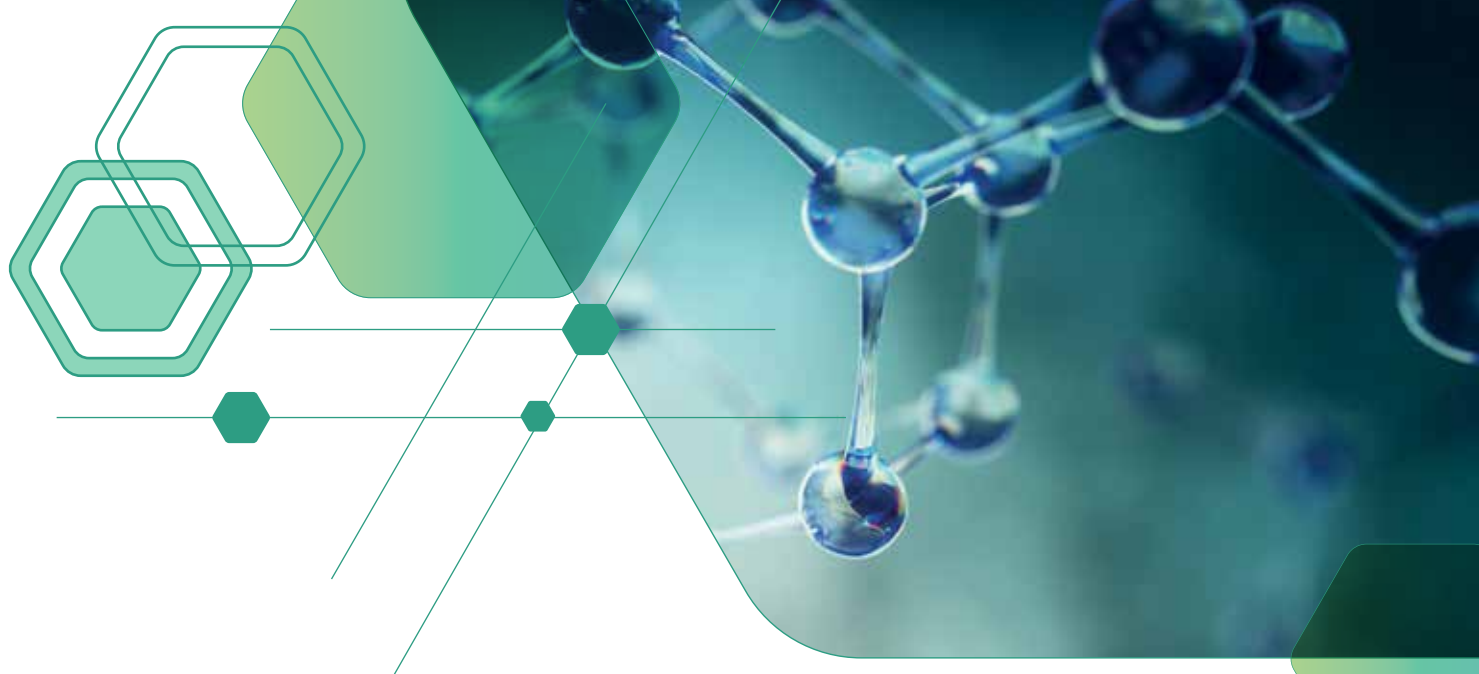
### **2** *Giving gifts to victims of Agent Orange at Da Nang Vocational Training Center.*

In August 2017, Danapha visited and presented gifts to students at Vocational Training Center of The Red Cross of Da Nang City. Most are the victims of Agent Orange who suffer intellectual disabilities. Some are mute and deaf while others have paraplegia, etc. At the center, depending on their state of health, intelligence and mobility, they were placed in appropriate classes such as sewing, embroidery, printing, and incense courses. In addition to giving gifts to 60 pupils at the Center, Danapha granted 03 scholarships (VND 2,000,000 each) to the most miserable cases at the center.

### **3** *Charity program targeting children in Nam Tra My mountain area, Quang Nam province.*

In December 2017, Danapha travelled almost 180 km to visit the ethnic minority students at Tra Van Elementary School, Tra Van commune, Nam Tra My district, Quang Nam. All pupils there are from poor households in remote areas, often having to study in poor conditions and under the threat of natural calamities and floods.

After the big hurricane in December 2017, Danapha timely supported the pupils with 360 gifts, including sweatshirts, blankets, notebooks, necessities (instant noodles, candy), and sports toys with a total value up to 65 million.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

### VĂN PHÒNG - NHÀ MÁY 1

253 Dũng Sĩ Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam  
T: (84. 236) 3757676 / 3757679 F: (84. 236) 3760127  
E: info@danapha.com

### VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI MỸ

8614 Grosvenor Court, Fairfax, Virginia , 22031, USA  
T: +1 703 935 3868

### NHÀ MÁY 2

Đường số 7 - KCN Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng, Việt Nam  
T: (84. 236) 3734678 F: (84. 236) 3760127

### CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Số 9, Ngõ 87 Nguyễn Văn Trỗi, P. Phương Liệt,  
Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
T: (84.24) 36647357 F: (84.24) 36649628

### CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Lô 14- Đường số 8- Khu CN Tân Tạo, P. Tân Tạo A,  
Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh  
T: (84.28) 36205609 F: (84.28) 36205607

### CHI NHÁNH TẠI ĐÀ NẴNG

253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng  
T: (84. 236) 3760952 F: (84. 236) 3760938

### CHI NHÁNH TẠI THANH HÓA

Lô 28 Bà Triệu, P. Đông Thọ, TP. Thanh Hóa  
T: (84. 237) 3719917 F: (84. 237) 3719918

### CHI NHÁNH TẠI KHÁNH HÒA

Lô 27-28 đường số 8, Khu đô thị mới Lê Hồng Phong  
- Venesia, P. Phước Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.  
T: (84.258) 6504343 F: (84.258) 6514343

### CHI NHÁNH TẠI VĨNH PHÚC

Số 43, lô S6 Khu Đô thị chùa Hà Tiên, P. Liên Bảo,  
TP. Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc  
T: (84. 211) 3656599 F: (84. 211) 3656779

### CHI NHÁNH TẠI CẦN THƠ

A3-22 đường số 10, KDC Nam Long, Khu vực 02,  
P. Hưng Thạnh, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ  
T: (84.292) 3913777 F: (84.292) 3913777

[www.danapha.com](http://www.danapha.com)

## DANAPHA PHARMACEUTICAL JSC

### OFFICE AND FACTORY 1

253 Dũng Sĩ Thanh Khe, Da Nang City  
T: (84. 236) 3757676 / 3757679 F: (84. 236) 3760127  
E: info@danapha.com

### REPRESENTATIVE OFFICE IN USA

8614 Grosvenor Court, Fairfax, Virginia , 22031, USA  
T: +1 703 935 3868

### FACTORY 2

Road No. 7 - Hoa Khanh Industrial Zone, Da Nang City  
T: (84. 236) 3734678 F: (84. 236) 3760127

### HANOI BRANCH

No. 9, Lane 87 Nguyen Van Troi, Phuong Liet Ward, Thanh  
Xuan District, Ha Noi  
T: (84.24) 36647357 F: (84.24) 36649628

### HO CHI MINH CITY BRANCH

Lot 14 - Street No. 8 - Tan Tao Industrial Area, Tan Tao Ward,  
Binh Tan District, Ho Chi Minh city  
T: (84.28) 36205609 F: (84.28) 36205607

### DA NANG BRANCH

253 Dũng Sĩ Thanh Khe, Thanh Khe District, Da Nang City  
T: (84. 236) 3760952 F: (84. 236) 3760938

### THANH HOA BRANCH

Lot 28 Ba Trieu, Dong Tho Ward, Thanh Hoa City  
T: (84. 237) 3719917 F: (84. 237) 3719918

### KHANH HOA BRANCH

Lot 27 - 28, Street No.8, Le Hong Phong,  
Venesia Urban Area, Nha Trang city  
T: (84.258) 6504343 F: (84.258) 6514343

### VINH PHUC BRANCH

No.43, lot S6 Ha Tien Pagoda Urban Area, Lien Bao Ward,  
Vinh Yen City, Vinh Phuc Province  
T: (84. 211) 3656599 F: (84. 211) 3656779

### CAN THO BRANCH

A3-22 Road 10, Nam Long Residential Area, 02 Area,  
Hung Thanh Ward, Cai Rang District, Can Tho City  
T: (84.292) 3913777 F: (84.292) 3913777

[www.danapha.com](http://www.danapha.com)